BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BÌNH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG NĂM 2024

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
CÁC TỪ VIẾT TẮT		4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		5
1	Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng	5
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường	5
2.1	Khái quát về lịch sử phát triển của Trường	5
2.2	Chức năng, nhiệm vụ	6
2.3	Thành tích nổi bật của nhà trường	7
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường	13
3.1	Cơ cấu tổ chức	13
3.2	Danh sách viên chức quản lý của Trường	15
3.3	Tổng số giáo viên, viên chức và người lao động của Trường	16
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường	16
4.1	Các nghề đào tạo và qui mô tuyển sinh của Trường theo Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp	16
4.2	Các nghề đào tạo	18
4.3	Số lượng học sinh trong 3 năm gần đây	18
4.4	Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 3 năm gần đây	18
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	18
5.1	Diện tích đất	18
5.2	Diện tích hạng mục công trình	19
5.3	Tổng số máy tính trong nhà trường	20
5.4	Tổng số đầu sách trong thư viện Trường	20
5.5	Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây (ĐVT: đồng)	20
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		21
1	Đặt vấn đề	21
2	Tổng quan chung	22
2.1	Căn cứ tự đánh giá	22

2.2	Mục đích tự đánh giá	22
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	23
2.4	Phương pháp tự đánh giá	23
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	23
3	Tự đánh giá	23
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	23
3.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	32
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	32
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	37
3.2.3	Tiêu chí 3: Giáo viên, viên chức quản lý, viên chức và người lao động	42
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	47
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	51
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	59
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	62
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	65
3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	71
PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG		75
1	Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	75
2	Hoạt động đào tạo	75
3	Nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động	75
4	Chương trình, giáo trình	75
5	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	75
6	Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	76
7	Quản lý tài chính	76
8	Dịch vụ người học	76
9	Giám sát, đánh giá chất lượng	76
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		78
1	Kết luận	78
2	Kiến nghị	78
PHỤ LỤC		79
1	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024	79

2	Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024	82
3	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024	84
4	Bảng mã minh chứng	92

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Từ
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh và Xã hội
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
TCN-CKXD	Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng
HS	Học sinh
KĐCL	Kiểm định chất lượng
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
NCKH	Nghiên cứu khoa học
VCQL	Viên chức quản lý
VCGD	Viên chức giảng dạy
NV	Nhân viên
KHKT	Khoa học kỹ thuật
VC-NLĐ	Viên chức – người lao động
CSVC	Cơ sở vật chất
CBCS	Cơ bản cơ sở
P.TH	Phòng Tổng hợp
CNTT	Công nghệ thông tin
VHVN	Văn hóa văn nghệ
TDTT	Thể dục thể thao
KTX	Ký túc xá
SK-SS	Sức khỏe - sinh sản
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
GDNN-GDTX	Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTĐT	Chương trình đào tạo
DN	Doanh nghiệp
SNKT	Sư nghiệp kinh tế
GV	Giáo viên
P.ĐT&KĐCL	Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng

Phần I
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường:

- Tiếng Việt: TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

- Tên Tiếng Anh: Mechanical Constructinon College

- Tên viết tắt của trường: MCC

1.2. Tên ngày đầu thành lập: TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1.3. Tên cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

1.4. Địa chỉ trường: Số 73 đường Cổ Bi, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

1.5. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: 0243.8767497;

- E-mail: truongcoma@gmail.com; - Website: https://mcc.molisa.gov.vn.

1.6. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1999 – Tên trường: Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng

- Năm 2006 – Tên trường: Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng

1.7. Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

2.1. Khái quát lịch sử phát triển của trường

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng được thành lập theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và được nâng cấp thành Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng theo Quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07 tháng 11 năm 2006.

Ngày 18/04/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 16/05/2014 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định 546/QĐ-BXD về việc tiếp nhận Trường TCN-CKXD thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng về trực thuộc Bộ Xây dựng.

Ngày 25/8/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-TTg. Theo đó, Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng nằm trong danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

Ngày 01/8/2024 Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 1190/QĐ-BLĐTBXH về việc tiếp nhận 10 Trường Cao đẳng, Trường Trung cấp trực thuộc Bộ Xây dựng về trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ:

2.2.1. Chức năng:

Trường TCN-CKXD có chức năng đào tạo nhân lực trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp; đào tạo thường xuyên; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho mọi người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật, khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

2.2.2 Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Xây dựng, trình Bộ chiến lược, kế hoạch phát triển Trường trong từng giai đoạn phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên đối với các ngành, nghề đào tạo của Trường theo quy định của Bộ trưởng.

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi văn bằng, chứng chỉ; quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Liên kết, tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động ở trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức biên soạn và phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề được cấp phép đào tạo của Trường theo quy định của pháp luật.

- Quản lý người học, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của pháp luật và của Trường.

- Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học; phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia định người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; hỗ trợ giải quyết việc làm, khởi nghiệp cho người học theo quy định của pháp luật.

- Tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và công bố công khai kết quả kiểm định.

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ về giáo dục nghề nghiệp; triển khai ứng ụng kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và chuyển giáo công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Huy động vốn, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật và của Bộ.

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

- Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ trưởng.

- Thực hiện công tác báo cáo, thống kế theo quy định của pháp luật; xây dựng, quản lý, duy trì cổng thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ công tác đào tạo của nhà trường và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Bộ.

2.3. Thành tích nổi bật của nhà trường

2.3.1. Phát triển về quy mô đào tạo:

Với những kết quả đã đạt được sau 25 năm xây dựng và phát triển, Trường TCN-CKXD đã đào tạo hàng vạn lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu của Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, ngành Xây dựng, toàn xã hội và xuất khẩu lao động. Kể từ năm 2007 trong bối cảnh khó khăn chung của các trường đào tạo nghề trong công tác tuyển sinh, đào tạo. Với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty Cơ khí xây dựng, Bộ Xây dựng cùng sự nỗ lực vươn lên, khắc phục mọi khó khăn của tập thể VC-NLĐ Nhà trường, trường đã tuyển sinh, đào tạo hàng năm đều vượt chỉ tiêu được giao.

Quy mô đào tạo cụ thể từ năm 2022 đến nay như sau:

Năm	Hệ trung cấp			Hệ sơ cấp			Đào tạo thường xuyên
	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Có mặt đầu năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	
2022	1072	448	294	17	56	58	227
2023	1173	365	358	0	15	15	151
2024	1101	323	346	0	118	56	6

Năm học 2022, nhà trường đào tạo 06 nghề với tổng số 1520 HS hệ trung cấp của các khóa 21, 22, 23, 24. Số lượng cụ thể như sau:

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 21	Khóa 22	Khóa 23	Khóa 24	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	76	44	56	142	**318**
02	Hàn	42	19	71	75	**207**
03	Điện tử công nghiệp	113	120	154	108	**495**
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	17	67	75	81	**240**
05	May thời trang	-	48	95	-	**143**
06	Công nghệ ô tô	-	32	43	42	**117**
	Tổng cộng	**248**	**330**	**494**	**448**	**1520**

Năm học 2023, nhà trường đào tạo 06 nghề với tổng số 1538 HS hệ trung cấp của các khóa 22, 23, 24, 25. Số lượng cụ thể như sau:

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 22	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	43	52	142	138	**375**
02	Hàn	14	63	79	70	**226**
03	Điện tử công nghiệp	117	147	105	26	**395**
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	65	69	73	84	**291**
05	May thời trang	0	93	-	0	**93**
06	Công nghệ ô tô	30	39	42	47	**158**
	Tổng cộng	**269**	**463**	**441**	**365**	**1538**

Năm 2024, nhà trường đào tạo 05 nghề với tổng số 1424 HS hệ trung cấp của các khóa 23,24, 25,26. Số lượng cụ thể như sau:

TT	Tên nghề đào tạo	Khóa 23	Khóa 24	Khóa 25	Khóa 26	Tổng cộng
01	Điện công nghiệp	50	135	135	128	**448**
02	Hàn	57	73	68	56	**254**
03	Điện tử công nghiệp	142	91	24	40	**297**
04	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	64	71	80	54	**269**
05	Công nghệ ô tô	32	34	45	45	**156**
	Tổng cộng	**345**	**404**	**352**	**323**	**1424**

Tuy nhiên, trong quá trình đào tạo có một số HS bỏ học không lý do chính đáng, xin thôi học, chuyển trường, nhà trường đã ra quyết định xóa tên học sinh theo đúng quy định.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu DN đồng thời đào tạo đa cấp, đa ngành phát triển đồng hành cùng DN. Đặc biệt Nhà trường luôn quan tâm đến vấn đề liên kết trong lĩnh vực đào tạo nghề tại các Trung tâm ở các tỉnh lân cận, coi đó như một nhiệm vụ trọng tâm trong việc mở rộng, nâng cao năng lực của trường.

- Công tác liên kết đào tạo giữa các cơ sở GDNN:

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 356 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương liên kết đặt lớp đào tạo trình độ trung cấp cho 1101 học sinh các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Hàn.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho 746 học sinh học hệ văn hóa GDTX cấp THPT cho học sinh đang học trung cấp tại trường.

- Công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động: Nhà trường đã thực hiện công tác đào tạo, giáo dục định hướng và đào tạo nghề cho các đơn vị xuất khẩu lao động, liên kết với các Trung tâm xuất khẩu để khai thác có hiệu quả phần cơ sở vật chất đã được đầu tư đồng thời tạo nguồn học sinh đầu vào học ngắn hạn cho nhà trường. Các lớp đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho lao động xuất khẩu được các đơn vị đánh giá cao.

- Liên kết đào tạo giữa các DN:

Năm 2024, có nhiều doanh nghiệp tìm đến nhà trường để tuyển dụng học sinh sau tốt nghiệp điển hình là các công ty: Công ty Cổ phần Thép Hòa Pháp Hải Dương, Công ty Cổ phần thép Việt Ý, Công ty Sam Sung Việt Nam, Công ty CP thang máy HD, Công ty Honda Việt Nam, Công ty cổ phần nhân lực Topaz, Công ty Thiên An,...

Bên cạnh đó có các doanh nghiệp tìm đến để phối hợp đào tạo nâng cao cho người lao động như: Công ty TNHH TM và ĐT Phú Hà, Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Goshi Thăng Long, Công ty TNHH nhân lực hàng không Tasseco, Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, Công Ty Ricoh Việt Nam, Công ty TNHH TSK Việt Nam.

Nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức tư vấn, tuyển sinh, đào tạo cho 118 học sinh hệ sơ cấp; 06 học sinh đào tạo thường xuyên.

2.3.2 Phát triển nâng cao chất lượng đào tạo:

Trong nhiều năm, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm sát sao và trực tiếp chỉ đạo các công việc, ưu tiên hàng đầu cho nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ phần trăm khá giỏi của HS khi tốt nghiệp ra trường.

Kết quả tốt nghiệp từ năm 2022 đến nay cụ thể:

Năm	Kết quả xếp loại tốt nghiệp				Ghi chú
	Giỏi	Khá	TB khá	Trung bình	
2022	24	193	77	0	
2023	28	256	74	0	
2024	29	246	70	01	

Tập thể viên chức lãnh đạo, quản lý, VC-NLĐ của nhà trường đã xác định được chất lượng đào tạo là sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chính vì vậy mà trong những năm qua, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho GV đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ và kiến thức, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao. 100% HS của nhà trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và thu nhập ổn định tại các DN, hiện tại với một số ngành đặc thù về cơ khí nhà trường không có đủ HS đã tốt nghiệp cung cấp cho các đơn vị của ngành Xây dựng và xã hội.

Hàng năm, nhà trường đều thành lập các đội tuyển đi thi HS giỏi nghề cấp Bộ, cấp thành phố, hầu hết các HS tham gia đội tuyển đều đạt giải và đều được khen thưởng, động viên bằng những phần thưởng vừa có giá trị vật chất vừa có giá trị tinh thần. Điều đó càng tăng thêm lòng hăng say học tập, phát huy sáng tạo trong quá trình học tập.

- Đối với GV:

Năm 2022, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01 GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 03 GV đạt giải ba, 04 GV đạt giải khuyến khích.

Năm 2023, đã cử 03 GV tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN thành phố Hà Nội, kết quả cả 03 GV tham gia đều đạt giải, trong đó 02 GV đạt giải Ba, 01 GV đạt giải Khuyến khích.

Năm 2024, nhà trường đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường, kết quả có 01GV đạt giải nhất, 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải ba, 02 GV đạt giải khuyến khích.

2.3.3 Các biện pháp, giải pháp trong công tác quản lý, cải cách hành chính:

Công tác tổ chức, kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển luôn được BGH Nhà trường chú trọng, quan tâm. Bộ máy tổ chức tương đối hoàn chỉnh, biên chế gọn nhẹ nhưng đảm bảo hiệu quả cao.

Năm 2023, Bộ Xây dựng đã ra quyết định thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo; Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch – Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Dịch vụ việc làm, Phó Trưởng khoa Điện.

Tháng 01/2024 Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định bổ nhiệm 01 viên chức quản lý (Phó trưởng khoa Điện).

Năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ra quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường TCN-CKXD. Trường đã làm thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Dịch vụ việc làm, nộp con dấu của Trung tâm, thực hiện thủ tục đăng ký con dấu, mẫu dấu của Trường tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Hiện tại tổ chức bộ máy của trường theo đúng quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gồm: Hội đồng trường, 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, 03 phòng chức năng: Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng *(trước đây là phòng Kế hoạch – đào tạo)*, Phòng Tổng hợp và Phòng Tài chính - Kế toán, 03 khoa chuyên môn: Khoa Điện, Khoa Công nghệ kỹ thuật *(trước đây gồm khoa Cơ khí và khoa Gia công nóng)* và Khoa Cơ bản cơ sở *(trước đây là khoa Cơ bản cơ sở và Kiểm định chất lượng)*.

Trường đã đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chuyển đổi chức vụ với các vị trí lãnh đạo, lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý của Bộ gồm: chuyển đổi chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, Trưởng Khoa Cơ bản cơ sở; Giao kiêm nhiệm Trưởng khoa Điện đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hòa - Phó Hiệu trưởng và đã được Bộ ra quyết định. Thực hiện xong quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật để nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ theo quy định và Bộ đã ra quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. Trường đã thực hiện chuyển đổi chức vụ với 02 đồng chí Phó trưởng khoa Điện, bổ nhiệm Phó Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Tổng hợp.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nhà trường cũng đã áp dụng nhiều giải pháp để đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện sao cho phát huy hết sức mạnh và khả năng lãnh đạo của người quản lý như:

+ Chỉ đạo hoàn thiện đề án tinh giản biên chế để Bộ phê duyệt;

Ngoài ra, còn thành lập các Hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp; Hội đồng kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng đầu khóa học; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Hội đồng lương, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng cho thuê tài sản,...

Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tuyển sinh; Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng, khoa trực thuộc Trường; Quy định chế độ làm việc của giáo viên; Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong GDNN,.... phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước.

Chú trọng đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ VCQL, VC-NLĐ.

2.3.4 Các đề tài NCKH và dự án SNKT:

Năm 2021, nhà trường được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ SNKT "Điều tra, khảo sát thực trạng mô hình đào tạo song bằng và 9+ dành cho học sinh THCS để đề xuất

những giải pháp tiếp cận đào tạo nghề quốc tế tại các cơ sở GDNN thuộc Bộ Xây dựng". Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 2 năm (2021-2022) và đã nghiệm thu vào tháng 12/2022.

Năm 2024, Trường đã công nhận 01 sáng kiến cấp cơ sở "Cải tiến phương pháp gia công phối tấm". Sáng kiến có nhiều tính mới, hiệu quả và đang được triển khai áp dụng có hiệu quả tại Trường.

2.3.5 Thực hiện các nhiệm vụ khác:

2.3.5.1 Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước:

Sở dĩ nhà trường đạt được những kết quả cao trong công tác đào tạo thể so sánh ngang cùng các trường có bề dày truyền thống là do viên chức lãnh đạo nhà trường đã xây dựng được một tập thể vững mạnh có tinh thần đoàn kết nhất trí cao trong công tác, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp quy của nhà nước về công tác GDNN, đặc biệt quy chế dân chủ trong Nhà trường thực hiện đúng chủ trương: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Khi có những vướng mắc của VC-NLĐ và HS đều được viên chức lãnh đạo nhà trường giải thích kịp thời theo các văn bản của nhà nước và những chủ trương của Nhà trường, làm cho mọi người càng yêu mến trường, tạo nên không khí sôi nổi trong giảng dạy, học tập.

Các quy chế làm việc, nội quy, quy định của nhà trường dần được sửa đổi, bổ sung và xây dựng hoàn thiện, phù hợp với tình hình thực tế như: Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế bổ nhiệm; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức quản lý, viên chức, người lao động; Quy chế nâng lương; Quy chế khuyến khích trong công tác tuyển sinh; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hồ sơ quản lý công tác PCCC. Ban hành kèm theo Quyết định: Nội quy PCCC, Nội quy sử dụng điện, Nội quy phòng cháy kho vật tư, Nội quy phòng cháy xưởng sản xuất; … nhà trường thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp; các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng. Ngoài ra còn một số quy định, quy chế khác như: Quy định ra vào cơ quan, Quy định đối với tổ bảo vệ, Quy định đối với giáo viên…

2.3.5.2 Công tác chăm lo đời sống viên chức quản lý, viên chức, người lao động:

Cùng với việc tạo nên những không khí thi đua sôi nổi trong học tập, giảng dạy và công tác nhà trường còn chú ý chăm lo đời sống cho viên chức quản lý, VC-NLĐ. Hàng tháng, tiền lương được thanh toán đúng hạn, các khoản chi thưởng lễ, tết đều được đảm bảo đều, đúng và đủ. Mức thu nhập bình quân năm sau luôn cao hơn năm trước. Cụ thể như sau:

+ Năm 2022 mức thu nhập bình quân: 10.188.000 đồng/người/tháng.

+ Năm 2023 mức thu nhập bình quân: 11.607.000 đồng/người/tháng.

+ Năm 2024 mức thu nhập bình quân: 10.466.000 đồng/người/tháng.

Hàng năm, tổ chức nhiều đợt tham quan, nghỉ mát cho VC-NLĐ ở các nơi như: Quảng Ninh (Hạ Long – Trà Cổ - Móng Cái), Chùa Trấn Quốc (Hà Nội), Quảng Bình,

Mai Châu (Hòa Bình).... hoặc hỗ trợ cho VC-NLĐ tự túc đi tham quan, nghỉ mát; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho VC-NLĐ.

Mua đầy đủ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho 100% VC-NLĐ.

Luôn quan tâm, thăm hỏi, động viên kịp thời, thanh toán đầy đủ chế độ cho VC-NLĐ khi ốm đau, hiếu, hỷ.

Động viên kịp thời, minh bạch và công khai VC-NLĐ có thành tích trong công tác, trong lao động sản xuất.

2.3.6. Các hình thức đã được khen thưởng

2.3.6.1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2022	Tập thể lao động xuất sắc	Số 1163/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 của Bộ Xây dựng
	Bằng khen của Bộ trưởng	Số 1184/QĐ-BXD ngày 06/12/2022 của Bộ Xây dựng
2023	Tập thể lao động xuất sắc	Số 1423/QĐ-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng
2024	Nhà trường đề nghị Bộ LĐ-TB&XH tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".	

2.3.6.2 Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2022	Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam	Số 520/QĐ-CĐXD ngày 01/11/2022 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam
2023	Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam	Số 560/QĐ-CĐXD ngày 11/10/2023 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam
	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm	Số 5443/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện Gia Lâm

- Năm 2024, Tập thể Trường TCN-CKXD: có 46 người, đạt tỷ lệ 77.6% (39/46) cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến". Trong đó:

+ 09/39 (đạt 23%) cá nhân đạt hình thức khen thưởng "Giấy khen cấp trường".

+ 04/39 (đạt 10.3%) cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

+ 06/6 (đạt 100% tập thể đạt tập thể lao động tiên tiến, 06/6 (đạt 100%) tập thể được tặng giấy khen của Hiệu trưởng.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường:

3.1. Cơ cấu tổ chức:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG
NĂM 2024

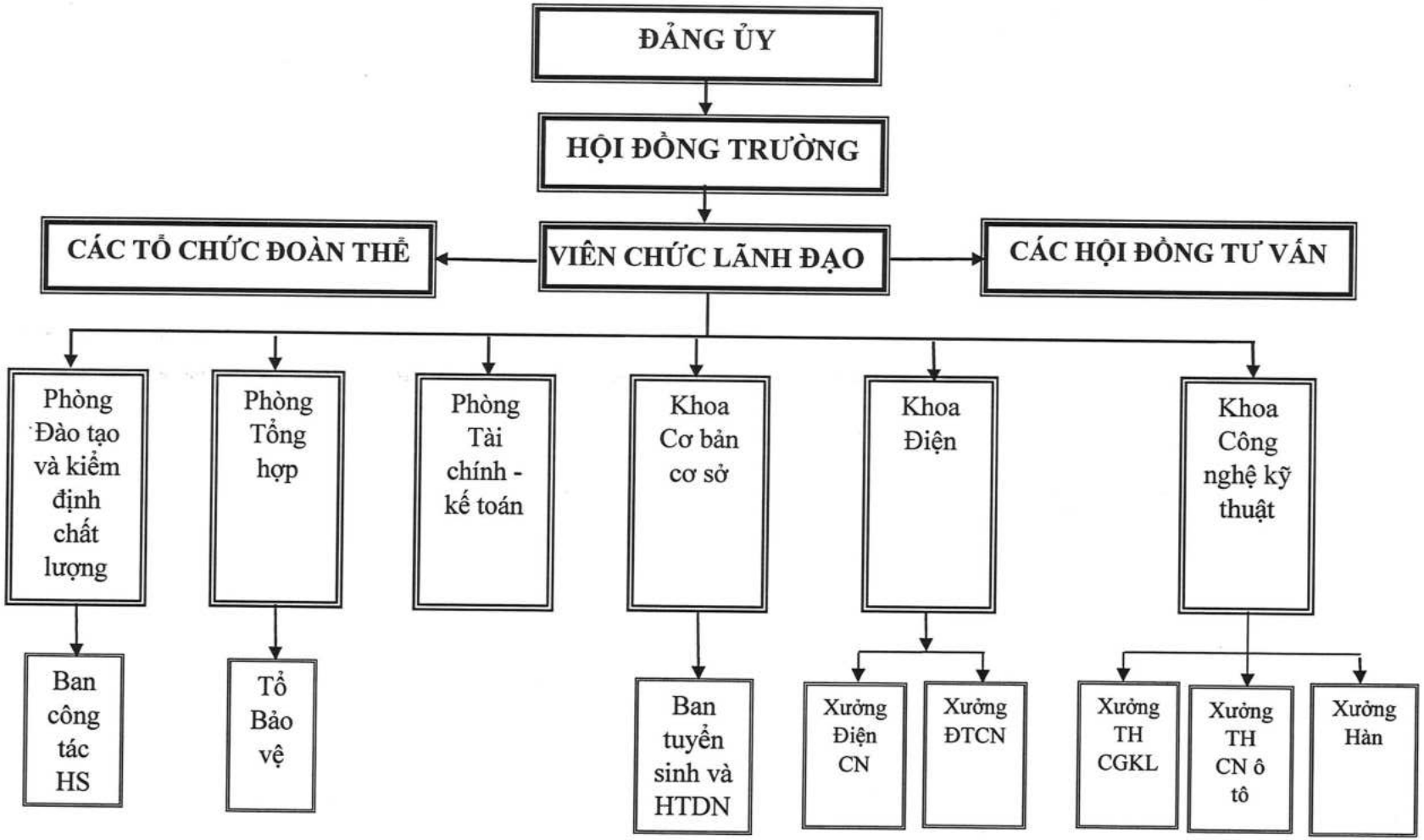

3.2. Danh sách viên chức lãnh đạo, quản lý của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Viên chức lãnh đạo	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Hiệu trưởng
	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Cử nhân KH	Phó Hiệu trưởng
2. Hội đồng trường	Nguyễn Đình Nhâm	1978	Ths. SPKT	Chủ tịch Hội đồng trường
	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Thành viên Hội đồng trường
	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Cử nhân KH	Thành viên Hội đồng trường
	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Thành viên Hội đồng trường
	Cù Thị Thùy Dương	1980	Ths. QTKD	Thư ký Hội đồng trường
	Trương Thị Mai Trang	1984	Cử nhân KT	Thành viên Hội đồng trường
	Phạm Hải Hà			Thành viên Hội đồng trường
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng bộ Trường	Phạm Văn Tự	1975	Ths. KT cơ khí	Bí thư Đảng ủy
Chi bộ 1	Nguyễn Đình Khải	1980	CN Tiếng Anh sư phạm	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Nguyễn Xuân Hòa	1977	Cử nhân SPKT	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Đào Văn Tiên	1969	Ths. QTKD	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Đình Nhâm	1978	Ths. SPKT	Bí thư Chi bộ
Công đoàn	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Chủ tịch Công đoàn
Đoàn TN	Trương Thị Mai Trang	1984	Cử nhân KT	Bí thư ĐTN CSHCM
3. Viên chức quản lý các phòng chức năng				
Phòng Tổng hợp	Cù Thị Thùy Dương	1980	Ths. QTKD	Trưởng phòng
	Đào Văn Tiên	1969	Ths. QTKD	Phó Trưởng phòng
Phòng ĐT&KĐCL	Vũ Thị Phược	1984	Ths. KT	Trưởng phòng
Phòng TC-KT	Trịnh Thị Hồng Vân	1979	Ths. QTKD	Trưởng phòng

4. Viên chức quản lý các khoa				
Khoa Công nghệ kỹ thuật	Đỗ Tuấn Nghĩa	1973	Ths. KT	Trưởng khoa
	Đoàn Tăng Thi	1978	Cử nhân SPKT	Phó Trưởng khoa
Khoa Điện	Nguyễn Văn Huấn	1993	Kỹ sư công nghệ KT điện, điện tử	Phó Trưởng khoa
	Nguyễn Văn Ngọc	1988	Kỹ sư điện dân dụng và công nghiệp	Phó Trưởng khoa
Khoa Cơ bản cơ sở	Nguyễn Đình Khải	1980	CN Tiếng Anh sư phạm	Trưởng khoa

3.3. Tổng số viên chức và người lao động của trường

*Thống kê số lượng VC-NLĐ của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1	VC-NLĐ thực tế	26	20	46
2	Viên chức làm việc	22	18	40
3	Hợp đồng lao động	04	02	06

* Đội ngũ giáo viên: Thống kê số lượng giáo viên của nhà trường.

Tổng số giáo viên: 34, trong đó: Nam: 25, Nữ: 09

STT	Trình độ	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng
		Tổng số GV trực tiếp giảng dạy	Trong đó: Số lượng GV kiêm nhiệm làm VCQL	
1	Thạc sỹ	9	4	2
2	Đại học	13	4	9
3	Cao đẳng	1	0	0
4	Trình độ khác	0	0	0
Tổng số		**23**	**8**	**11**

4. Nghề đào tạo và qui mô đào tạo của nhà trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của nhà trường theo Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đã được cấp:

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Điện công nghiệp	5520227	Trung cấp	290
2	Hàn	5520123	Trung cấp	270
3	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	150
4	Điện dân dụng	5520226	Trung cấp	50
5	Điện tử công nghiệp	5520225	Trung cấp	175
6	Nguội lắp ráp cơ khí	5520127	Trung cấp	100
7	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	5520205	Trung cấp	140
8	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp	50
9	May thời trang	5540205	Trung cấp	105
10	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp	70
11	Sửa chữa ô tô		Sơ cấp	50
12	Hàn điện		Sơ cấp	60
13	Hàn MAG/MIG		Sơ cấp	20
14	Hàn TIG		Sơ cấp	15
15	Hàn tự động		Sơ cấp	15
16	Hàn hơi		Sơ cấp	20
17	Hàn áp lực		Sơ cấp	20
18	Tiện		Sơ cấp	10
19	Phay		Sơ cấp	5
20	Bào		Sơ cấp	5
21	Khoan		Sơ cấp	10
22	Tiện CNC		Sơ cấp	10
23	Phay CNC		Sơ cấp	10
24	Điện dân dụng và công nghiệp		Sơ cấp	50
25	Điện tử		Sơ cấp	30
26	Điện lạnh		Sơ cấp	30
27	Nguội sửa chữa		Sơ cấp	20
28	Gò		Sơ cấp	20
29	Đúc		Sơ cấp	20

STT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
30	Sửa chữa, vận hành máy xây dựng		Sơ cấp	20
31	Vận hành cần trục, cổng trục có tải trọng đến 10 tấn		Sơ cấp	30
32	Vận hành máy khoan cọc nhồi		Sơ cấp	40
33	Vận hành máy đóng cọc		Sơ cấp	40
34	Vận hành máy ủi		Sơ cấp	40
35	Vận hành máy san		Sơ cấp	40
36	Vận hành máy xúc		Sơ cấp	40
37	Vận hành trạm trộn, máy bơm bê tông		Sơ cấp	40
38	Vận hành máy nâng hàng		Sơ cấp	40
39	Nề hoàn thiện		Sơ cấp	40
40	Cấp thoát nước		Sơ cấp	40

4.2. Các nghề đào tạo:

Số lượng nghề đào tạo trung cấp: 10 nghề

Số lượng nghề đào tạo sơ cấp: 30 nghề

4.3. Số lượng HS trong 3 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm		
		2022	2023	2024
1	Trung cấp	448	365	333
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	283	151	124
Tổng cộng		**731**	**516**	**457**

4.4 Thống kê số lượng HS tốt nghiệp trong 3 năm gần đây:

TT	Trình độ đào tạo	Năm		
		2022	2023	2024
1	Trung cấp	294	358	346
2	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	285	151	62
Tổng cộng		**579**	**509**	**408**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích: 6.182m^2

+ Diện tích xây dựng: 5.392 m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 790m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)
1	Khu hiệu bộ	1185	1185
2	Phòng học lý thuyết	1260	1260
3	Xưởng thực hành	840	840
4	Khu phục vụ	-	-
4.1	*Thư viện*	*60*	*60*
4.2	*Ký túc xá*	*1622*	*1622*
4.3	*Hội trường tầng 2*	*90*	*90*
	Hội trường tầng 3	*150*	*150*
4.4	*Văn phòng tuyển sinh*	*30*	*30*
4.5	*Phòng y tế*	*30*	*30*
4.6	*Nhà ăn*	*360*	*360*
4.7	*Nhà kho*	*40*	*40*
4.8	*Nhà bảo vệ*	*20*	*20*
4.9	*Nhà vệ sinh công cộng*	*380*	*380*
4.10	*Khu thể thao*	*200*	*200*
4.11	*Nhà để xe*	*200*	*200*
Tổng		**6.467**	**6.467**

Trụ sở chính đặt tại số 73 đường Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội với tổng diện tích đất sử dụng 6.182m^2. Trong đó diện tích xây dựng: 5.392 m^2 bao gồm:

- Khu giảng đường: với tổng số 20 phòng học, diện tích 60 m^2/phòng, tổng diện tích xây dựng là 1260 m^2.

- Khu học thực hành: Tổng diện tích xây dựng: 840 m^2

+ Xưởng thực hành Cơ khí Hàn diện tích 300m^2

+ Xưởng thực hành Điện dân dụng diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện tử diện tích 90m^2

+ Xưởng thực hành Điện công nghiệp diện tích 80m^2

+ Xưởng thực hành Điện lạnh diện tích 60m^2

+ Xưởng thực hành Công nghệ ô tô diện tích 220m^2

+ Khu hiệu bộ: diện tích 1185m^2

- Khu phục vụ: Tổng diện tích 3182m^2

+ Thư viện với 30 chỗ ngồi và 1.500 đầu sách có diện tích: diện tích 60m^2

+ Khu thể thao: diện tích 200m^2

+ Phòng y tế đang sử dụng: diện tích 30m^2

+ Ký túc xá: 01 dãy nhà 4 tầng tổng số 25 phòng ở tổng diện tích: 1.372m^2 và 01 dãy nhà cấp 4 với 9 phòng ở khép kín với tổng diện tích 250m^2. Hiện tại có thể đáp ứng 60% học sinh có nhu cầu ở nội trú.

+ Nhà ăn: diện tích 360m^2

+ Nhà kho: diện tích 40m^2

+ Hội trường tầng 2: diện tích 90m^2

+ Hội trường tầng 3: diện tích 150m^2

+ Văn phòng tuyển sinh diện tích 30m^2

+ Nhà bảo vệ: diện tích 20m^2

+ Nhà vệ sinh công cộng: diện tích 380m^2

+ Nhà để xe: diện tích 200m^2

+ Các hạng mục khác: Hàng rào xung quanh trường, hệ thống cấp điện chung, hệ thống cấp nước sạch dùng trong sinh hoạt chung.

5.3. Tổng số máy tính trong nhà trường: 47 máy tính

5.4. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 1.500 đầu sách

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	**TỔNG THU**	**15.878**	**25.457**	**13.275**
A	**Kinh phí Ngân sách cấp**	**14.906**	**24.010**	**11.590**
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	6.900	6.892	7.048
2	Thu ngân sách cấp bù học phí	5.183	5.000	4.091
3	Thu đề tài nghiên cứu khoa học	0	0	0
4	Đề tài sự nghiệp kinh tế	200	200	0
5	Kinh phí cải tạo, sửa chữa	2.623	11.911	0

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	6.5	451
B	**Thu hoạt động sự nghiệp**	**972**	**1.447**	**1.685**
1	Thu học phí	129	762	863
2	Thu hoạt động sự nghiệp khác	591	275	276
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	252	410	546
II	**TỔNG CHI**	**15.803**	**25.402**	**13.138**
1	Chi từ nguồn kinh phí thường xuyên	6.885	6.982	7.048
2	Chi kinh phí cấp bù học phí	5.183	5.000	4.091
3	Chi đề tài NCKH, SNKT	0	0	0
4	Chi cải tạo, sửa chữa	2.623	11.864	0
5	Chi dự án SNKT	188	200	0
6	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	0	6.5	451
7	Chi phí và lệ phí	129	762	863
8	Chi hoạt động sự nghiệp khác	543	275	276
9	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	252	355	409
III	**Chênh lệch thu, chi**	**75**	**55**	**137**

Phần II
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

1. Đặt vấn đề

Trường TCN-CKXD được thành lập theo quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07/11/2006 của Bộ Xây dựng *(Quyết định số 1532/QĐ-BXD- 1.1.01)* tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật cơ khí xây dựng được thành lập theo quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18/01/1999 của Bộ Xây dựng *(Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD - 1.1.01)* đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp đào tạo của Nhà trường tiếp nối chặng đường vẻ vang với bề dày truyền thống 25 năm đào tạo công nhân kỹ thuật trình độ trung cấp. Sứ mạng hiện nay của Trường là cơ sở GDNN công lập, đào tạo đa nghề, đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu xã hội, lấy người học làm trung tâm, tham gia cam kết cung cấp cơ hội học tập suốt đời cho người học, đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động khoa học - công nghệ cung cấp dịch vụ trong nước và hội nhập.

Chất lượng GDNN đang là vấn đề thu hút của các nhà quản lý, các DN, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở GDNN ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở GDNN

nào có chất lượng cao. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở GDNN. Ý thức được vấn đề đó, Trường TCN-CKXD đã tiến hành thực hiện tự đánh giá qua đó có thể đánh giá được các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu GDNN mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác kiểm định mà qua đó nhà trường còn thể hiện được tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm trong theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Nhà trường.

Tháng 9/2019 Hiệu trưởng Trường TCN-CKXD đã ra Quyết định thành lập Khoa CBCS & KĐCL trực thuộc Trường, có chức năng tham mưu cho lãnh đạo Trường về việc triển khai thực hiện công tác đánh giá chất lượng. Đến tháng 10/2024, chức năng này chuyển sang phòng ĐT&KĐCL phụ trách. Từ đó đến nay công tác đánh giá chất lượng trong nhà trường đã từng bước được thực hiện. Để triển khai tốt quy trình tự đánh giá, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự kiểm định gồm 15 thành viên là viên chức lãnh đạo nhà trường, VCQL các đơn vị, các đoàn thể trong trường, các nhà giáo có uy tín, đại diện các doanh nghiệp do đồng chí Hiệu trưởng làm chủ tịch. Hội đồng Tự đánh giá đã thành lập Ban thư ký (6 người) và 3 nhóm công tác chuyên trách để triển khai công tác tự đánh giá theo từng nhóm tiêu chuẩn. Hội đồng Tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường theo quy định và gửi về Tổng cục GDNN.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ Quy định về quy trình thực KĐCL dạy nghề ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

- Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN

2.2. Mục đích tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của VCQL, VC-NLĐ và HS trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất GDNN theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN do Bộ LĐ-TB&XH ban hành.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN của trường Trung cấp. Duy trì, phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá:

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong nhà trường.

- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá:

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động của Nhà trường để chứng minh đạt hay không đạt theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến từ các đơn vị, viên chức quản lý, VC-NLĐ, HS và DN.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN của nhà trường

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá của nhà trường

- Thu thập thông tin, minh chứng.

- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.

- Kiểm định mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.

- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN nhà trường và gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN đến các cơ quan chức năng theo quy định.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng GDNN của nhà trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường năm 2024
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		**Đạt**
	Tổng điểm	**100**	**88.56**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**12**	**12**
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai;	01	01

1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp;	01	01
1.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	01	01
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết;	01	01
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường;	01	01
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả;	01	01
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định;	01	01
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao;	01	01
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật;	01	01
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường;	01	01
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát;	01	01
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	01	01
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	**17**	**14.2**
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để	01	01

	người học và xã hội biết;		
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định;	01	01
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan;	01	01
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học;	01	01
2.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định;	01	01
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt;	01	01
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có;	01	0.45
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm;	01	01
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học;	01	0.65
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch;	01	01
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết;	01	0.75
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	01	01
2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có;	01	01

2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan;	01	01
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết;	01	01
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định;	01	0
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	01	01
3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động**	**15**	**14.11**
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động theo quy định;	01	01
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức, người lao động theo quy định;	01	01
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có;	01	01
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường;	01	01
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định;	01	0.91
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	01	01
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	01	01
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai	01	01

	kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.		
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	01	0.2
3.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	01	01
3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	01	01
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ viên chức quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	01	01
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ viên chức quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	01	01
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức quản lý.	01	01
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	01	01
4	**Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình**	**15**	**12.55**
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	01	01
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	01	01
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	01	01
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	01	01
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực	01	01

	tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.		
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	01	0.17
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	01	01
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	01	0.7
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	01	0.25
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	01	01
4.11	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	01	01
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	01	0.83
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	01	0.85
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, viên chức quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	01	01
4.15	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	01	0.75
5	**Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**15**	**12.2**
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra	01	01

	chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	01	01
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	01	01
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	01	0.9
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	01	01
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	01	01
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	01	01
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	01	0.75
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	01	01
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng,	01	01

	bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.		
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	01	0.5
5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	01	0.4
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	01	01
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của viên chức quản lý, nhà giáo và người học.	01	0.65
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	01	0
6	**Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	**05**	**3.2**
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích viên chức quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	01	01
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp).	01	0.7
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	01	0
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến	01	0.5

	cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.		
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	01	01
7	**Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính**	**06**	**5.65**
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	01	01
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	01	01
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	01	01
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	01	01
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	01	01
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	01	0.65
8	**Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học**	**09**	**8.75**
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	01	01
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	01	01
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	01	01
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	01	01

8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	01	01
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	01	01
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	01	01
8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	01	0.75
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	01	01
9	**Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng**	**06**	**05**
9.1	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	01	01
9.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% viên chức quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm viên chức quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	01	01
9.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	01	01
9.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	01	01
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	01	0
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	01	01

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

*** Mở đầu**

- Trường TCN-CKXD được thành lập theo Quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07/11/2006 của Bộ Xây dựng *(Quyết định số 1532/QĐ-BXD- 1.1.01)* tiền thân là Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng được thành lập theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD ngày 18/01/1999 của Bộ Xây dựng *(Quyết định số 04/1999/QĐ-BXD-1.1.01)*, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy Chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN. Bộ máy tổ chức của trường được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Trường trung cấp và được cụ thể hóa trong quy chế tổ chức hoạt động của trường. Việc phân công phụ trách điều hành được xác định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường.

- Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được xác định và công bố công khai trên website của Nhà trường. Hiện nay, trường đang đào tạo 10 nghề trình độ Trung cấp và 30 nghề trình độ Sơ cấp. Mục tiêu đào tạo của các nghề đào tạo đều được xác định rõ ràng và là định hướng để xây dựng và điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp nhu cầu của người học, doanh nghiệp, địa phương và xã hội.

- Qua 25 năm hình thành và phát triển, tập thể viên chức lãnh đạo, quản lý cùng đội ngũ VC-NLĐ Nhà trường đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt được những kết quả quan trọng trong các hoạt động đào tạo, NCKH, xây dựng đội ngũ, CSVC, đưa nhà trường ngày càng phát triển.

***Những điểm mạnh:**

- Sứ mạng được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, phù hợp với chức năng và định hướng phát triển của trường, gắn kết với chiến lược phát triển của DN, địa phương, được điều chỉnh trong từng giai đoạn nhằm phù hợp với chức năng và nguồn lực.

- Các mục tiêu giáo dục được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung, phổ biến rộng rãi và cụ thể hóa thành nhiệm vụ của các đơn vị, cán bộ trong trường.

- Tổ chức bộ máy của trường được thực hiện theo Điều lệ Trường Trung cấp, được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động, hằng năm được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của trường.

- Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của trường được phổ biến, triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị. Cơ chế quản lý khoa học, hiệu lực quản lý cao, ổn định và khá hiệu quả. Nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tập thể, cá nhân được phân định rõ ràng, phát huy tính chủ động sáng tạo của mỗi cá nhân, đơn vị.

- Công tác Đảng, đoàn thể phát huy tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định trong nhà trường, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và được đánh giá tốt.

***Những tồn tại:**

- Công tác kiểm tra, giám sát nhìn chung chưa đạt hiệu quả mong muốn.

- Công tác phân cấp về tổ chức và quản lý đào tạo trong tổ chức thực hiện đôi khi chưa phát huy tính chủ động của các đơn vị và VC-NLĐ.

- Một số phong trào do Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HS tổ chức chưa thu hút được đông đảo mọi người tham gia.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân theo hướng cụ thể, chi tiết hơn nhằm giải quyết triệt để tồn tại nêu trên.

- Tạo điều kiện để đội ngũ VC-NLĐ được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Ngày càng hoàn chỉnh cơ chế quản lý cấp trường theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tính trách nhiệm ở các đơn vị; nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát.

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, nhận định: Mục tiêu và sứ mạng của Trường TCN-CKXD đã được xác định trong Đề án phát triển trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, được công bố công khai tại Hội nghị viên chức Trường hàng năm và trên Website của trường.

Nội dung mục tiêu và sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập trường, phù hợp với nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của khu vực phía Bắc xác định rõ trong Đề án phát triển Trường TCN-CKXD giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến 2030. Mục tiêu đào tạo còn được cụ thể hóa trong CTĐT các nghề. Sau mỗi khóa học, CTĐT của các nghề đều được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực và được Hội đồng Khoa học và đào tạo của nhà trường thông qua. Cùng với việc chỉnh sửa mục tiêu, CTĐT các nghề học cũng được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định tại Luật GDNN và sứ mạng của nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, nhận định: Đề án phát triển Trường TCN-CKXD giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến 2030 đã phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, từ đó xác định cơ cấu và quy mô ngành nghề đào tạo phù hợp, ngoài ra, đầu mỗi năm học Nhà trường đều tiến hành tìm hiểu thị trường lao động để có hướng đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu lao động của các địa phương, DN.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, nhận định: Nhà trường ban hành các văn bản quy định về tổ chức, quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của giáo viên, Quy định quản lý và sử dụng tài sản công. Phương án tự chủ theo Nghị định 16 của Chính phủ, các quyết định thành lập khoa, phòng và tương đương, và nhiều văn bản khác thể hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của trường được phổ biến, triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết

Mô tả, nhận định: Định kỳ hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Quy định quản lý và sử dụng tài sản công, đều được rà soát điều chỉnh, bổ sung và thông qua tại Hội nghị VC-NLĐ thống nhất để triển khai thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường

Mô tả, nhận định: Viên chức lãnh đạo nhà trường gồm có 02 người, được phân công nhiệm vụ cụ thể, nhà trường có 6 đơn vị trực thuộc: 03 khoa; 03 phòng chức năng.

Chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa thuộc trường được phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng trong các Quyết định thành lập đơn vị và trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Quyết định Quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng khoa phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, vị trí chức năng của đơn vị.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, nhận định: Hội đồng Trường được thành lập và thực hiện nhiệm vụ; bên cạnh đó Nhà trường có các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng khen thưởng và kỷ luật HS, Hội đồng thẩm định CTĐT,... Các Hội đồng đều thực hiện đúng nhiệm vụ được quy định được nêu trong quyết định thành lập.

Các đơn vị trực thuộc hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và có hiệu quả, hàng năm đều có báo cáo tổng kết các mặt công tác được giao để lãnh đạo trường theo dõi và kịp thời chỉ đạo; Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, P.TH xây dựng báo cáo tổng kết năm học của nhà trường, tìm ra những ưu, khuyết điểm, những việc làm được và chưa làm được để kịp thời khắc phục trong năm học tới.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, nhận định: Nhà trường phân công P.ĐT&KĐCL chủ trì xây dựng, điều chỉnh CTĐT, công tác khoa học, kiểm định cơ sở GDNN, tổ chức lấy ý kiến HS về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa CBCS tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, theo dõi quản lý HS, Bộ phận thanh tra, kiểm tra thường xuyên đảm bảo chất lượng đào tạo, các khoa chuyên môn tổ chức giảng dạy và quản lý HS. Chức năng nhiệm vụ của các

đơn vị quy định trong Quyết định thành lập đơn vị và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Hệ thống bảo đảm chất lượng được xây dựng và đã vận hành được 02 năm. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng để phù hợp với điều kiện thực tế.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, nhận định: Phòng ĐT&KĐCL được giao nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở GDNN, kiểm định chất lượng đào tạo của Trường, tổ chức tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội; báo cáo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp kết quả tự đánh giá đề nghị tổ chức đánh giá ngoài. Cùng với đó, hằng năm, Trường đều có Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng, Ban thư ký Hội đồng có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá; thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng; phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường (nếu có). Các bộ phận thực hiện nhiệm vụ phối hợp tốt, làm việc nhanh chóng, hiệu quả, định kỳ hàng năm đều có báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, nhận định: Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ nhà trường không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng đội ngũ. Hiện nay Đảng bộ nhà trường có tổng số 39 đảng viên đang sinh hoạt tại 4 chi bộ trực thuộc. Nhiệm kỳ 2020-2025, BCH Đảng ủy có 7 đồng chí. Hàng năm, Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của đơn vị.

Tham mưu cho viên chức lãnh đạo Trường thành lập Hội đồng Khoa học và đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, KĐCL phối hợp với P.ĐT&KĐCL, Bộ phận kiểm tra và các khoa chuyên môn tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, nhận định: Các tổ chức xã hội, đoàn thể trong Trường bao gồm Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban nữ công, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình theo điều lệ, tham mưu với Đảng ủy, phối hợp với chuyên môn đồng cấp và các bộ phận trong Trường thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường, nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Hàng năm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban nữ công của Trường đều tổ chức nhiều hoạt động phong trào VHVN, TDTT, thanh niên tình nguyện, hiến máu nhân đạo… đã tập hợp, thu hút được đông đảo VC-NLĐ, HS tham gia.

Tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên của Trường hàng năm có kế hoạch hoạt động cụ thể. Nội dung kế hoạch nhằm động viên VC-NLĐ nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị của đơn vị góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dạy nghề hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã góp phần không nhỏ tạo dựng được sự đoàn kết nhất trí cao trong toàn trường, nâng cao đời sống tinh thần cho VC-NLĐ và HS, góp phần tích cực nâng cao nhận thức, ý thức, giáo dục truyền thống lối sống, đạo đức, giáo dục ý thức nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ GV, VC-NLĐ và HS, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, thiện nguyện, hoạt động phong trào, tổ chức tốt các hoạt động thi đua tạo không khí sôi nổi vui tươi lành mạnh trong nhà trường, tập hợp, thu hút được đông đảo VC-NLĐ và HS tham gia, giảm thiểu tiêu cực và các tệ nạn xã hội góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, nhận định: Trường có nhiều quy chế, quy định về tổ chức thực hiện nhiệm vụ và đã ban hành Quy định về công tác thanh tra trong nhà trường, các kế hoạch, nội dung thanh tra định kỳ, đột xuất từng cuộc thanh tra. Đầu năm, Ban Thanh tra nhân dân đều xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên môn định kỳ 50% số đơn vị trong nhà trường, ngoài ra còn thanh tra đột xuất.

Ban Thanh tra có 03 VC thuộc đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ theo dõi quản lý mọi hoạt động diễn ra trong nhà trường. Chủ trì tổ chức thanh tra chuyên môn 50% số đơn vị/năm học, ngoài ra còn thanh tra chuyên đề theo chỉ đạo của Hiệu trưởng, mỗi đợt thanh tra đều có biên bản thể hiện rõ nội dung và kết quả thanh tra (1.11.03). Trong những năm qua, Bộ phận Thanh tra đã tham mưu tích cực cho nhà trường kịp thời sửa chữa, chấn chỉnh các hoạt động đi vào nề nếp, chất lượng.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, nhận định: Trường ban hành nhiều văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đối với GV, VC-NLĐ và HS, trong đó đặc biệt là Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế HS và các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cho HS.

Việc thực hiện công tác chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước luôn được chú trọng, giải quyết kịp thời, đầy đủ theo quy định.

Trường xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường, đảm bảo công bằng và bình đẳng giới trong mọi hoạt động. Phát huy vai trò Công đoàn, Ban nữ công tổ chức tuyên truyền, vận động và các hoạt động phong trào trong các ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10) và nhiều hoạt động bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

3.2.2. Tiêu chuẩn 2: Hoạt động đào tạo

***Mở đầu:**

- Trường TCN-CKXD hiện đang đa dạng hóa các loại hình, cấp bậc đào tạo, mở rộng hoạt động liên kết với các đơn vị trong và ngoài địa bàn, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp đào tạo, lấy HS làm trung tâm, tích cực sử dụng CNTT trong quản lý giám sát, đánh giá kết quả học tập của HS, đảm bảo tính khách quan, đánh giá đúng năng lực học tập của HS.

***Những điểm mạnh:**

- Với bề dày truyền thống về quản lý hoạt động đào tạo, kinh nghiệm, sự linh hoạt trong công tác điều hành và tham mưu kế hoạch, sự vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ VCQL, VC-NLĐ, Nhà trường là trường công lập luôn xác định mọi hoạt động theo khuôn khổ tuân thủ pháp luật nên việc chấp hành nghiêm các quy chế, quy định của ngành là điểm mạnh trong hoạt động đào tạo của nhà trường.

***Những tồn tại:**

- Vì quản lý nhiều loại hình, cấp độ đào tạo, thực hiện cùng lúc nhiều quy chế đào tạo nên khó ứng dụng CNTT trong quản lý, hầu hết việc xử lý kết quả học tập bằng phần mềm Excel là chính. Bên cạnh đó việc thay đổi cơ quan quản lý và hệ thống văn bản mới ra đời nên việc triển khai thực hiện chưa hiệu quả, chưa thống nhất…CSVC còn hạn chế khi chuyển sang GDNN nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hoạt động đào tạo.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tham mưu, đề xuất các cấp quản lý tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề để đảm bảo yêu cầu tối thiểu của Trường Trung cấp.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đào tạo nghề, thiết kế mô-đun, dạy tích hợp cho đội ngũ GV.

- Có phần mềm quản lý đào tạo thống nhất cho các Trường để thuận lợi trong tác nghiệp và báo cáo về cơ quan chủ quản.

- Có chương trình, giáo trình dùng chung cho các Trường trong hệ thống để thống nhất chuẩn đầu ra, trừ những ngành nghề trọng điểm khu vực và quốc tế.

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

- Mô tả, phân tích, nhận định: Sau khi chuyển sang GDNN nhà trường đã tiến hành xây dựng CTĐT theo hướng giáo dục nghề nghiệp đảm bảo các qui định và đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động GDNN. Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho các CTĐT trình độ trung cấp, sơ cấp và công bố công khai để HS và xã hội biết.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ LĐ-TB&XH, Tổng cục GDNN, Nhà trường đã xây dựng Quy chế tuyển sinh trung cấp và sơ cấp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ năng lực đội ngũ VC-NLĐ, điều kiện CSVC, hàng năm nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ chỉ tiêu được phê duyệt nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy chế hiện hành. Các quy trình thực hiện đảm bảo đúng quy định, việc xét tuyển thực hiện khách quan, công bằng, công khai.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường hiện đa dạng hóa phương thức đào tạo, vừa đào tạo theo phương thức niên chế vừa lồng ghép dạy văn hóa chương trình GDTX cấp THPT cho đối tượng tốt nghiệp THCS vào học trung cấp …

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, vào đầu năm học mới, nhà trường ban hành Kế hoạch đào tạo theo năm học chung cho tất cả các ngành, bậc, lớp học cụ thể, Kế hoạch đào tạo thể hiện thời gian, tiến độ thực hiện từng học kỳ, thi kiểm tra và xét tốt nghiệp cho các khóa. Kế hoạch chi tiết các môn học do khoa chuyên môn quản lý và lưu trữ. Việc bố trí giảng dạy thực hành, lý thuyết do khoa và Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng phối hợp thống nhất theo kế hoạch chi tiết của bộ môn. Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch cho khóa học, tiến độ đào tạo từng năm học.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định: Sau khi kết thúc tuyển sinh, nhập học, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch đào tạo năm học mới, các đơn vị căn cứ kế hoạch tổ chức thực hiện, cụ thể là P.ĐT&KĐCL tham mưu cho viên chức lãnh đạo điều hành kế hoạch đào tạo toàn trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường đều xác định mục tiêu và nội dung đào tạo rõ ràng, hợp lý, đảm bảo kiến thức và kỹ năng làm việc sau tốt nghiệp, vì thế việc thực hiện CTĐT phải luôn bám sát mục tiêu, nội dung được duyệt. Trong thực hành, thực tập, các bộ môn luôn xây dựng kế hoạch chi tiết, gắn chặt với DN trong rèn nghề, xác định thời gian cụ thể, nội dung rõ ràng, cùng phối hợp với DN hướng dẫn thực hành cho HS, đặc biệt đối với mô đun thực tập sản xuất Nhà trường ký hợp tác đào tạo với DN, cùng xây dựng chương trình, HS có 02 tháng rèn nghề tại doanh nghiệp ở học kỳ cuối khóa. Các năm trước, Trường có tổ chức cho học sinh thực tập tại các DN. Nhưng những năm gần đây, Trường đào tạo hệ song bằng nên việc đưa HS đi thực tập gặp khó khăn. Nhà trường xây dựng Kế hoạch thực tập sản xuất cho học sinh năm cuối đang học tập tại đơn vị đặt lớp liên kết đào tạo thực hiện việc thực tập tại các DN, xây dựng Kế hoạch thực tập cơ sở/bài tập lớn cho học sinh năm cuối đang học tập tại Trường.

Điểm tự đánh giá: 0.45 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định: Phương pháp đào tạo thể hiện rõ trong chương trình đào tạo, Nhà trường xác định GDNN là nâng tỷ lệ thực hành, giảm tỷ trọng giờ lý thuyết, một số ngành công nghệ kỹ thuật tỷ trọng giờ thực hành chiếm 75%, việc trang bị kiến thức cơ bản, nguyên lý nền tảng được giảm xuống, dành thời lượng cho giờ rèn kỹ năng nhiều hơn, từ đó phát huy tính hứng thú, tích cực trong học nghề, tạo cho HS khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp tốt với bạn bè khi được giao hoạt động theo nhóm, tổ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy và học được quan tâm đầu tư và thực hiện trong nhiều năm qua, những tiện ích do CNTT mang lại thực sự hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy trong điều kiện còn khó khăn về CSVC, trang thiết bị nhưng nhà trường vẫn luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động dạy và học, coi đây là yêu cầu cấp thiết nhất trong quản lý đào tạo.

Hiện tại Nhà trường đang sử dụng phần mềm của Tổng cục GDNN, phần mềm MS Word, MS Excel, … để quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm.

Điểm tự đánh giá: 0.65 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là nhiệm vụ thường xuyên của các Khoa, P.ĐT&KĐCL, tuy nhiên với chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao, P.ĐT&KĐCL là đơn vị kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo kế hoạch cụ thể. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường nhật hàng ngày, mỗi ngày 2 buổi trên giảng đường, thời khóa biểu.

Đầu năm, căn cứ chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết Hội nghị VC-NLĐ và phát động thi đua, Bộ phận thanh tra của trường có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thanh tra trong từng năm. Thời gian trong năm, P.ĐT&KĐCL đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các cuộc thanh tra, đặc biệt là thanh tra chuyên môn, hoạt động dạy và học theo kế hoạch đã đề ra.

P.ĐT&KĐCL, khoa CBCS và các Khoa chuyên môn phối hợp tổ chức dự giờ giáo viên, theo dõi giờ lên lớp, Sổ tay giáo viên, giáo án, sổ lên lớp,...đồng thời khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ HS về hoạt động giảng dạy của GV, đảm bảo nghiêm túc, nhiều phía liên quan đến hoạt động dạy và học trong nhà trường để có những nhận xét, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy học diễn ra thường xuyên, liên tục, việc báo cáo hoạt động dạy và học được thực hiện qua 2 kênh thông tin, một là Ban Thanh tra báo cáo trực tiếp lãnh đạo phụ trách, hai là báo cáo tại cuộc họp giao ban hằng tháng nhằm đề ra những biện pháp để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Việc báo cáo kịp thời đã giúp lãnh đạo có thông tin để đưa ra những quyết định, góp phần nâng cao được chất lượng hoạt động dạy và học trong thời gian qua tại nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 0.75 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận kết quả tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tổ chức hoạt động đào tạo của nhà trường hiện tuân thủ các quy định, quy chế hiện hành của Bộ LĐ-TB&XH, tuy nhiên có những vấn đề cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường thì Hiệu trưởng ban hành thêm một số quy định để cụ thể hóa các văn bản của cấp trên như Quy định về thi, kiểm tra, quy định về xét học bổng, quy định về xét kết quả rèn luyện, xét tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập nhà trường thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐ-TB&XH.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đối với những môn học/mô đun thực hành và thực tập thì Nhà trường chú trọng việc phối hợp với DN trong hướng dẫn và đánh giá kết quả sản phẩm trong quá trình thực hành. Các ngành nghề của Nhà trường có các đơn vị sử dụng lao động trực tiếp hướng dẫn và đánh giá kết quả cho một số môn học/mô đun, GV chỉ tham gia quản lý lớp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hoạt động thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun do P.ĐT&KĐCL kết hợp cùng các Khoa đảm nhận, việc tổ chức thi, làm phách, lên điểm được thực hiện đúng quy trình, quy định. Việc xử lý kết quả học tập, xét công nhận tốt nghiệp, in ấn phôi bằng, chứng chỉ do P.ĐT&KĐCL đảm nhận và thực hiện đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công khai, minh bạch.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, đánh giá: Những nội dung về quy trình, quy định trong quản lý đào tạo trường đều thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành, chỉ có quy định về thi, kiểm tra thì cụ thể hóa bằng quy định của Hiệu trưởng, vì vậy hàng năm sau mỗi kỳ thi nhà trường đều tổng kết, rút kinh nghiệm để có những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Hiện tại nhà trường chưa xây dựng về đào tạo liên thông

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hoạt động quản lý đào tạo nhà trường hiện đang sử dụng dữ liệu về kết quả học tập, tốt nghiệp hiện đang được quản lý trên Microsoft Excel và các phần mềm khác trên máy tính.

Hàng năm các đơn vị trực thuộc trường có thực hiện đầy đủ các báo cáo tổng kết công tác tại đơn vị và nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết đánh giá kết quả các hoạt động đào tạo tại trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

3.2.3 Tiêu chí 3: Giáo viên, viên chức quản lý, viên chức và người lao động

***Mở đầu**

Trường TCN-CKXD dựng trải qua 25 năm xây dựng và phát triển. Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác xây dựng đội ngũ trong những năm qua, Đảng ủy, viên chức lãnh đạo Nhà trường đã có nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm phát triển đội ngũ GV, VC-NLĐ đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của nhà trường. Nhà trường đã hoàn thiện các văn bản chỉ đạo như: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế chi tiêu nội bộ…thực hiện tốt công tác chế độ chính sách, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá viên chức lãnh đạo, quản lý và nhiều chính sách khác làm cơ sở cho GV, VC-NLĐ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

***Những điểm mạnh:**

- Đội ngũ VCQL và GV của nhà trường cơ bản đạt chuẩn theo quy định. Đội ngũ GV có trình độ sau đại học chiếm tỉ lệ cao. Nhiều VCQL hiện nay được tiếp tục đào tạo sau đại học, ưu tiên học nghiên cứu sinh, đội ngũ kế thừa trẻ, có năng lực, đặc biệt là số VCQL trẻ có trình độ ngoại ngữ tốt. Phần lớn GV đều có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Trường có chính sách khuyến khích và hỗ trợ tích cực về tài chính, tạo điều kiện cho đội ngũ GV học tập, bồi dưỡng và tham gia các hoạt động chuyên môn.

- Tỷ lệ người học/giáo viên đảm bảo tỷ lệ quy đổi.

***Những tồn tại:**

- Trình độ, năng lực chuyên môn của một số chuyên viên các phòng ban chưa đồng đều, chưa được đào tạo chính quy về lĩnh vực phụ trách. Còn không ít VCQL, VC-NLĐ chưa thể hiện sự quan tâm đóng góp ý kiến cho những hoạt động chung của nhà trường.

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giáo viên, viên chức quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả, nhận định: Nhà trường xây dựng kế hoạch, quy trình tuyển dụng, sử dụng lao động theo yêu cầu công việc. Kế hoạch tuyển dụng được sự phê duyệt của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, việc tổ chức tuyển dụng theo đúng quy trình, đảm bảo công khai, minh bạch và có sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng cấp trên.

Xây dựng Kế hoạch quy hoạch, hàng năm rà soát, bổ sung đưa vào quy hoạch những nhân tố tích cực, đủ điều kiện đồng thời đưa ra khỏi quy hoạch những người không đủ điều kiện. Xây dựng kế hoạch đánh giá, phân loại viên chức quản lý, viên chức, người lao động và xét danh hiệu thi đua hàng năm theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, viên chức quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, nhận định: Nhà trường xây dựng kế hoạch, quy trình tuyển dụng, sử dụng lao động theo yêu cầu công việc, kế hoạch quy hoạch, rà soát, bổ sung hàng năm, thực hiện đánh giá, phân loại viên chức quản lý và xét các danh hiệu thi đua theo năm học theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, xây dựng nội dung đánh giá theo các tiêu chí định lượng bằng điểm, đảm bảo sát với thực tế, công bằng và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm thực hiện đảm bảo kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách cho GV, VC-NLĐ. Các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, nâng lương, các khoản phụ cấp,.. đều được thực hiện đầy đủ, công bằng, kịp thời.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả, nhận định:

Tính đến nay, đội ngũ GV của Trường có 34 người, trong đó 23 giáo viên các khoa chuyên môn và 11 giáo viên thỉnh giảng.

Về trình độ: Thạc sĩ có 11 người (32.4%); đại học: 22 (64.7%), cao đẳng: 01 (2.9%), trong đó có 05 giáo viên đang học thạc sĩ.

Về trình độ ngoại ngữ, 100% giáo viên có chứng chỉ B Tiếng Anh trở lên. Về trình độ tin học, 100% GV có trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, nhiều giáo viên ứng dụng tốt các phần mềm trong việc giảng dạy và NCKH.

Đội ngũ GV có đủ trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và NCKH. Hiện tại 100% giáo viên giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Giáo viên, viên chức quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Nhà trường.

Mô tả, nhận định: Hiện nay đội ngũ của trường có 46 người, trong đó có 2 lãnh đạo, 06 trưởng đơn vị, 04 phó trưởng đơn vị. Đội ngũ giáo viên cơ hữu có 23 người. Đội ngũ VCQL có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm học 2024, 46/46 (100%) viên chức và người lao động đều có phẩm chất tốt và hoàn thành nhiệm vụ được giao trở lên: 03 hoàn thành xuất sắc, 37 hoàn thành tốt, 06 hoàn thành nhiệm vụ.

01 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 06 tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 tập thể hoàn thành nhiệm vụ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, nhận định:

Tỉ lệ HS/GV là 803 HS/34 GV = 24 HS/GV. GV cơ hữu đảm nhận 100% khối lượng chương trình các ngành nghề đào tạo. Đội ngũ GV có trình độ sau đại học 11/34 = 32.4%.

Điểm tự đánh giá: 0.91 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: Giáo viên giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, nhận định: Hàng năm, Nhà trường thực hiện theo CTĐT đã ban hành phù hợp với yêu cầu của các ngành nghề cụ thể, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, theo từng học kỳ, từng năm học được lãnh đạo trường phê duyệt, 100% GV dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch. Trong hoạt động giảng dạy, GV thực hiện đầy đủ các bước lên lớp theo giáo án đã được duyệt, đồng thời GV thực hiện việc ghi chép mẫu biểu sổ sách quản lý đào tạo theo quy định. Công tác đánh giá, kiểm tra, thi được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định. Bộ phận thanh tra, P.ĐT&KĐCL, Khoa chuyên môn thường xuyên kiểm tra các hoạt động lên lớp, giảng dạy theo tiến độ, thời khóa biểu đảm bảo đúng theo kế hoạch, chương trình giảng dạy.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: Nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, nhận định: Nhà trường có kế hoạch, tiêu chí tuyển dụng viên chức cụ thể, rõ ràng minh bạch và thực hiện đúng quy trình tuyển dụng. Có kế hoạch, chiến lược đào tạo, phát triển đội ngũ. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng VCQL và phát triển đội ngũ VCQL, đặc biệt đào tạo và phát triển đội ngũ GV trẻ.

Nhà trường có chính sách khuyến khích nhà giáo học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đối với đào tạo thạc sĩ, Nhà trường tạo điều kiện để NCKH và học tập bồi dưỡng, đối với học tập bồi dưỡng kỹ năng nghề, Nhà trường hỗ trợ về thời gian học tập và đối với học tập bồi dưỡng nâng cao, Nhà trường hỗ trợ 100% kinh phí. Ngoài ra, nhà trường khuyến khích GV tăng cường ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp dạy học tích hợp nhằm trang bị cho HS tiếp thu kỹ năng nghề tốt nhất và xem xét đánh giá, xét tặng các danh hiệu thi đua hàng năm.

Định hướng hàng năm, tiếp tục cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực đội ngũ GV đảm đương tốt nhiệm vụ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, nhận định: Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tổ chức bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Hàng năm, ngoài việc khuyến khích đi đào tạo trình độ thạc sĩ, nhà trường tập trung bồi dưỡng kỹ năng nghề cho đội ngũ GV. Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ do nhà trường và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.9: Giáo viên được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, nhận định: Thực tập, bồi dưỡng tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất là một trong những nhiệm vụ của GV GDNN được nhà trường cụ thể tại Quy định chế độ làm việc của GV. Đầu năm học, mỗi cá nhân tự liên hệ các DN hoặc cơ quan chuyên môn liên quan đến ngành nghề mình đào tạo để đăng ký thực tập, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao tay nghề trong thời gian 4 tuần/năm học. Đây là một trong những căn cứ để đánh giá, xếp loại viên chức cuối năm. Tuy nhiên, do thực tế công tác một số GV chưa hoàn thành nhiệm vụ này.

Điểm tự đánh giá: 0.2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, nhận định: Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ GV được nhà trường đưa vào chỉ tiêu thi đua thông qua Hội nghị VC-NLĐ hàng năm. Cuối năm, trong Hội nghị VC-NLĐ có rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu về công tác đào tạo, bồi dưỡng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế khuyến khích và đề ra các chỉ tiêu cho năm tiếp theo.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của nhà trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, nhận định: Năm 2024, viên chức lãnh đạo Trường có 02 người: 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng. Xét trình độ chuyên môn: 01 Thạc sỹ, 01 Đại học; về trình độ lý luận chính trị: 01 cao cấp, 01 trung cấp. Như vậy, xét về trình độ chuyên môn, viên chức lãnh đạo nhà trường đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, đoàn kết, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đề ra.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ viên chức quản lý của các đơn vị thuộc nhà trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, nhận định: Hiện nay nhà trường có 06 đơn vị trực thuộc với 12 viên chức quản lý các Phòng, Khoa, Trung tâm và Đoàn thể, trong đó có 03 Trưởng phòng, 03 Trưởng khoa (trong đó có 01 Trưởng khoa Điện do đồng chí Phó Hiệu trưởng được giao kiêm nhiệm), 03 Phó Trưởng khoa, 01 Phó trưởng phòng, Bí thư Đoàn Thanh niên.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm VCQL thực hiện theo nhu cầu nhiệm vụ thực tế của nhà trường. Năm 2023, nhà trường bổ nhiệm 06 VCQL với các chức danh: Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch – Đào tạo, Trưởng phòng Tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và dịch vụ việc làm, Phó Trưởng khoa Điện. Đầu năm 2024, Trường đã bổ nhiệm 01 Phó Trưởng khoa Điện, tiếp đó Trường đã đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chuyển đổi chức vụ với các vị trí lãnh đạo, lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý của Bộ gồm: chuyển đổi chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Trường phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, Trưởng Khoa Cơ bản cơ sở; Giao kiêm nhiệm Trưởng khoa Điện đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hòa – phó Hiệu trưởng và đã được Bộ ra quyết định. Thực hiện xong quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Khoa Công nghệ kỹ thuật để nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ theo quy định. Trường đã thực hiện chuyển đổi chức vụ với 02 đồng chí Phó trưởng khoa Điện, bổ nhiệm Phó Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Tổng hợp. Các trường hợp bổ nhiệm đều được thực hiện theo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ viên chức quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, nhận định:

Xét trình độ chuyên môn: 07 thạc sĩ, 05 đại học, xét về trình độ lý luận chính trị: 05 cao cấp, 05 trung cấp. Như vậy, xét về trình độ chuyên môn, đội ngũ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.

Đội ngũ VCQL có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong các năm qua.

Năm 2024, 100% VCQL đều có phẩm chất tốt và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức quản lý.

Mô tả, nhận định: Nhà trường xây dựng kế hoạch hàng năm báo cáo cơ quan chủ quản về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ VCQL. Trong đó có báo cáo nhu cầu về đào tạo chuyên môn sau đại học, cao cấp, trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý và các kỹ năng hỗ trợ khác. Bên cạnh đó, đội ngũ VCQL còn tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, học tập chỉ thị, nghị quyết và kỹ năng quản lý do Huyện ủy Gia Lâm, cơ quan chủ quản tổ chức.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của nhà trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Mô tả, nhận định: Đội ngũ GV, VC-NLĐ của nhà trường hiện nay có 46 người, trong đó đội ngũ chuyên viên, nhân viên có 23 người. Về trình độ: thạc sĩ 04 người, trình độ đại học có 10 người, cao đẳng 03 người, trung cấp có 03 người, trình độ khác có 03 người.

Trong những năm qua, đội ngũ GV, VC-NLĐ đã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Hàng năm, đội ngũ GV, VC-NLĐ được nhà trường sắp xếp tham gia học tập bồi dưỡng các lớp về soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tiếp, khóa huấn luyện bảo vệ, văn thư lưu trữ… nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm.

3.2.4. Tiêu chí: Chương trình, giáo trình

***Mở đầu:**

Toàn bộ CTĐT của Nhà trường đều có quyết định phê duyệt, ban hành, đảm bảo 100% CTĐT được xây dựng, chuyển đổi theo đúng các quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/03/2017, 01/2024TT-BLĐ-TBXH ngày 19/02/2024 của Bộ LĐ -TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Song song với việc xây dựng, chuyển đổi CTĐT nhà trường đã triển khai kế hoạch biên soạn giáo trình, bài giảng các môn học, mô đun và tổ chức thẩm định, nghiệm thu toàn bộ các giáo trình môn học, mô đun trong CTĐT ở cấp Khoa. Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cần đạt trong CTĐT, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

***Những điểm mạnh:**

- Nhà trường có kinh nghiệm trong việc biên soạn chương trình, giáo trình. CTĐT có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể các GV trực tiếp giảng dạy ở các Khoa chuyên môn, các giảng viên từ các cơ sở GDNN khác, các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, VCQL GDNN.

- Chương trình, giáo trình của Nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo, được thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của HS và của thị trường lao động.

***Những tồn tại:**

- Ý kiến tham gia của các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong việc xây dựng chương trình chưa đều khắp ở các nghề đào tạo của Nhà trường.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Hàng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện các chương trình, giáo trình đào tạo;

- Hàng năm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các DN về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện có.

- Tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của viên chức, GV, HS về chất lượng chương trình, giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các nghề nhà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường hiện đang tổ chức đào tạo 10 nghề trình độ Trung cấp và 30 nghề trình độ Sơ cấp, cụ thể như sau:

Trình độ trung cấp:

Kế toán doanh nghiệp

Cắt gọt kim loại

Hàn

Nguội lắp ráp cơ khí

Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Điện tử công nghiệp

Điện công nghiệp

Điện dân dụng

May thời trang

Công nghệ ô tô

Tất cả các nghề đào tạo có đầy đủ CTĐT theo đúng các quy định của Bộ LĐ - TB&XH

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Từ khi chuyển sang hoạt động theo quy định của hệ thống GDNN, nhà trường đã tích cực nghiên cứu triển khai các văn bản theo hệ thống GDNN, đặc biệt là văn bản liên quan đến CTĐT. Nhà trường đã triển khai xây dựng, chuyển đổi CTĐT theo đúng các qui định của Bộ LĐ -TBXH. 100% CTĐT được xây dựng và chuyển đổi đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của nhà trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: 100% CTĐT của nhà trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của HS đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành và từng trình độ theo quy định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: CTĐT được xây dựng có sự tham gia của GV, VCQL GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của nghề

Mô tả, phân tích, nhận định: Các CTĐT của nhà trường được xây dựng, điều chỉnh đều có sự tham gia của GV, VCQL GDNN. Một số CTĐT có sự tham gia của cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động. Các Khoa chuyên môn đều tổ chức hội thảo lấy ý của các GV, giảng viên, chuyên gia, người sử dụng lao động góp ý về CTĐT. Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức thẩm định CTĐT có sự tham gia của GV, giảng viên ngoài nhà trường, VCQL GDNN cấp trên và các nhà DN, đơn vị trực tiếp sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đa số CTĐT đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Đa số HS ra trường có việc làm và được DN đánh giá cao. Trong quá trình xây dựng CTĐT có lấy ý kiến đóng góp của DN để phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo và thị trường lao động nhưng kết quả chưa cao.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: CTĐT được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường hiện đang tổ chức đào tạo 10 nghề trình độ Trung cấp và 30 nghề trình độ Sơ cấp. Tuy nhiên nhà trường không đào tạo trình độ liên thông.

Điểm tự đánh giá: 0.17 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định: Năm 2017, 100% CTĐT của nhà trường được chuyển đổi theo Luật GDNN đảm bảo đúng các quy định của Bộ LĐ-TB&XH và đã được Sở LĐ-TB&XH Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Năm 2021 nhà trường đã tổ chức thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với

CTĐT hệ sơ cấp. Năm 2023, nhà trường đã thực hiện chỉnh sửa, bổ sung 05 chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung CTĐT có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tất cả CTĐT của nhà trường được chuyển đổi theo Luật GDNN đảm bảo đúng các quy định của Bộ LĐ -TBXH. Trong quá trình chuyển đổi đa số các CTĐT có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến có liên quan đến ngành đào tạo và có tham khảo các CTĐT tương ứng của nước ngoài.

Điểm tự đánh giá: 0.7 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, nhà trường căn cứ CTĐT thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường không đào tạo trình độ liên thông.

Điểm tự đánh giá: 0.25 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng CTĐT

Mô tả, phân tích, nhận định: Chương trình chi tiết môn học, mô đun trong CTĐT đã được phê duyệt đều thể hiện cụ thể tài liệu giảng dạy chính và các tài liệu tham khảo cho môn học, mô đun. Hiện nay có đủ giáo trình, bài giảng (lưu hành nội bộ), tài liệu học tập và giảng dạy (lưu hành nội bộ) cho các mô đun, môn học của từng CTĐT.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường hiện đang tổ chức đào tạo 10 nghề trình độ trung cấp và 30 nghề trình độ sơ cấp. Tất cả các môn học/mô đun trong CTĐT có đầy đủ giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập. Đối với các môn học chung, nhà trường sử dụng toàn bộ giáo trình do Tổng cục GDNN ban hành.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Giáo trình, tài liệu lựa chọn sử dụng giảng dạy cho các môn học, mô đun và giáo trình, bài giảng GV biên soạn đều cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong CTĐT, thường xuyên cập nhật những kiến mới của ngành, chuyên ngành đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 0.83 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định: Các giáo trình, bài giảng, tài liệu giảng dạy được lựa chon sử dụng và biên soạn đều được Hội đồng thẩm định đánh giá, nhận xét với các yêu

cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong CTĐT. Giáo trình được thiết kế và biên soạn tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá: 0.85 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, viên chức quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của HS về mức độ tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của giáo trình. Trên cơ sở thực hiện kế hoạch khảo sát, Nhà trường đã tổng hợp đánh giá kết quả khảo sát và kiến nghị những giải pháp để đều chỉnh giáo trình, bài giảng, tài liệu giảng dạy và học tập nhằm thực hiện tốt các phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, nhà trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hiện nay nhà trường đang trong quá trình hoàn thiện các văn bản và triển khai thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với giáo trình, bài giảng giảng, tài liệu học tập đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Điểm tự đánh giá: 0.75 điểm

3.2.5 Tiêu chí 5: CSVC, thiết bị đào tạo và thư viện

***Mở đầu:**

Trường TCN-CKXD đã trải qua hơn 25 năm trưởng thành và phát triển, qua từng giai đoạn Trường đã đổi tên và được nâng cấp phù hợp với mục tiêu đào tạo. Được sự quan tâm của Bộ LĐ-TB&XH và các sở ban ngành ngoài việc đầu tư xây dựng Nhà trường còn được tiếp nhận và đưa vào khai thác sử dụng CSVC.

Về cơ sở vật chất như nhà xưởng, nhà điều hành, khu KTX cũng như khuôn viên nhà trường ngày càng khang trang hiện đại đảm bảo ổn định theo chỉ tiêu và kế hoạch đào tạo cũng như cảnh quan môi trường sư phạm trong nhà trường.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo trong Nhà trường.

***Những điểm mạnh:**

- Nhà trường có 01 cơ sở đào tạo chính với tổng diện tích 6.182m^2 nằm trên vùng đất bằng phẳng, nền đất tốt, cao ráo, không bị úng ngập, thuận tiện cho việc cung cấp điện và nước sinh hoạt. Vị trí xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực dân cư và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông thuận tiện.

- Cơ sở của nhà trường có hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ và hoạt động tốt, phù hợp với CTĐT nhà trường.

- Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các

khu vực trong nhà trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ đầy đủ và hiện đại.

- Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu giữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

***Những tồn tại:**

Còn một số nghề mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên một số thiết bị chưa đủ về số lượng trên đầu HS

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trong giai đoạn 2020 - 2025 đẩy mạnh việc xây dựng nhà trường trên cơ sở quy hoạch tổng thể được Bộ Xây dựng phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng quy mô đào tạo. Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện đời sống cho GV, VC-NLĐ.

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng nhà trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở GDNN, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường TCN-CKXD có một cơ sở đào tạo với tổng diện tích 6.182m^2 đất đang chờ Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 6.182m^2. Nhà trường được xây dựng trên vùng đất bằng phẳng đã quy hoạch trên đường Cổ Bi. Khu đất bằng phẳng, không bị ngập úng trong mùa mưa bão, thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật và rất phù hợp với đặc thù các nghề đào tạo mũi nhọn của nhà trường. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt do đó tại cơ sở này nhà trường không bao giờ bị úng ngập, đảm bảo giao thông bình thường thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập.

Về hệ thống điện tại cơ sở chính Nhà trường có khảo sát và lắp đặt 01 trạm biến áp 1500 KVA phối hợp với Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng, Lắp máy và điện nước, ngoài ra còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện có công suất lớn. Do đó việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo, sản xuất và sinh hoạt trong nhà trường rất ổn định. Về nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất, đào tạo là hệ thống nước sạch đã được cung cấp về nhà trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt cho HS và VC-NLĐ của nhà trường. Ngoài ra nhà trường còn có Viện Nghiên cứu và phát triển cơ khí, Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và dịch vụ việc làm với nhiệm vụ vừa nghiên cứu khoa học vừa thực hiện công tác tuyển sinh và liên kết đào tạo.

Trường TCN-CKXD nằm trên địa bàn đều có rất nhiều nhà máy xí nghiệp, hoặc cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, gần các đường Quốc lộ 1, 5. Do đó đáp ứng rất tốt nhu cầu việc làm sau khi ra trường của học sinh.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường TCN-CKXD có tổng diện tích là 6.182m^2. Trường được xây dựng nằm ở ngoại thành thành phố Hà Nội, có ký túc xá cho HS 40 phòng, 14 phòng học, 8 phòng xưởng thực hành. Trường nằm ở vị trí yên tĩnh rất thuận lợi cho việc học tập và NCKH, có môi trường thông thoát, mát mẻ rất tốt cho sức khỏe GV và HS; có đường giao thông tương đối thuận tiện, đảm bảo cho việc đi lại của VC, HS và vận chuyển trang thiết bị, vật tư; có hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc thuận lợi. Nhà trường ở ngoài trung tâm thành phố Hà Nội, gần khu công nghiệp, Sài Đồng, Phú Thị, Tân Quang, Phố Nối A, Phố Nối B…, đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho HS học tập và nghiên cứu. Tổng số HS học tại Trường hiện nay khoảng 400 học sinh. Với tổng diện tích đất của trường là 6.182m^2, đảm bảo đủ diện tích đất theo quy định của tiêu chuẩn qui định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của nhà trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhìn chung nhà trường cơ bản đã có đủ các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn.

Nhà trường có 20 phòng học, 08 phòng xưởng thực hành. Trong đó các phòng học, phòng thực hành, nhà xưởng thực hành được trường giao cho các Khoa trực tiếp quản lý, sử dụng bố trí giảng dạy theo kế hoạch. Đồng thời, Trưởng các đơn vị được Nhà trường phân công chủ động xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho HS trong Khoa quản lý, đảm bảo theo chương trình chung.

Để tạo điều kiện cho HS dễ dàng thao tác thực hành cũng như quản lý trang thiết bị, các phòng máy có quy định cụ thể đối với HS, GV, nhân viên quản lý phòng máy. Các trang thiết bị thực hành, thực tập đều có catalog hướng dẫn sử dụng chi tiết, hướng dẫn từng bước thực hiện thao tác.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã quy hoạch và xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ phù hợp với công năng sử dụng của các khối nhà tạo được cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo điều kiện cho việc giao thông nội bộ hợp lý và đồng bộ.

Hệ thống điện được xây dựng kết hợp với Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước hoàn chỉnh với 01 trạm biến áp 1500KVA và hệ thống lưới điện được ngầm hóa cung cấp nguồn điện đến tất cả các khu nhà đảm bảo nguồn điện ổn định, an toàn cho người sử dụng và phòng chống cháy nổ.

Hệ thống cấp nước được đấu nối với hệ thống nước máy của thành phố đảm bảo cho việc an toàn vệ sinh trong sinh hoạt của cán bộ GV và HS trong toàn trường.

Hệ thống xử lý nước thải, chất thải được xây dựng đồng bộ và được kết nối với hệ thống thoát nước chung của thành phố đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời và hợp vệ sinh. Hằng năm Nhà trường đã ký kết với Công ty Môi Trường đô thị huyện Gia Lâm, Hà Nội để thu gom rác thải sinh hoạt đảm bảo đúng theo quy định về xử lý rác thải của nhà nước quy định.

Trong quá trình xây dựng, nhà trường luôn chú trọng đến công tác thông gió ở các khu làm việc và giảng đường đảm bảo luôn thông thoáng không gây không khí khó chịu cho VC-NLĐ, HS toàn trường.

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác PCCC. Định kỳ 3 tháng 01 lần nhà trường được phòng cảnh sát PCCC công an huyện Gia Lâm, Hà Nội đến kiểm tra công tác PCCC.

Điểm tự đánh giá: 0.9 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có 20 phòng học, 08 phòng xưởng thực hành. Trong đó các phòng học, phòng thực hành, nhà xưởng thực hành được Trường giao cho các Khoa, trung tâm trực tiếp quản lý, sử dụng bố trí giảng dạy theo kế hoạch. Đồng thời, Trưởng các đơn vị được nhà trường phân công chủ động xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho HS trong Khoa quản lý, đảm bảo theo chương trình chung.

Phòng học có diện tích đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập của HS đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành. Phòng xưởng thực hành được bố trí hợp lý tạo điều kiện cho việc thực hành thực tập của HS với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho các môn học theo chyên ngành.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

P.TH: Quản lý toàn bộ CSVC, trang thiết bị đã được đầu tư thuộc dự án, lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên nhằm phát huy tốt hiệu quả sử dụng của thiết bị.

Khoa Điện: Trực tiếp tổ chức, quản lý, vận hành, khai thác toàn bộ thiết bị phòng xưởng, thiết bị thực hành, thực tập đúng mục đích dạy và học để phát huy hiệu quả đảm bảo theo nhu cầu dạy và học của Nhà trường, trực tiếp quản lý các thiết bị liên quan đến ngành điện... để phục vụ cho đào tạo, rèn nghề của HS.

P.ĐT&KĐCL: Trực tiếp tổ chức, quản lý, vận hành, khai thác thiết bị phòng thực hành tin học đúng mục đích để phát huy hiệu quả đảm bảo theo nhu cầu dạy và học của Nhà trường, đồng thời tổ chức, quản lý, vận hành, khai thác thiết bị phòng học đúng mục đích để phát huy hiệu quả đảm bảo theo nhu cầu dạy và học của Nhà trường.

Khoa Công nghệ kỹ thuật: Trực tiếp tổ chức, quản lý, vận hành, khai thác các thiết bị thực hành liên quan đến ngành hàn, ngành Cắt gọt kim loại, ngành Công nghệ ô tô... để phục vụ cho đào tạo rèn nghề của HS.

Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc trường còn có trách nhiệm phối hợp trong công tác tổ chức, hoạt động và khai thác có hiệu theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình phát triển, nhà trường xây dựng và huy động nhiều nguồn lực để tạo ra một CSVC vững mạnh, đủ sức đáp ứng những hoạt động phong phú và đa dạng của Nhà trường.

Hiện trường đã có 08 phòng, xưởng thực hành. Trong đó, Khoa Điện có 04 phòng được đầu tư đầy đủ trang thiết bị cho HS từ các thiết bị điện từ đấu nối, lắp đặt đến các mô hình thiết bị thực tế cùng các bộ đồ nghề thực hành chi tiết các chuyên ngành điện, điện tử, điện dân dụng, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Khoa Công nghệ kỹ thuật có 02 phòng xưởng thực hành trong đó có 01 phòng diện tích 300m2 với đầy đủ trang thiết bị hiện đại tiên tiến nhất đáp ứng nhu cầu học tập của HS học nghề Hàn, Cắt gọt kim loại; 01 nhà xưởng Công nghệ ô tô diện tích 200 m2 với 01 phòng thực hành tích hợp vừa học lý thuyết vừa thực hành cho HS nghề Công nghệ ô tô. P.ĐT&KĐCL quản lý 01 phòng thực hành tin học là nơi tập trung các trang thiết bị hiện đại và được cài đặt các phần mềm chuyên ngành dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo, Khoa CBCS quản lý 01 phòng thực hành tiếng Anh (phòng ngoại ngữ). Các phòng/xưởng thực hành, máy tính được trang bị đầy đủ thiết bị các thiết bị cần thiết, hiện đại có chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Hiện toàn trường có 20 phòng học và các phòng học đều được trang bị máy chiếu, phông chiếu, điều hòa… đáp ứng tốt nhu cầu của HS.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì nhà trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả, phân tích, nhận định: Một số ngành thiết bị đào tạo chưa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN ở Trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu

chuẩn thiết bị tối thiểu thì Nhà trường đã đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu CTĐT, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Điểm tự đánh giá: 0.75 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đa số thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Nhà trường đào tạo nhiều ngành, nghề khác nhau, tỉ lệ thực hành các môn học là lớn, do đó đã rất chú trọng đến yêu cầu sư phạm trong quá trình giảng dạy, truyền tải kiến thức, đồng thời vấn đề an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường luôn được chú trọng.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Nhà trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tùy theo nhu cầu của từng ngành đào tạo, trong những năm gần đây, nhà trường đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy học. Trong việc đầu tư chú trọng đến tính đa dạng của các loại trang thiết bị. Các trang thiết bị được trang bị theo yêu cầu của từng ngành, yêu cầu của từng bộ môn và từng khoa.

Để thuận tiện cho HS khai thác các trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy học tập, Nhà trường đã bàn giao các công cụ, trang thiết bị chuyên ngành về cho từng đơn vị quản lý, sử dụng. Nhà trường lắp đặt cố định máy chiếu, màn chiếu ở một số các giảng đường, phòng học. Nhà trường đã quy định khi cần sử dụng thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập (mic, loa, máy chiếu…).

Ngoài ra, nhà trường còn bố trí nhân viên kỹ thuật để hỗ trợ, giải quyết các vấn đề về kỹ thuật Công nghệ tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và Quốc tế một cách kịp thời trong khi sử dụng thiết bị. Riêng về việc sử dụng các loại trang thiết bị trong xưởng, phòng thực hành, HS sẽ được sự hướng dẫn trực tiếp của các GV trong giờ lên lớp lý thuyết hay thực hành.

Hàng năm, nhà trường đều dành kinh phí để tăng cường trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Song song đó nhà trường còn có kế hoạch bảo trì từ 03 tháng hoặc 06 tháng 01 lần tùy theo loại trang thiết bị và kiểm tra giá trị hao mòn của thiết bị 06 tháng 1 lần.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của nhà trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Việc lựa chọn phương án công nghệ đối với các thiết bị đầu tư được xác định trên cơ sở những tiêu chí cơ bản sau đây:

Công nghệ đáp ứng được các yêu cầu cấp bách đồng thời dễ dàng mở rộng phát triển trong thời gian dài.

Công nghệ có tính kinh tế khi đầu tư và vận hành cho chủ đầu tư, bao gồm cả chi phí đầu tư hạ tầng, chi phí đầu tư bản quyền phần mềm thương mại, chi phí đầu tư phát triển phần mềm, chi phí đào tạo nhân lực, chi phí duy trì lực đội ngũ cán bộ chuyên môn vận hành. Công nghệ có tính đồng bộ công nghệ đã được đầu tư trong các năm qua và phù hợp với cơ sở vật chất tại các khoa, phòng.

Công nghệ phù hợp với trình độ sử dụng chung của VC-NLĐ nhà trường, dễ dàng sử dụng, dễ dàng đào tạo chuyển giao công nghệ. Công nghệ cũng cần cho phép triển khai theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện nguồn vốn đầu tư, nguồn nhân lực của nhà trường.

Thiết bị thực hành thực tập cho Khoa Điện, Khoa Công nghệ kỹ thuật: Căn cứ vào mục đích sử dụng, tính năng kỹ thuật và phương án công nghệ để làm cơ sở cho việc lựa chọn một số thiết bị thực hành, thực tập được mô tả chi tiết.

Thiết bị phòng thực hành vi tính yêu cầu kỹ thuật kể cả cấu hình cho từng thiết bị được lựa chọn là yêu cầu tối thiểu của các loại thiết bị có trên thị trường hiện nay: Đáp ứng mục tiêu sử dụng, nhu cầu đào tạo (tại các phòng học) chức năng phục vụ (Hội trường).

Thiết bị thực hành, thực tập bám sát với bài giảng và yêu cầu thực tế của công nghệ kỹ thuật hiện nay. Công nghệ sẽ không bị lạc hậu trong 5 - 6 năm tới. Có thể mở rộng phát triển trong thời gian dài khi công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trên thị trường thay đổi.

Điểm tự đánh giá: 0.5 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Nhà trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hệ thống kho lưu giữ bảo quản vật tư của Nhà trường gồm kho chung cho toàn trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các đơn vị phòng ban, khoa. Các kho chung được bố trí xây dựng hợp lý về vị trí đảm bảo an toàn và tiện lợi.

Các kho nhỏ lẻ do các phòng ban, đơn vị trực tiếp quản lý chỉ có chức năng lưu giữ, bảo quản mà không có chức năng cấp phát như: Kho lưu trữ tài liệu liên quan đến công tác đào tạo do P.ĐT&KĐCL quản lý; Kho lưu trữ tài liệu liên quan đến công tác tài chính kế toán do phòng Tài chính - Kế toán quản lý; Kho lưu trữ các loại hồ sơ giấy tờ chung của cả trường (kho hồ sơ lưu trữ) do P.TH quản lý.

Hệ thống kho giữ gìn và quản lý vật tư thiết bị của Nhà trường đều được xây dựng ở các vị trí hợp lý về vị trí đảm bảo an toàn và tiện lợi. Các kho được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn đảm bảo an toàn về mọi mặt như:

Hệ thống mái che, hệ thống thông gió, chiếu sáng, các loại hàng hóa vật tư đều được đặt trên các giá, kệ tránh được ẩm mốc hàng hóa vật tư;

Các kho đều được trang bị các thiết bị an toàn về phòng chống cháy nổ như bình CO2, Cát, hệ thống bơm nước chống cháy. Hệ thống kho tàng đều được trang bị các loại khóa đặc biệt, hệ thống điện bảo vệ cũng như việc bố trí nhân viên bảo vệ thường xuyên

tuần tra, kiểm tra phía ngoài. Hàng năm, P.TH đều có báo cáo hoạt động của kho và các khu lưu trữ liên quan.

Hệ thống quản lý việc cấp phát, thu nhận vật tư trang thiết bị hàng hoá trong Nhà trường được thực hiện đúng nguyên tắc theo một quy trình chặt chẽ từ BGH, phòng ban, đến các cá nhân quản lý thực hiện. Các kho chung được quản lý bởi P.TH và trực tiếp là Thủ kho kiêm tiếp nhận cung ứng vật tư, thống kê vật tư có trách nhiệm theo dõi quản lý các dữ liệu, tài sản vật tư của kho qua hệ thống máy tính và sổ sách, nhập, xuất hàng hoá vật tư theo nhu cầu. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, giao nhận cấp phát vật tư theo đúng thủ tục quản lý. Việc cấp phát, thu nhận vật tư hàng hoá được quản lý thông qua các thẻ kho, chứng từ xuất, nhập vật tư thiết bị hàng hóa với đầy đủ chữ ký của các thành phần liên quan. Các chứng từ xuất, nhập được lưu giữ đầy đủ ở các phòng ban liên quan như phòng Tài chính - Kế toán, P.TH và đơn vị, cá nhân xuất, nhập vật tư hàng hoá.

Điểm tự đánh giá: 0.4 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: Nhà trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được nhà trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định: Thư viện Trường TCN-CKXD đã và đang từng bước tin học hóa nhằm đáp ứng và tạo điều kiện thuận lợi cho GV, HS tìm kiếm và khai thác tài liệu, sách, báo, tạp chí một cách dễ dàng theo yêu cầu của CTĐT. Tổ chức phục vụ đáp ứng được yêu cầu học tập của HS.

Nhà trường hiện nay đã được phủ sóng wifi toàn trường, đã trang bị hệ thống mạng LAN (*Local Area Network System*) cho tất cả các Phòng, Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và hỗ trợ cho VCQL, viên chức, HS có thể tiếp cận với công nghệ thông tin một cách dễ dàng.

Thư viện Trường TCN-CKXD hiện nay đã đáp ứng phần nào nguồn tài liệu cho các chuyên ngành đào tạo của nhà trường. Tổng diện tích Thư viện trường là 60m^2, gồm kho sách và phòng đọc. Thư viện trường có nội quy và quy định cụ thể đối với bạn đọc khi mượn tham khảo tại chỗ hoặc mang về nhà. Đồng thời, có văn bản cụ thể hướng dẫn bạn đọc cách sử dụng hệ thống mục lục tra cứu tài liệu giúp HS dễ dàng tìm kiếm các đầu sách, tài liệu.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện được xây dựng, tổ chức quản lý, hoạt động theo qui định của nhà trường.

Về cơ chế quản lý:

Quản lý sách trong kho: thư viện thực hiện chế độ ghi chép đầy đủ theo quy định, đăng ký cá biệt sách, xếp kho, tổ chức hệ thống mục lục tra cứu.

Quản lý sách trong bạn đọc: BGH nhà trường có những quy định về mượn sách thư viện như đối tượng mượn sách là GV, viên chức, HS, thời hạn mượn sách; trách nhiệm của người mượn sách…

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của Thư viện trường tương đối phù hợp với nhu cầu tra cứu của VCQL, GV và HS.

Điểm tự đánh giá: 0.65 điểm

Tiêu chuẩn 15: Nhà trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Năm 2022, nhà trường thực hiện công tác sửa chữa, nâng cấp CSVC nên tạm dừng hoạt động thư viện điện tử.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

Mở đầu:

NCKH ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng gắn liền với sứ mạng và sự phát triển của nhà trường. Hoạt động NCKH góp phần nâng cao tri thức của GV, từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Trong những năm gần đây, hoạt động NCKH trong Nhà trường có chiều hướng phát triển và đã đạt được những kết quả khả quan, đáp ứng được những yêu được đổi mới của Nhà trường và nhu cầu xã hội.

Đây là một trong những hoạt động góp phần xây dựng đội ngũ GV phát triển năng lực khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần khẳng định thương hiệu, uy tín, vai trò của Nhà trường trong khu vực. Hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ là cơ sở, chỗ dựa để góp phần đẩy mạnh việc hợp tác với các DN sản xuất trong nước và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang là xu hướng phổ biến như hiện nay, với vai trò quan trọng của tri thức khoa học, việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KHKT và đào tạo trong các Trường Trung cấp lại càng có ý nghĩa thiết thực. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, hướng đến đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay. Được sự quan tâm và đầu tư phát triển của BGH Nhà trường nên chất lượng đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm ngày càng được cải tiến đã phần nào tạo được bước phát triển đột phá, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút các nguồn lực, tạo nên thương hiệu của Trường.

Những điểm mạnh:

Nhà trường rất quan tâm đến công tác NCKH, có nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện nhiệm vụ NCKH của VCQL, GV. Hướng nghiên cứu của các đề tài cũng như các dạng đề tài đã được mở rộng và phong phú hơn, cấp độ của đề tài đã được nâng lên không chỉ tập trung các đề tài trong Nhà trường mà còn liên kết với các DN cũng như cấp Bộ. Các đề tài nghiên cứu có nội dung phù hợp và giải quyết được các vấn đề cấp bách đang đặt ra với các hoạt động của Nhà trường.

Những tồn tại:

Chưa xây dựng văn bản quy định việc thực hiện đề tài NCKH đối với HS.

Trang thiết bị, CSVC, mặt bằng để triển khai chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh của Nhà trường còn thiếu thốn và không đồng bộ so với cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tỷ lệ VC, GV tham gia NCKH còn thấp.

Định mức chi cho thực hiện đề tài khoa học cấp Trường còn thấp.

Thiếu lòng đam mê, lý tưởng nghiên cứu, chưa nhận thấy hết tầm quan trọng giá trị của việc NCKH với một người thầy.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tổ chức Hội thảo về nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ VC - NLĐ Nhà trường về công tác NCKH.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường liên quan đến hoạt động NCKH để thúc đẩy và phát huy tối đa sức sáng tạo, khả năng NCKH của VC - NLĐ phù hợp với thực tiễn và điều kiện của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Tăng cường, bổ sung CSVC; phòng thí nghiệm đáp ứng cho quá trình nghiên cứu.

Xây dựng và ban hành quy định về thực hiện NCKH đối với HS.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học và công nghệ vừa là mục tiêu, vừa là phương thức để đẩy nhanh tốc độ hội nhập và tạo bứt phá cho phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích viên chức quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo;

Mô tả, phân tích, nhận định: Hoạt động KHKT là quá trình nghiên cứu gắn liền với quá trình giáo dục - đào tạo và hội nhập quốc tế nhằm nghiên cứu và phát minh mới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội phục vụ cho sự phát triển của mỗi quốc gia, đem lại lợi ích cho loài người. Chính vì lẽ đó mà NCKH luôn được xác định là một nhiệm vụ quan trọng cần được các đơn vị, viên chức, GV trong Nhà trường tập trung thực hiện. Nhà trường có chính sách khen thưởng và vinh danh các nhà khoa học, các giáo viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH và có chính sách đãi ngộ, ưu đãi, khuyến khích tạo điều kiện cho giáo viên tham gia NCKH với các cơ sở đào tạo ngoài trường. Sự quan tâm của Nhà trường đến công tác NCKH còn thể hiện trong việc tạo điều kiện về thời gian, dành thời gian thích đáng cho VC-NLĐ, GV NCKH đưa NCKH vào hệ thống những tiêu chí quan trọng để bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm; dành 1% tổng thu hàng năm để chi cho hoạt động khoa học và công nghệ và cấp kinh phí kịp thời cho các đề tài theo đúng hợp đồng đã ký kết. Hầu hết các đề tài đã nghiệm thu trong thời gian qua đều được ứng dụng thực tế trong công tác đào tạo và quản lý của Nhà trường và hoàn thành đúng tiến độ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, nhà trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp);

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong những năm qua Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát huy sáng kiến kinh nghiệm, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu

vào công tác giáo dục, đào tạo, thực tế sản xuất và đời sống. Thông qua hoạt động NCKH, đội ngũ GV có điều kiện tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức để khẳng định năng lực tổ chức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình. Số lượng đề tài qua các năm đều ổn định và ngày càng mở rộng hơn về quy mô. Cụ thể, từ năm 2015 -2020, trường có 07 đề tài NCKH cấp Bộ đã được triển khai thực hiện và nghiệm thu, trong đó có các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được ứng dụng vào thực tế. Song song với hoạt động NCKH, các viên chức, GV trong Nhà trường còn tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm. Viết Sáng kiến kinh nghiệm và NCKH là công việc dễ kết hợp với việc đúc rút kinh nghiệm trong quá trình công tác, tổng kết công tác chuyên môn nghiệp vụ mà chúng ta thường làm, do đó công việc sẽ trở nên dễ dàng hơn vì đã quá quen thuộc và có nhiều khả năng đạt kết quả tốt cả cho công tác cả cho NCKH.

Trong những năm qua, việc đăng ký các đề tài sáng kiến kinh nghiệm đã được VC-NLĐ trong Trường hưởng ứng tích cực. Việc chấm chọn sáng kiến kinh nghiệm hàng năm đã được Hội đồng Khoa học từ cơ sở đến ngành thực hiện nghiêm túc; nhiều sáng kiến kinh nghiệm đã được các đơn vị phổ biến và ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy, quản lý, hoạt động của đơn vị mình hoặc trong nhà trường và đem lại hiệu quả cao. Nhà trường triển khai kế hoạch viết sáng kiến kinh nghiệm bắt đầu từ năm học 2017-2018 đến cho toàn thể VC-NLĐ trong nhà trường. Từ đó đến nay đã có nhiều sáng kiến kinh nghiệm đã được công nhận. Năm 2024, Trường đã công nhận 01 sáng kiến cấp cơ sở "Cải tiến phương pháp gia công phối tấm", sáng kiến có nhiều tính mới, tính hiệu quả và đang được triển khai áp dụng có hiệu quả tại Trường.

Điểm tự đánh giá: 0.7 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, nhà trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế;

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường không có ấn phẩm của GV, VCQL đăng trên tạp chí Cơ khí Việt Nam.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của nhà trường được ứng dụng thực tiễn

Mô tả, phân tích, nhận định: Các đề tài NCKH được nghiệm thu và sáng kiến kinh nghiệm được công nhận trong các năm qua đều có tính khả thi, phù hợp thực tế góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu của đội ngũ GV. Khả năng ứng dụng thực tiễn cao của hoạt động khoa học công nghệ đã phục vụ tốt cho công tác quản lý, công tác chuyên môn giảng dạy và học tập, kết quả NCKH của GV phản ánh chất lượng đào tạo của nhà trường. Vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Điểm tự đánh giá: 0.5 điểm

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong thời gian qua Nhà trường luôn chú trọng tới mở rộng liên kết đào tạo với các Trường Cao đẳng, từng bước thực hiện Nghị quyết Hội

nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, nhà trường phối hợp với Hiệp hội năng lượng không biên giới đào tạo trình độ Sơ cấp nghề điện, HS tốt nghiệp có chứng chỉ của nghề điện và được tặng 01 bộ đồ nghề trị giá 3.000.000 VNĐ.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

***Mở đầu:**

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, hàng năm được sửa đổi, bổ sung vào các kỳ Hội nghị VC-NLĐ. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho VC-NLĐ. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp đúng mục đích và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của Nhà trường.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo công khai, minh bạch.

***Những điểm mạnh:**

Có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, chính xác, đầy đủ đúng quy định của Nhà nước; cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn trường thông qua quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.

Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho VC-NLĐ; đầu tư kinh phí để nâng cao trình độ của VC-NLĐ, hàng năm, vì vậy số VC-NLĐ đạt trình độ cao ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

***Những tồn tại:**

Tình hình thực tế hiện nay công tác dạy nghề gặp quá nhiều khó khăn khi HS chưa chú trọng với việc học nghề. Vì vậy, khâu tuyển sinh hết sức khó khăn đang đối mặt với nhiều thách thức. Chính vì vậy, nguồn thu của Nhà trường cũng bị hạn chế. Điều này dẫn đến nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Trong khi đó, ngoài các khoản chi phí cho nghiệp vụ chuyên môn thì đơn vị phải chi phí rất lớn cho công tác tuyển sinh. Sự biến động thị trường hàng hóa mang tính thường xuyên, có lúc không theo quy luật nên tính chính xác của dự toán chưa cao (về mặt giá cả).

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các Trường Đại học nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, DN để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút HS và tạo nguồn thu cho đơn vị.

Hướng dẫn các bộ phận phòng khoa trong đơn vị có kế hoạch cho nhu cầu chi tiêu cụ thể hơn từ đầu năm học, từ đó tập hợp thành kế hoạch của trường được thực tế và chính xác.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các Khoa.

Duy trì việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho viên chức Phòng Tài chính - Kế toán để làm tốt công tác quản lý tài chính của đơn vị; tổ chức tốt công tác sắp xếp hồ sơ chứng từ.

Tiêu chuẩn 7.1: Nhà trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ một phần về tài chính, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Nhiều năm qua Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi tài chính, đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ, minh bạch. Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Xây dựng, công tác thanh quyết toán luôn chấp hành tốt sự giám sát của Kho bạc Nhà nước. Căn cứ vào tình hình kinh phí thực tế của đơn vị, Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định của nhà nước phù hợp với đặc thù của đơn vị. Đây là cơ sở pháp lý để Nhà trường điều hành quản lý việc sử dụng, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

Hằng năm, thông qua Hội nghị VC-NLĐ công khai tài chính với các nội dung: quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán kinh phí được duyệt hàng năm, thông báo duyệt quyết toán năm. Định kỳ công khai tình hình sử dụng kinh phí hằng quí trên trang Web của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn thực hiện đảm bảo thu và chi theo đúng quy định; Đảm bảo giải quyết đầy đủ, kịp thời các khoản tiền lương, phụ cấp ưu đãi GV, thâm niên giáo dục, học bổng khuyến khích học tập và các khoản chi khác trong Nhà trường; đồng thời vẫn phải tiếp tục sửa chữa, đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Tất cả các khoản thu của Nhà trường đều do Phòng Tài chính - Kế toán tổ chức thu đúng, thu đủ; việc tổ chức thu được thực hiện theo hai hình thức là thu trực tiếp tại Phòng Tài chính - Kế toán, uỷ quyền thu một số nguồn thu đặc thù cho một số đơn vị gắn với thực hiện nhiệm vụ. Các đơn vị được uỷ quyền thu phải tổ chức thu theo sự hướng dẫn chuyên môn của Phòng Tài chính - Kế toán và phải nộp tất cả các khoản thu về Phòng Tài chính - Kế toán, không được giữ tiền mặt tại đơn vị, không được tự chi. Các đơn vị không được uỷ quyền thu thì không được phép tự thu. Tất cả các khoản thu đều phải có chứng từ, biên lai theo quy định của Bộ Tài chính.

Các khoản chi thường xuyên phải có dự trù, dự toán được lập theo định mức của Quy chế chi tiêu nội bộ và quy định của Nhà nước, phải được bộ phận kế toán thẩm định trình Hiệu trưởng phê duyệt; các khoản chi đảm bảo đủ chứng từ, hợp lý, hợp lệ theo qui định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Nhà trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường TCN-CKXD hoạt động bằng các nguồn thu như sau: nguồn kinh phí thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp; Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho miễn, giảm học phí theo Nghị định 86/NĐ-CP và 81/NĐ-CP, nguồn thu học phí của HS, thu hoạt động liên kết đào tạo, thu đào tạo sơ cấp nghề và các nguồn thu hợp pháp khác. Các nguồn thu của Trường được phản ánh đầy đủ và quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của Nhà nước. Các nguồn thu được sử dụng tập trung thống nhất theo Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính.

Căn cứ vào kế hoạch giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, quy định về mức thu học phí; Căn cứ vào kế hoạch đào tạo; Căn cứ tình hình thực tế thực hiện dự toán một số năm trước liền kề; Nhà trường lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí theo dự toán được thực hiện đúng theo quy định. Công tác quản lý tài chính trong nhà trường được thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; các khoản chi của trường được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và đúng mục đích. Qua kiểm tra quyết toán hàng năm không có vi phạm. Các nghiệp vụ phát sinh nguồn thu, chi đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời. Nhà trường áp dụng phần mềm kế toán Misa; Hệ thống sổ sách, chứng từ lưu trữ theo Luật Kế toán, Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 185/TT-BTC ngày 15/10/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ hành chính sự nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; kiểm toán, xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, nhà trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Nhà trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, kết thúc niên độ kế toán nhà trường đều tiến hành đánh giá về hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, qua đó làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính năm tiếp theo. Nội dung đánh giá tập trung vào việc phân tích các chỉ tiêu thu chi trong năm tài chính; các mục chi cho nghiệp vụ chuyên môn để có giải pháp đồng bộ, tăng thu - tiết kiệm chi để tăng hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí, tăng thu nhập cho người lao động. Kết quả sử dụng kinh phí được thể hiện tại báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.

Điểm tự đánh giá: 0.65 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

***Mở đầu:**

Nhà trường xác định nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo quyền lợi của "Người học" là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt của Đảng uỷ, viên chức lãnh đạo Trường. Do vậy, Nhà trường có một đơn vị chuyên trách về công tác HS và mỗi khối đều có một cán bộ quản lý HS và kết hợp cùng giáo viên chủ nhiệm.

Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho HS, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể giúp HS hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến HS.

Các hoạt động của Nhà trường đều nhằm mục đích chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của HS; giúp HS hiểu về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người học và tạo điều kiện thuận lợi cho HS học tập, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống. Đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để tham gia các hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến các hoạt động bảo đảm phục vụ cho HS khi đến trường, tạo mọi điều kiện để HS ổn định học tập, HS được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được thông tin kịp thời những nội dung cần thiết về chế độ chính sách; định hướng học nghề và giới thiệu việc làm sau khi ra trường; chỗ ăn, chỗ ở, các dịch vụ, chăm sóc y tế... để HS định hướng được nghề nghiệp một cách nhanh chóng, chính xác. Công tác kiểm tra, đôn đốc giáo dục nhắc nhở và xử lý vi phạm thường xuyên được các bộ phận phòng ban chức năng phối hợp thực hiện một cách có hiệu quả.

Để giúp đỡ HS nhanh chóng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã triển khai công tác tư vấn việc làm cho HS, thông báo nhu cầu tuyển dụng của các cơ sở tuyển dụng để HS chủ động liên hệ tìm việc. Vì vậy, số HS của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, vị thế và uy tín của Nhà trường đối với xã hội ngày càng được nâng cao.

***Những điểm mạnh:**

HS được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CTĐT; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với HS; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của Nhà trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng - Trung ương và địa phương, tờ rơi, sổ tay HS..., qua đó Nhà trường giới thiệu đến HS những ngành, nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho HS.

HS được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; được khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng.

Nhà trường có KTX được thiết kế phòng khép kín, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân và đảm bảo an ninh trật tự trong khu nội trú các em yên tâm học tập. Để bảo đảm cho HS có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, khu KTX có xây dựng sân bóng chuyền, sân bóng đá và trồng nhiều cây xanh và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa nâng cấp các thiết bị sử dụng.

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho HS được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong Nhà trường, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các cơ quan chăm sóc sức khỏe để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ cho HS trong lúc bình thường cũng như lúc cấp cứu.

HS được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội. HS được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của Trường qua đó Nhà trường giới thiệu đến HS những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm của huyện Gia Lâm để tư vấn trực tiếp cho HS đồng thời phối hợp với các đơn vị, DN trong và ngoài thành phố để tổ chức ngày hội việc làm cho HS.

***Những tồn tại:**

Do điều kiện tuyển sinh của Nhà trường ngày càng gặp nhiều khó khăn nên vấn đề tài chính gặp nhiều khó khăn; nhiều dự án phục vụ cho việc học tập, rèn luyện thể thao như khu nhà đa năng chưa được triển khai. Thiết bị phục vụ tại một số phòng ở tại KTX học sinh đã xuống cấp, cần được đầu tư kinh phí tư sửa chữa, nâng cấp hàng năm.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khoẻ, khu vui chơi giải trí cho HS chưa được đầu tư nhiều.

Chưa có cán bộ chuyên trách để phát triển hoạt động tư vấn hướng nghiệp nối kết giữa Nhà trường và các DN, hiện nay các công việc này đều là cán bộ kiêm nhiệm. Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện việc điều tra HS sau khi tốt nghiệp ra trường. Chính vì vậy việc tư vấn, giới thiệu việc làm còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Xây dựng kế hoạch tổ chức đối thoại giữa BGH nhà trường với HS toàn trường (mỗi năm hai lần theo từng học kỳ) để từ đó tiếp nhận những ý kiến đóng góp của HS để kịp thời giải quyết các vướng mắc liên quan đến HS.

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các Trường THPT, THCS, các Huyện đoàn trong và ngoài Huyện để tổ chức các buổi tư vấn, thông tin về ngành, nghề đào tạo của Trường, chú trọng đến công tác phân luồng HS cuối cấp THCS.

Chú trọng đến việc giáo dục kỹ năng mềm, kiến thức khởi nghiệp; bồi dưỡng kiến thức về SKSS cũng như các các kỹ năng thiết yếu khác cho HS.

Xây dựng kế hoạch khảo sát tình hình HS tốt nghiệp khi ra trường có việc làm. Chú trọng công tác theo dõi HS sau khi tốt nghiệp và giới thiệu việc làm.

Xây dựng kế hoạch tư vấn việc làm, hướng nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp cho HS.

Tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường với DN trong việc nắm bắt nhu cầu ngành nghề, giải quyết việc làm cho HS sau tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Việc định hướng nghề nghiệp cho HS nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về Trường được Nhà trường hết sức quan tâm và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy trong nhiều năm qua Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền cho học sinh và xã hội

thông qua các tờ rơi, các buổi tư vấn trực tiếp tại các địa phương, trên trang Website của nhà trường những thông tin về nhà trường về các chuyên ngành đào tạo, CTĐT, giới thiệu việc làm sau khi ra trường.

Đầu mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt chính trị cho toàn bộ HS hệ Trung cấp. Trong tuần sinh hoạt này HS được nhà trường giới thiệu quy chế đào tạo của Bộ, các văn bản quy định của nhà trường, các văn bản cụ thể hóa của Trường, triển khai thực hiện những quy chế, quy định có hiệu quả. HS được giới thiệu về Nhà trường, mục tiêu đào tạo, nghề của trường, giới thiệu đề cương chi tiết các học phần, quy định về quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học tập của HS. Nhà trường đã cung cấp cho HS đầy đủ các quy chế, quy định, các quyền lợi và nghĩa vụ của HS trong suốt quá trình học tập tại Trường với nhiều hình thức khác nhau.

Định kỳ, Khoa CBCS phối hợp Ban công tác học sinh tổ chức họp Ban Cán sự lớp. Tại các cuộc họp này có đại diện BGH, các phòng chức năng phổ biến những quy định, quy chế chế độ chính sách cho HS, giải đáp những thắc mắc, kiến nghị và những thông tin phản hồi từ đại diện của HS.

Ngoài ra nhà trường còn có hệ thống bảng thông báo cho HS, HS còn nhận được nhiều thông tin từ Website của trường; trên Facebook …

HS được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về mục tiêu, chương trình, chế độ chính sách, các yêu cầu về học tập, kiểm tra đánh giá, giúp cho người học nắm và hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình. Trong những năm qua Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, của Bộ và những quy chế, quy định, thông báo của Nhà trường đến từng HS bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp HS hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá HS; đã thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan khác đến HS. Nhà trường đã cung cấp các thông tin qua Facebook cá nhân HS để nhận và phản hồi những thông tin trong trường.

Đối với các HS nội trú ở KTX, ngay sau khi bố trí chỗ ở, phòng Ban Quản lý KTX tổ chức cuộc họp KTX đầu năm học. Trong cuộc họp này HS nội trú, đặc biệt là các HS khoá mới được nghe phổ biến nội quy và các quy định của KTX, được hỏi đáp và đề đạt nguyện vọng với nhà trường qua Ban Quản lý KTX. Đối với HS ngoại trú, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phối hợp với công an, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra để nắm bắt tình hình HS, ở ngoại trú, kịp thời giáo dục, uốn nắn, xử ký kịp thời các trường hợp vi phạm.

Việc sử dụng CNTT phục vụ HS còn ở mức độ hạn chế, còn có những thông tin chưa được cập nhật kịp thời, thông tin chưa phong phú.

Kênh thông tin trên trang Website dễ đọc, dễ nhận biết và cung cấp đầy đủ thông tin cho HS, nhận phản hồi thông tin từ HS.

Khoa CBCS phối hợp với P.ĐT&KĐCL, các Khoa và Đoàn Thanh niên tiếp tục duy trì việc phổ biến quy chế, hướng dẫn đầy đủ cho HS, đặc biệt chú trọng đối tượng là HS tốt nghiệp THCS đi học Trung cấp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đầu năm học Nhà trường thông báo, triển khai rộng rãi trong HS về các chế độ chính sách đối với HS trong tuần sinh hoạt chính trị HS đầu năm học hướng dẫn HS làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách đúng đối tượng theo đúng

các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, nhà trường nhờ đó việc giải quyết chế độ, chính sách cho HS được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời. Hàng năm, nhà trường đều xét duyệt các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí, xét trợ cấp đột xuất; căn cứ kết quả xếp loại HS về học tập, rèn luyện xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập. Danh sách HS hưởng chế độ chính sách được công khai trên các bảng thông báo, trên Website của Trường và các phòng chức năng. Trong năm 2022, 2023, 2024 nhà trường xét miễn, giảm học phí cho HS khóa 23, 24,25,26. Cấp giấy xác nhận vay vốn tín dụng theo Quyết định 157. Xác nhận chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công và con của họ đang học tại các Trường đào tạo cho HS.

Trong từng năm học, nhà trường đều tổ chức họp trực tiếp Ban đại diện cha mẹ hoc sinh với BGH, với phụ huynh. HS được phản ánh những thắc mắc, đề xuất những tâm tư, nguyện vọng thiết thực để nhà trường điều chỉnh kịp thời các chủ trương, biện pháp nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả việc thực hiện chế độ chính sách xã hội. Nhà trường đã triển khai có hiệu quả nhiều hoạt động để 100% HS thuộc diện chính sách được đảm bảo chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Một số HS còn chậm trễ trong việc lập hồ sơ miễn giảm học phí, chế độ chính sách theo quy định.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

HS được phổ biến kịp thời các chế độ, chính sách về khen thưởng, khuyến khích học tập theo quy định vào đầu năm học; cung cấp các điều kiện hỗ trợ học tập và rèn luyện. Trong từng năm học Nhà trường đều tổ chức phát động thi đua trong toàn thể HS.

Trong năm 2022, 2023, 2024 nhà trường đã kịp thời biểu dương, khen thưởng cho các tập thể và cá nhân HS có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HS.

Nhà trường đã triển khai có hiệu quả nhiều hoạt động để HS thi đua trong HS, kịp thời khuyến khích, khen thưởng HS đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện theo qui định.

Hằng năm, khoa CBCS phối hợp với các phòng chức năng, Đoàn thanh niên, Ban công tác học sinh phát động phong trào thi đua trong toàn thể HS.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay từ những ngày đầu nhập học HS đã được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng trong các hoạt động học tập và rèn luyện, được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường, được nhà trường phổ biến đầy đủ nội quy, quy chế về học tập, thực tập, thi tốt nghiệp, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến HS, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân của HS.

Được tạo điều kiện như nhau trong học tập và rèn luyện, được sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, Được chăm lo, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ hiện hành, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước; được xét nhận học bổng khuyến khích, học bổng tài trợ do các tổ chức, cá nhân trong tài trợ, được xét tiếp nhận vào KTX theo quy định.

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến chế độ chính sách, quyền, nghĩa vụ của HS, CTĐT một cách công khai, dân chủ cho tất cả HS toàn trường.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm vào đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo các thủ tục về việc ở nội trú để các em nhanh chóng nộp đơn, làm hợp đồng đăng ký nội trú. Thực hiện thông báo đăng ký ở nội trú phổ biến cho HS về điều kiện, nội quy, quy định ở nội trú. Nhà trường đảm bảo an ninh, trật tự, tiện nghi chỗ ở để các em yên tâm sinh hoạt và học tập. KTX có có khu nhà để xe riêng biệt, căng tin phục vụ ăn uống.

Dịch vụ sinh hoạt phục vụ HS ngày càng được cải thiện. Có sân thể thao rộng rãi để các em sinh hoạt thể thao. An ninh trật tự khu KTX được đảm bảo, có Ban quản lý KTX, việc thực hiện nề nếp nội quy khu KTX được tiến hành nghiêm túc đảm bảo quyền lợi của người ở. Trường có đầy đủ các khu KTX, nhà ăn, bộ phận chăm sóc sức khỏe, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của HS.

Số lượng học sinh ở KTX ngày càng giảm, vì vậy hoạt động phục vụ đôi khi chưa đáp yêu cầu của HS.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có bộ phận chuyên trách công tác y tế trường học trực thuộc P.TH Công tác y tế học đường được tổ chức thực hiện đúng quy định. Trong Tuần sinh hoạt chính trị - HS đầu năm học phòng đã báo cáo chuyên đề về công tác y tế trường học, bảo hiểm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Hướng dẫn của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội và của Bảo hiểm xã hội về thực hiện bảo hiểm y tế HS trong năm học.

Nhà trường thực hiện công tác y tế theo đúng quy định. Công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, khám chữa bệnh thường xuyên tại phòng y tế trường, cấp phát thuốc, cấp cứu tại chỗ hoặc chuyển viện, thanh toán chế độ bảo hiểm thân thể cho HS được trường thực hiện và thống kê theo dõi đầy đủ, đúng quy định. Phòng y tế nằm tại Trung tâm hiệu bộ của Trường nên rất thuận tiện cho việc chăm sóc sức khoẻ của trong trường. Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế và thuốc đáp ứng kịp thời các trường hợp sơ, cấp cứu và chăm sóc ốm đau cho HS.

Hàng năm, nhà trường lồng ghép các nội dung công tác y tế trường học (giáo dục dân số, giáo dục giới tính, SKSS, giáo dục kỹ năng sống và phòng, chống HIV/AIDS cho HS) vào các môn học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa. Tăng cường công tác truyền thông hưởng ứng "Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an

toàn thực phẩm", "Tuần lễ Quốc gia không thuốc lá", "Ngày thế giới phòng chống HIV/AIDS", "Ngày môi trường thế giới... Tổ chức thực hiện các quy định về vệ sinh trường học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp. Tăng cường các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác phòng tránh tai nạn thương tích, giảm nhẹ thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu. Công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, khám chữa bệnh thường xuyên tại phòng y tế trường, cấp phát thuốc, cấp cứu tại chỗ hoặc chuyển viện, thanh toán chế độ bảo hiểm thân thể cho HS được Trường thực hiện và thống kê theo dõi đầy đủ, đúng quy định.

Để đáp ứng nhu cầu của HS học tập và ở nội trú, nhà trường có căng tin tại ký túc xá phục vụ ăn uống cho HS. Căng tin ở KTX được Nhà trường hợp đồng vào làm nên đảm bảo có khu chế biến thực phẩm riêng biệt, hệ thống điện, nước sạch, PCCC, thoát nước hoàn chỉnh, sử dụng ổn định, có thể phục vụ cho 300 người một lúc. Nhà trường phân công cán bộ phụ trách y tế thường xuyên kiểm tra chất lượng phục vụ nhà ăn về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, hình thức phục vụ…Ngoài ra, vào đầu năm học Nhà trường đều vận động các HS đều tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khoẻ trong thời gian học tập.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường;

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình VHVN, TDTT, bóng đá...trong HS. Các hoạt động VHVN và TDTT được Nhà trường triển khai có hệ thống, đều đặn hàng năm đáp ứng nhu cầu của HS. Hàng năm, khoa CBCS phối hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều chương trình VHVN như: Hội thi học sinh thanh lịch, cùng với các hoạt động TDTT khác như giải bóng đá, cầu lông, bóng bàn… HS được sử dụng miễn phí các cơ sở tập luyện của trường, 02 sân cầu lông, 2 bàn bóng bàn…

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định: Tổ chức thông tin tư vấn, giới thiệu việc làm cho HS và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội là mục tiêu hàng đầu của Nhà trường. Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của DN để từ đó định hướng, giới thiệu việc làm cho HS, điều chỉnh CTĐT, liên kết với các DN để đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.. Trong thời gian học tập tại trường, HS luôn được cập nhật các thông tin về nghề nghiệp và thị trường lao động khu vực trên địa bàn Hà Nội cũng như các tỉnh lân cận thông qua các bản tin về nhu cầu tuyển dụng lao động trên bản thông báo, trên trang Website của Nhà trường.

Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin tuyển dụng du học, xuất khẩu lao động của các thị trường như Hàn quốc, Nhật bản. Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết mở các lớp học tiếng Hàn quốc, tiếng Nhật và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để HS tham gia tuyển dụng đạt kết quả cao nhất. Khi HS chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, Nhà trường đã tổ chức tuần sinh hoạt chính trị cuối khoá để HS được tư vấn giới thiệu việc làm, về kỹ năng xin việc… trực tiếp từ phía DN, từ phía Trung tâm giới thiệu việc làm của huyện Gia Lâm.

Khoa CBCS phối hợp với các khoa thực hiện công tác khảo sát tình hình HS ra trường có việc làm để từ đó định hướng điều chỉnh các ngành nghề đào tạo cũng như trợ giúp giới thiệu việc làm cho HS.

Điểm tự đánh giá: 0.75 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và các doanh nghiệp trên địa huyện Gia Lâm, quận Long Biên và các tỉnh lân cận. Đây là yếu tố để giúp các em HS yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp.

Tổ chức các hoạt động liên kết đào tạo với các DN, bàn và thống nhất về việc tiếp nhận để HS thực tập tại DN. Từ đó, đã có nhiều HS được đến thực tập tại các DN do trường liên hệ, giới thiệu và nhiều HS tốt nghiệp của Trường được tuyển chọn làm việc tại DN liên kết. Ngoài ra, một số ngành đào tạo như Hàn điện, Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô gần 100% HS có việc làm sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, do việc liên kết, hợp tác với DN của Trường mới bắt đầu nên tỉ lệ HS có việc làm tại các DN còn hạn chế so với nhu cầu của HS tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

***Mở đầu:**

Giám sát, đánh giá chất lượng là tiêu chí quan trọng được Nhà trường luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của VC-NLĐ, qua đó duy trì, phát huy những điểm mạnh, đồng thời khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm từng bước cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

***Những điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm đến việc lấy ý kiến của GV, HS và người sử dụng lao động về các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế tỉ lệ HS ra trường có việc làm đúng ngành nghề đào tạo chiếm tỉ lệ cao.

Thực hiện nghiêm túc hoạt động tự đánh giá chất lượng và KĐCL trên cơ sở đó đã đề ra được các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo góp phần vào sự phát triển chung của Nhà trường.

***Những tồn tại:**

Mặc dù nhà trường đã quan tâm rất nhiều đến chất lượng đào tạo song một số ngành nghề đào tạo của trường tỉ lệ HS ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo còn chưa cao.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt các nghề đào tạo trọng điểm của Nhà trường.

Thường xuyên thu thập ý kiến của VCQL, GV, VC-NLĐ về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm VCQL, GV, VC-NLĐ.

Tiếp tục thu thập ý kiến của HS về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến HS của Nhà trường.

Thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và KĐCL theo quy định.

Xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định: Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại các đơn vị sử dụng lao động là căn cứ quan trọng để trên cơ sở đó Nhà trường xây dựng, điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong năm qua Trường TCN-CKXD đã thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi CTĐT theo hướng GDNN, tăng cường kỹ năng thực hành nghề; người thầy không chỉ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ GV GDNN mà phải có phương pháp, hình thức giảng dạy thích hợp để đạt được mục tiêu GDNN. Vì vậy, việc thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động là hết sức cần thiết. Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (Công ty cổ phần Cơ khí kỹ thuật và thương mại Phan Anh, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đức Hiếu Chung, Công ty TNHH Cổng BDA, Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Nguyễn Thành, Công ty TNHH Xây dựng MODULE Trí Đức, Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ BHN, Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Tài, Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng DG Trung Thành…). Kết quả đã giúp Nhà trường tiếp cận thông tin phản hồi từ phía học sinh, đặc biệt từ phía đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp, kỹ năng cần trang bị, đào tạo cho HS sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ VCQL, VC-NLD đóng vai trò quan trong đối với sự phát triển của nhà trường. Vì vậy việc lấy ý kiến của họ về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm VCQL, GV, VC - NLĐ cần phải được thực hiện thường xuyên. Làm được điều này sẽ góp phần nâng cao được chất lượng, hiệu quả công việc, tạo được tư tưởng thoải mái, yên tâm công tác trong đội ngũ VC-NLĐ.

Về những chính sách liên quan đến dạy và học: Thường xuyên được lấy ý kiến thông qua các cuộc họp định kỳ của các đơn vị, việc góp ý các quy định về chế độ công tác GV hằng năm và các cuộc họp có nội dung liên quan của toàn trường.

Về chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng: Trong năm 2022 nhà trường có tuyển dụng mới 01 viên chức theo đúng quy định. Những thông tin liên quan đến công

tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên được cập nhật, lấy ý kiến trên các kênh thông tin (gửi mail đến các đơn vị, thông báo ở bảng tin ...)

Về công tác bổ nhiệm cán bộ: Trong năm 2023 Nhà trường có quyết định bổ nhiệm 06 viên chức lãnh đạo, quản lý. Đầu năm 2024, Trường đã bổ nhiệm 01 Phó Trưởng khoa Điện, tiếp đó Trường đã đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chuyển đổi chức vụ với các vị trí lãnh đạo, lãnh đạo quản lý theo phân cấp quản lý của Bộ gồm: chuyển đổi chức vụ đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính – kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, Trưởng Khoa Cơ bản cơ sở; Giao kiêm nhiệm Trưởng khoa Điện đối với đồng chí Nguyễn Xuân Hòa – phó Hiệu trưởng và đã được Bộ ra quyết định. Thực hiện xong quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Công nghệ kỹ thuật để nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ theo quy định và Bộ đã ra quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng. Trường đã thực hiện chuyển đổi chức vụ với 02 đồng chí Phó trưởng khoa Điện, bổ nhiệm Phó Trưởng khoa Công nghệ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng Tổng hợp.

Vào tháng 01 hàng năm nhà trường tổ chức góp ý các văn bản Hội nghị VC-NLĐ, đây là dịp để nhà trường thu thập ý kiến của VCQL, GV, VC-NLĐ về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Nhà trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Lấy ý kiến của HS về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến HS của Trường rất quan trọng, trên cơ sở đó các Phòng, ban, các Khoa chuyên môn trong nhà trường có cơ sở nhìn nhận lại chất lượng giảng dạy, phục vụ của Nhà trường từ đó có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Việc lấy ý kiến của HS được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi họp lớp với giáo viên chủ nhiệm, họp ban cán sự lớp với Quản lý, Khoa CBCS.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tự đánh giá, KĐCL không chỉ là đảm bảo nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo mà còn mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT cũng như chất lượng toàn trường. Vì thế hằng năm Trường TCN-CKXD đều thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ này.

Năm 2024, nhà trường đảm bảo thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá chất lượng và KĐCL theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ -TBXH; Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL dạy nghề.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, nhà trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2023, nhà trường có kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị. Hiện tại, nhà trường chưa đánh giá ngoài.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Nhà trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tỷ lệ HS có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp có vai trò rất quan trọng đối với Nhà trường, bởi vì trên cơ sở số liệu này sẽ tạo thêm kênh thông tin giúp BGH và các Khoa có chuyên ngành đào tạo bổ sung, điều chỉnh nội dung, CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội; Xác định kiến thức, kỹ năng cần bổ sung, điều chỉnh để HS tốt nghiệp nhanh chóng tìm được việc làm đúng hoặc gần đúng ngành đào tạo.

Hiện nay các Khoa chuyên môn thực hiện thu thập số liệu khảo sát tình trạng việc làm của học sinh sau tốt nghiệp, nhìn chung học sinh có việc làm phù hợp với nghề đào tạo sau 6 tháng đạt tỷ lệ 80%.

Điểm tự đánh giá: 1.0 điểm

Phần III
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG

1. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân theo hướng cụ thể, chi tiết hơn nhằm giải quyết triệt để tồn tại nêu trên.

Tạo điều kiện để đội ngũ VC-NLĐ được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngày càng hoàn chỉnh cơ chế quản lý cấp Trường theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tính trách nhiệm ở các đơn vị; nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát.

2. Hoạt động đào tạo

Tham mưu, đề xuất các cấp quản lý tăng cường đầu tư CSVC, thiết bị dạy nghề để đảm bảo yêu cầu tối thiểu của trường trung cấp.

Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý đào tạo nghề, thiết kế giảng dạy tích hợp cho đội ngũ GV

Có chương trình, giáo trình dùng chung cho các trường trong hệ thống để thống nhất chuẩn đầu ra, trừ những ngành nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

3. Giáo viên, viên chức quản lý, viên chức và người lao động

Tiếp tục, tập trung cho đội ngũ VC-NLĐ bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện các chứng chỉ, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp.

4. Chương trình, giáo trình

Hàng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện các chương trình, giáo trình đào tạo;

+ Năm 2023, thực hiện chỉnh sửa, bổ sung 05 chương trình đào tạo trình độ trung cấp các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Hàn, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Năm 2024, thực hiện xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp.

Hàng năm tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các DN về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện có.

Tổ chức khảo sát, thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của VC, GV, học sinh về chất lượng chương trình, giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Trong giai đoạn 2020 - 2025 đẩy mạnh việc xây dựng Nhà trường trên cơ sở quy hoạch tổng thể được cơ quan chủ quản phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng qui mô đào tạo. Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện đời sống cho VC-NLĐ.

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Tổ chức Hội thảo về nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ VC-NLĐ Nhà trường về công tác NCKH.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường liên quan đến hoạt động NCKH để thúc đẩy và phát huy tối đa sức sáng tạo, khả năng NCKH của VC-NLĐ phù hợp với thực tiễn và điều kiện, khả năng của Nhà trường trong giai đoạn mới.

Tăng cường, bổ sung CSVC; phòng thí nghiệm đáp ứng cho quá trình nghiên cứu.

Xây dựng và ban hành quy định về thực hiện NCKH đối với học sinh.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học và công nghệ vừa là mục tiêu, vừa là phương thức để đẩy nhanh tốc độ hội nhập và tạo bứt phá cho phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường.

7. Quản lý tài chính

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các Trường đại học trong nước nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, DN để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị.

Hướng dẫn các bộ phận Phòng, Khoa trong đơn vị có kế hoạch cho nhu cầu chi tiêu cụ thể hơn từ đầu năm học, từ đó tập hợp thành kế hoạch của Trường được thực tế và chính xác. Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa.

Duy trì việc đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho viên chức Phòng Tài chính - Kế toán để làm tốt công tác quản lý tài chính của đơn vị; tổ chức tốt công tác sắp xếp hồ sơ chứng từ.

8. Dịch vụ người học

Xây dựng kế hoạch tổ chức đối thoại giữa viên chức lãnh đạo nhà trường với HS toàn trường (mỗi năm hai lần theo từng học kỳ) để từ đó tiếp nhận những ý kiến đóng góp HS để kịp thời giải quyết các vướng mắc liên quan đến HS.

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các trường THPT, THCS, các Huyện đoàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức các buổi tư vấn, thông tin về ngành, nghề đào tạo củaTtrường, chú trọng đến công tác phân luồng học sinh cuối cấp THCS.

Chú trọng đến việc giáo dục kỹ năng mềm, kiến thức khởi nghiệp; bồi dưỡng kiến thức về SKSS cũng như các các kỹ năng thiết yếu khác cho HSSV.

Xây dựng kế hoạch khảo sát tình hình HS tốt nghiệp khi ra Trường có việc làm. Chú trọng công tác theo dõi HS sau khi tốt nghiệp và được giới thiệu việc làm.

Xây dựng kế hoạch tư vấn việc làm, hướng nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp cho HS.

Tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong việc nắm bắt nhu cầu ngành nghề, giải quyết việc làm cho HS sau tốt nghiệp.

9. Giám sát, đánh giá chất lượng

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt các nghề đào tạo trọng điểm của Nhà trường.

Thường xuyên thu thập ý kiến của VCQL, GV, VC-NLĐ về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm.

Tiếp tục thu thập ý kiến của HS về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến HS của Nhà trường.

Thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và KĐCL theo quy định.

Xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

Phần IV
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN dựa trên hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định do Bộ LĐ-TB&XH ban hành trong giai đoạn hiện nay thực sự có ý nghĩa thiết thực đối với các cơ sở dạy nghề, đáp ứng mục tiêu dạy nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển dạy nghề của nhà nước.

Trường TCN-CKXD luôn xác định, công tác tự đánh giá đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của Nhà trường; muốn nhà trường phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của quá trình hoạt động, xem xét các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình đó nhằm phát huy và thúc đẩy các yếu tố ảnh hưởng tích cực và loại trừ các yếu tố bất hợp lý.

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng dạy nghề theo quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL, Trường TCN-CKXD đạt tiêu chuẩn KĐCL cơ sở GDNN như sau:

Tổng số điểm đánh giá các tiêu chí kiểm định đạt 88.56/100 điểm

Điểm đánh giá từng tiêu chí kiểm định đều đạt trên 60% trở lên

Điểm đánh giá các tiêu 2,3,4,5 đều đạt từ 80% điểm chuẩn trở lên.

Qua hoạt động đánh giá thường xuyên nhà trường sẽ có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn phát triển; thúc đẩy chất lượng đào tạo nghề của Nhà trường; gắn kết mọi hoạt động của Nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, chuyên nghiệp.

Quan điểm của lãnh đạo nhà trường là luôn sẵn sàng được KĐCL dạy nghề và cam kết sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện tốt hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề trong những năm tiếp theo.

4.2. Kiến nghị

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về CSCV, thiết bị cho nhà trường.

Rà soát, chỉnh sửa lại nội dung của một số tiêu chuẩn để việc KĐCL GDNN phù hợp với thực tế hiện nay hơn.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT&KĐCL.

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TĐGCL
CHỦ TỊCH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

HIỆU TRƯỞNG
Phạm Văn Tự

PHỤ LỤC

1.Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

BỘ XÂY DỰNG **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..38../QĐ-CKXD	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-BXD ngày 07/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng trên cơ sở Trường Công nhân kỹ thuật cơ khí xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Cơ bản cơ sở và kiểm định chất lượng và Trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 có các nhiệm vụ sau:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường (nếu có);

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

- Các Ông (Bà) Phó Hiệu trưởng; Trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHĐT, K.CBCS&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Phạm Văn Tự

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: ..18..../QĐ-CKXD ngày 04/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
01	Phạm Văn Tự	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Nguyễn Đình Nhâm	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch
03	Nguyễn Xuân Hòa	Phó Hiệu trưởng, Trưởng khoa Điện	Phó Chủ tịch
04	Vũ Thị Phược	Trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo	Ủy viên Thư ký
05	Đào Văn Tiên	Giám đốc Trung tâm ƯDKHKT&DVVL	Uỷ viên
06	Nguyễn Đình Khải	Trưởng khoa CBCS&KĐCL	Ủy viên
07	Đỗ Tuấn Nghĩa	Trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên
08	Đoàn Tăng Thi	Trưởng khoa Gia công nóng	Ủy viên
09	Cù Thị Thùy Dương	Trưởng phòng Tổng hợp	Ủy viên
10	Trịnh Thị Hồng Vân	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên
11	Nguyễn Văn Huấn	Phó trưởng khoa Điện	Ủy viên
12	Nguyễn Văn Ngọc	Phó trưởng khoa Điện	Ủy viên
13	Trương Thị Mai Trang	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường	Ủy viên
14	Đàm Anh Sơn	Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển giải pháp mới	Ủy viên *(Mời tham gia Hội đồng)*
15	Nguyễn Ngọc Thiên	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH Kỹ thuật điện Hưng Thịnh UTE	Ủy viên *(Mời tham gia Hội đồng)*

2. Quyết định về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

BỘ XÂY DỰNG **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .39.. /QĐ-CKXD	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CKXD ngày 04/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 theo sự phân công.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

- Các Ông (Bà) Phó Hiệu trưởng; Trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Trường và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, KHĐT, K.CBCS&KĐCL.	**HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG **Phạm Văn Tự**

2

DANH SÁCH
Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng
Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024
(Kèm theo Quyết định số 39../QĐ-CKXD ngày 04/4/2024
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ trong Ban
01	Vũ Thị Phược	Trưởng phòng Kế hoạch - Đào tạo	Trưởng ban, Tổng hợp báo cáo
02	Phạm Thị Ngọc Thu	Chuyên viên khoa CBCS&KĐCL	Thư ký tổng hợp
03	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Đào tạo	Thành viên, Phụ trách tiêu chí 2,4,9
04	Hoàng Thị Thanh Mai	Chuyên viên phòng Tổng hợp	Thành viên, Phụ trách tiêu chí 1,3,5,6
05	Vũ Kim Dung	Nhân viên thủ quỹ phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên, Phụ trách tiêu chí 7
06	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên khoa CBCS&KĐCL	Thành viên, Phụ trách tiêu chí 8

3. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

BỘ XÂY DỰNG **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..111../KH-CKXD	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng
Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2024 như sau:

1. Mục tiêu tự đánh giá chất lượng

- Nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động và học sinh trong toàn Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (sau đây viết tắt là Trường) về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, tự đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng Trường;

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng Trường;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các điểm mạnh, các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường.

2. Công cụ tự đánh giá chất lượng

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy trình được quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong Trường và gửi báo cáo về: Cơ quan chủ quản trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 (Sau đây gọi tắt là Hội đồng tự đánh giá)

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng.

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị thuộc Trường.

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Tổng hợp, viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gửi các đơn vị để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ Trường và gửi báo cáo về cơ quan chủ quản trường, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Đối với khoa Cơ bản cơ sở và kiểm định chất lượng

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024, thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc Trường

- Triển khai kế hoạch và các hoạt động tự đánh giá đến toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị.

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo sự phân công.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị và gửi Ban thư ký tổng hợp, báo cáo Hội đồng tự đánh giá.

5. Bảng phân công các đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị, đoàn thể phụ trách
Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổng hợp
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Kế hoạch - Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
6	Tiêu chuẩn 6	Hội đồng trường Phòng Tổng hợp Các đơn vị liên quan
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Kế hoạch - Đào tạo Phòng Tổng hợp Khoa CBCS&KĐCL
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Kế hoạch - Đào tạo Phòng Tổng hợp Khoa CBCS&KĐCL
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Tổng hợp Văn phòng Đảng ủy
10	Tiêu chuẩn 10	Công đoàn, Ban nữ công Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổng hợp
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
1	Tiêu chuẩn 1	
2	Tiêu chuẩn 2	

3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Kế hoạch - Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
6	Tiêu chuẩn 6	
7	Tiêu chuẩn 7	
8	Tiêu chuẩn 8	
9	Tiêu chuẩn 9	
10	Tiêu chuẩn 10	
11	Tiêu chuẩn 11	
12	Tiêu chuẩn 12	
13	Tiêu chuẩn 13	
14	Tiêu chuẩn 14	
15	Tiêu chuẩn 15	
16	Tiêu chuẩn 16	
17	Tiêu chuẩn 17	
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổng hợp
2	Tiêu chuẩn 2	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổng hợp
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo Phòng Tài chính - Kế toán
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Kế hoạch - Đào tạo
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Kế hoạch - Đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổng hợp
12	Tiêu chuẩn 12	
13	Tiêu chuẩn 13	
14	Tiêu chuẩn 14	
15	Tiêu chuẩn 15	

5

Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Kế hoạch - Đào tạo; Các khoa chuyên môn
2	Tiêu chuẩn 2	
3	Tiêu chuẩn 3	
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
6	Tiêu chuẩn 6	
7	Tiêu chuẩn 7	
8	Tiêu chuẩn 8	
9	Tiêu chuẩn 9	
10	Tiêu chuẩn 10	
11	Tiêu chuẩn 11	
12	Tiêu chuẩn 12	
13	Tiêu chuẩn 13	
14	Tiêu chuẩn 14	
15	Tiêu chuẩn 15	
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổng hợp
2	Tiêu chuẩn 2	
3	Tiêu chuẩn 3	
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tài chính - Kế toán Các khoa chuyên môn
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Tài chính - Kế toán Các khoa chuyên môn
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tài chính - Kế toán Các khoa chuyên môn
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tài chính - Kế toán Phòng Kế hoạch – Đào tạo Các khoa chuyên môn
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Tổng hợp Các khoa chuyên môn
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Tổng hợp Các khoa chuyên môn
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Tổng hợp Phòng Tài chính - Kế toán Các khoa chuyên môn
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Tổng hợp; Phòng Tài chính - Kế toán Các khoa chuyên môn

13	Tiêu chuẩn 13	Phòng Tổng hợp
14	Tiêu chuẩn 14	Phòng Tổng hợp
15	Tiêu chuẩn 15	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	
3	Tiêu chuẩn 3	
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
Tiêu chí 7: Quản lý tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tài chính - Kế toán
2	Tiêu chuẩn 2	
3	Tiêu chuẩn 3	
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
6	Tiêu chuẩn 6	
Tiêu chí 8: Dịch vụ người học		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo Khoa CBCS&KĐCL
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Kế hoạch - Đào tạo Phòng Tài chính - Kế toán
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Kế hoạch - Đào tạo Phòng Tài chính - Kế toán Phòng Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Tổng hợp Phòng Kế hoạch - Đào tạo Khoa CBCS&KĐCL
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổng hợp
6	Tiêu chuẩn 6	
7	Tiêu chuẩn 7	
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Kế hoạch - Đào tạo; Trung tâm ƯDKHKT&DVVL
9	Tiêu chuẩn 9	
Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Kế hoạch - Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	

3	Tiêu chuẩn 3	
4	Tiêu chuẩn 4	
5	Tiêu chuẩn 5	
6	Tiêu chuẩn 6	

6. Nội dung, thời gian thực hiện

STT	Thời gian thực hiện	Nội dung	Đơn vị thực hiện
1	Từ 01/4/2024 đến 05/4/2024	- Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký - Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2024.	- Hiệu trưởng; - Khoa CBCS&KĐCL
2	Từ 08/4/2024 đến 09/4/2024	Họp Hội đồng tự đánh giá	Hội đồng tự đánh giá
3	Từ 10/4/2024 đến 31/10/2024	Hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá	Khoa CBCS&KĐCL
		Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công	Các đơn vị; Ban thư ký
		Đánh giá, mô tả, phân tích, nhận định và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn;	Các đơn vị
		Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng của đơn vị và gửi về Ban thư ký	
4	Từ 01/11/2024 đến 29/11/2024	Tổng hợp báo cáo của các đơn vị và gửi tới Hội đồng tự đánh giá	Ban thư ký
		Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và cho ý kiến phản hồi	Hội đồng tự đánh giá
5	Từ 02/12/2024 đến 13/12/2024	Điều chỉnh dự thảo báo cáo trên cơ sở các ý kiến góp ý	Ban thư ký
		Hội đồng tự đánh giá thẩm định và thông qua báo cáo tự đánh giá	Hội đồng tự đánh giá
		Phê duyệt báo cáo tự đánh giá	Hiệu trưởng
		Họp công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường	Hội đồng tự đánh giá
		Gửi báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá về cơ quan chủ quản trường; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.	Thư ký Hội đồng

7. Kinh phí thực hiện: Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024 từ nguồn thu sự nghiệp của Trường theo dự trù kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng *(Căn cứ Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn nội dung chi và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng đối với các trung tâm GDNN, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập và điều kiện thực tế của Trường).*

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024. Đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Trường trong năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Lãnh đạo Trường đề nghị các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc Trường triển khai thực hiện theo Kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị trực thuộc Trường (để t/h);
- Lưu: VT, KHĐT, K.CBCS&KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CƠ KHÍ XÂY DỰNG

Phạm Văn Tự

4. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Mã minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		*Quyết định về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 1133/QĐ-BXD ngày 10/9/2014; * Quyết định Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường: - Số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 * Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024;
2			1.1.02		*Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức: - Số 1103/QĐ-BXD ngày 08/9/2014; - Số 72/QĐ-BXD ngày 25/01/2018; - Số 1446/QĐ-BXD ngày 30/12/2022; - Số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024;
3			1.1.03		* Thông báo tuyển dụng của một số Công ty: - Công ty CP nhựa sinh thái Việt Nam - Công ty CP Cơ khí XD & tư vấn - Công ty CP kỹ thương JESCO Việt Nam - Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP - Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô GOSHI - Thăng Long - Công ty Honda Việt Nam - Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Hưng Yên (AMA). - Công ty cổ phần nhân lực Topaz
4			1.1.04		Công khai trên Website của trường: https://mcc.molisa.gov.vn
5			1.1.05		Trên Website của trường: https:// mcc.molisa.gov.vn

6			1.1.06		Phiếu khảo sát số 1.1.06A, 1.1.06B
7		2	1.2.01		*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
8			1.2.02		*Quyết định số 899/QĐ-BXD ngày 27/7/2021 về việc phê duyệt đề cương và dự toán điều tra và khảo sát thực trạng mô hình đào tạo song bằng và 9+
9			1.2.03	1.1.03	* Thông báo tuyển dụng của một số Công ty: - Công ty CP nhựa sinh thái Việt Nam - Công ty CP Cơ khí XD & tư vấn - Công ty CP kỹ thương JESCO Việt Nam - Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP - Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô GOSHI - Thăng Long - Công ty Honda Việt Nam - Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Hưng Yên (AMA). - Công ty cổ phần nhân lực Topaz
10		3	1.3.01		*Quyết định số: 1532/QĐ-BXD ngày 07/11/2006 về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng trên cơ sở Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng. *Quyết định số 546/QĐ-BXD ngày 16/5/2014 về việc tiếp nhận Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng về trực thuộc Bộ Xây dựng. * Quyết định số 1190/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tiếp nhận 10 Trường Cao đẳng, Trường Trung cấp trực thuộc Bộ Xây dựng về trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
11			1.3.02		*Quyết định về việc Thành lập các phòng, khoa trực thuộc Trường: - Số 197/QĐ-TTCN ngày 01/11/2014;

					*Quyết định về việc Thành lập Khoa CBCS&KĐCL trực thuộc Trường: - Số 275/QĐ-TTCN ngày 09/8/2019; *Quyết định về việc Sắp xếp, tổ chức lại khoa Điện dân dụng và công nghiệp và khoa Điện tử - Điện lạnh thành khoa Điện trực thuộc Trường: - Số 399/QĐ-TTCN ngày 01/10/2020. * Quyết định về việc chuyển Ban TS và HTDN trực thuộc Trung tâm ƯDKHKT và DVVL về trực thuộc Khoa CBCS và KĐCL: Số 80/QĐ-TTCN ngày 18/5/2022. * Quyết định về việc thành lập phòng chức năng, khoa chuyên môn thuộc Trường: Số 112/QĐ-MCC ngày 10/10/2024.
12			1.3.03		*Quyết định về việc Điều chỉnh Quy chế Chi tiêu nội bộ: - Số 20/QĐ-TTCN ngày 24/01/2022; * Quyết định về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ; - Số 36/QĐ-TTCN ngày 30/01/2023. *Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường Trung cấp nghề CKXD - Số 296/QĐ-CKXD ngày18/10/2023.
13			1.3.04		Phiếu khảo sát số 1.3.04A, 1.3.04B
14		4	1.4.01		*Quyết định về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 1133/QĐ-BXD ngày 10/9/2014; *Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức: - Số 1103/QĐ-BXD ngày 08/9/2014; *Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức: - Số 1191/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/8/2024; * Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024;
15			1.4.02		Các văn bản được rà soát, điều chỉnh hằng năm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy định chế độ làm việc của GV, Quy định quản lý tài sản công, quy chế chi thu nhập tăng thêm.. * Quyết định Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường: - Số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023;

					*Quyết định về việc Quy định chế độ làm việc của giáo viên GDNN tại Trường Trung cấp nghề CKXD - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023.
16			1.4.03		*Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức: - Số 1446/QĐ-BXD ngày 30/12/2022. * Quyết định Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường: - Số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 * Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024;
17			1.5.01		*Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các phòng, khoa chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường: - Số 366/QĐ-TTCN ngày 01/10/2020; * Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng khoa thuộc Trường: Số 113/QĐ-MCC ngày 10/10/2024
18			1.5.02	1.2.01	*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội: - Số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017
19		5	1.5.03	1.2.02	*Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
20			1.5.04		Báo cáo tổng kết của các phòng khoa năm 2022, 2023,2024.
21			1.5.05		Biên bản thẩm định đăng kí bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp ngày 04/8/2020.
22		6	1.6.01		*Quyết định thành lập Hội đồng trường: - Số 807/QĐ-BXD ngày 10/8/2023 của Bộ Xây dựng; * Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường - Số 806/QĐ-BXD ngày 10/8/2023 của Bộ Xây dựng
23			1.6.02		Báo cáo tổng kết công tác năm 2023, 2024.

24			1.6.03		*Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức - Số 144/QĐ-TTCN ngày 01/8/2022; *Quyết định thành lập Hội đồng lương - Số 97/QĐ-TTCN ngày 01/6/2022; *Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - Số 98/QĐ-TTCN ngày 01/6/2022; *Quyết định thành lập Hội đồng Khen thưởng và kỷ luật học sinh: - Số 223/QĐ-TTCN ngày 12/10/2022. *Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp năm 2023: - Số 40/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023. *Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho viên chức năm 2023: - Số 157/QĐ-TTCN ngày 13/6/2023.
25			1.6.04	1.5.01	*Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các phòng, khoa chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Trường: - Số 366/QĐ-TTCN ngày 01/10/2020; * Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng khoa thuộc Trường: Số 113/QĐ-MCC ngày 10/10/2024
26			1.6.05	1.5.04	Báo cáo tổng kết của các phòng khoa năm 2022, 2023, 2024.
27			1.6.06		* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực

					hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
28			1.6.07		* Quyết định tặng bằng khen BCH Công đoàn XDVN: Số 196/QĐ/CĐXD ngày 28/4/2021: Số 314/QĐ-CĐXD ngày 14/7/2021. * Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân thuộc Trường năm 2020 - 2021: Số 296/BC-TTCN ngày 16/8/2021; Số 297/QĐ-TTCN ngày 16/8/2021; Số 298/QĐ-TTCN ngày 16/8/2021 * Quyết định của Công đoàn Trường năm 2021: - Số 22/QĐ-TTCN ngày 06/12/2021; Số 23/QĐ-TTCN ngày 06/12/2021 * Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân thuộc Trường năm 2021- 2022 Số 154/BC-TTCN ngày 10/8/2022; Số 155/QĐ-TTCN ngày 10/8/2022; Số 156/QĐ-TTCN ngày 10/8/2022; * Quyết định của Công đoàn Trường năm 2022: - Số 21/QĐ-TTCN ngày 19/9/2022; Số 22/QĐ-TTCN ngày 19/9/2022. * Quyết định tặng bằng khen của BCH tổng LĐLĐVN: - Số 5584/QĐ-TLĐ ngày 14/11/2022 (đ/c Vân Anh). * Quyết định tặng bằng khen của BCH CĐXDVN: - Số 520/QĐ-CĐXD ngày 01/11/2022 (01 tập thể Trường). *Quyết định của Bộ Xây dựng: - Số 1163/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 (03 tập thể Lao động xuất sắc); - Số 1164/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 (03 cá nhân Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp XD); - Số 1184/QĐ-BXD ngày 06/12/2022 (01 tập thể và 01 cá nhân); *Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân thuộc Trường năm 2022-2023 - Số 192/QĐ-TTCN ngày 14/8/2023; Số 193/QĐ-TTCN ngày 14/8/2023; Số 194/QĐ-TTCN ngày 14/8/2023; * Quyết định tặng bằng khen BCH Công đoàn XDVN: Số 560/QĐ-CĐXD ngày 11/10/2023.

29			1.7.01		* Quyết định về việc Ban hành tài liệu, công cụ hệ thống bảo đảm chất lượng - Số 506/BC-TTCN ngày 30/12/2021
30			1.7.02		Cơ sở dữ liệu BĐCL đăng trên Website của Trường: *Hệ thống bảo đảm chất lượng: https://mcc.molisa.gov.vn/he-thong-bao-dam-chat-luong *Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN https://mcc.molisa.gov.vn/bao-cao-tu-danh-gia-chat-luong-gdnn
31		7	1.7.03		* Kế hoạch về việc Xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng - Số 157/KH-TTCN ngày 26/7/2021 *Quyết định về việc giao nhiệm vụ xây dựng quy trình công cụ và hệ thống BĐCL - Số 236/BC-TTCN ngày 25/6/2021 *Quyết định ban hành chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng - Số 283/BC-TTCN ngày 01/8/2021 *Quyết định ban hành mục tiêu chất lượng năm 2021 - Số 284/BC-TTCN ngày 01/8/2021 * Kế hoạch nghiệm thu kết quả xây dựng tài liệu, công cụ hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường năm 2021: - Số 208/KH-TTCN ngày 28/10/2021. *Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả xây dựng tài liệu, công cụ hệ thống BĐCL - Số 408/BC-TTCN ngày 29/10/2021 * Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN - Số 61/QĐ-TTCN ngày 19/02/2021; Số 37/BB-TTCN ngày 28/5/2021; Số 183/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số74/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 38/QĐ- CKXD ngày 04/4/2024. * Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá: - Số 184/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số 75/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 39/QĐ-CKXD ngày 04/4/2024. *Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN:

					- Số 66A/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 01/4/2021; Số 158/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 15/9/2022; Số 42/TTCN-HĐTĐGCL ngày 13/3/2023; Số 44/KH-CKXD ngày 04/4/2024. * Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng khoa thuộc Trường: Số 113/QĐ-MCC ngày 10/10/2024.
32			1.7.04	1.5.04	* Báo cáo tổng kết của các phòng khoa năm 2022, 2023,2024. * Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.

				1.6.06	Báo cáo hội nghị CBCNVC: Số 31/NQ-TTCN ngày 31/01/2021; Ngày 21/01/2022. * Nghị Quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm học 2020-2021: - Số 31/NQ-TTCN ngày 31/01/2021; * Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023
33			1.7.05		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023,2024
34			1.7.07		Phiếu khảo sát số 1.7.07A, 1.7.07B
35		8	1.8.01	1.7.03	* Kế hoạch về việc Xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng - Số 157/KH-TTCN ngày 26/7/2021 *Quyết định về việc giao nhiệm vụ xây dựng quy trình công cụ và hệ thống BĐCL - Số 236/BC-TTCN ngày 25/6/2021 *Quyết định ban hành chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng - Số 283/BC-TTCN ngày 01/8/2021 *Quyết định ban hành mục tiêu chất lượng năm 2021

					- Số 284/BC-TTCN ngày 01/8/2021 * Kế hoạch nghiệm thu kết quả xây dựng tài liệu, công cụ hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường năm 2021: - Số 208/KH-TTCN ngày 28/10/2021. *Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả xây dựng tài liệu, công cụ hệ thống BĐCL - Số 408/BC-TTCN ngày 29/10/2021 * Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN - Số 61/QĐ-TTCN ngày 19/02/2021; Số 37/BB-TTCN ngày 28/5/2021; Số 183/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số74/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 38/QĐ- CKXD ngày 04/4/2024. * Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá: - Số 184/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số 75/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 39/QĐ-CKXD ngày 04/4/2024. *Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN: - Số 66A/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 01/4/2021; Số 158/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 15/9/2022; Số 42/TTCN-HĐTĐGCL ngày 13/3/2023; Số 44/KH-CKXD ngày 04/4/2024. * Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với từng phòng khoa thuộc Trường: Số 113/QĐ-MCC ngày 10/10/2024.
36			1.8.02	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023

					- Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
37			1.8.03	1.7.05	Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2022, 2023,2024
38			1.8.05		Phiếu khảo sát số 1.8.05A, 1.8.05B
39			1.9.01		*Quyết định thành lập Đảng bộ Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 596-QĐ/ĐU ngày 06/5/2009. * Quyết định chia tách, thành lập các Chi bộ trực thuộc - Số 05-QĐ/ĐU ngày 15/5/2023
40		9	1.9.02		*Nghị quyết Đại hội lần thứ III Chi bộ 2 Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: Số 01/NQ-CU ngày 19/02/2020 *Nghị quyết Đại hội lần thứ IV Chi bộ 1 Đảng bộ Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: Số 01/NQ-CU ngày 19/02/2020 *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 19/3/2020. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ IV (BCH Đảng bộ khóa III): Số 42-NQ/ĐU ngày 12/8/2020 *Nghị quyết Hội nghị lần thứ V (BCH Đảng bộ khóa III): Số 45-NQ/ĐU ngày 15/10/2020 *Nghị quyết Hội nghị lần thứ X (BCH Đảng Uỷ khóa III): Số 02-NQ/ĐU ngày 02/3/2021 * Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho các đồng chí ủy viên trong BCH dảng ủy trường khóa III nhiệm kỳ 2020-2025: số 63-NQ/ĐU ngày 29/12/2023. * Nghị quyết BCH Đảng ủy Trường Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng khóa III phiên họp ngày 12/7/2024: 32-NQ/ĐU ngày 12/7/2024

41			1.9.03	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
42			1.9.04		* Báo cáo kiểm điểm tập thể Đảng ủy năm 2022: Số 46-BC/ĐU ngày 09/12/2022. * Báo cáo kiểm điểm tập thể năm 2023: Số: 58-BC/ĐU ngày 01/12/2023. * Báo cáo kiểm điểm tập thể Đảng ủy năm 2023: Số: 59-BC/ĐU ngày 01/12/2023. * Báo cáo kiểm điểm tập thể Đảng ủy năm 2024: Số 58-BC/ĐU ngày 06/12/2024.
43			1.9.05		*Quyết định công nhận kết quả xếp loại Chi bộ và Đảng viên năm 2022: - Số 48-QĐ/ĐU ngày 09/12/2022 *Quyết định công nhận kết quả xếp loại Chi bộ và Đảng viên năm 2023: - Số 10-QĐ/ĐU ngày 18/12/2023 *Quyết định công nhận kết quả xếp loại Chi bộ và Đảng viên năm 2024: - Số 06-QĐ/ĐU ngày 05/12/2024.
44			1.10.01		*Quyết định về việc Đổi tên Công đoàn Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng trực thuộc Công đoàn Tổng Công ty Cơ khí xây dựng thành Công đoàn Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng - Số 200/QĐ-CĐTCT ngày 24/11//2006 * Quyết định Về việc thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát của Đảng bộ Trường Trung

					cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2020: - Số 39-QĐ/ĐU ngày 04/5/2020 * Quyết định về việc công nhận BCH, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM Trường TCNCKXD nhiệm kỳ 2022 - 2024: - Số 141-QĐ/ĐTN ngày 20/5/2022. *Quyết định về việc công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng khóa VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028 - Số 213/QĐ-CĐXD ngày 27/4/2023 của Công đoàn Xây dựng Việt Nam. * Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn - Số 24/QĐ-CĐTTCN ngày 29/5/2023.
45		10	1.10.02		* Kế hoạch hoạt động của Công đoàn: Số 03A/KH-CĐTTCN ngày 27/02/2022 * Kế hoạch tổ chức Đại hội Công đoàn Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng khóa VIII, nhiệm kỳ 2023-2028: Số 26/KH-CĐTTCN ngày 21/9/2022 * Kế hoạch hoạt động Đoàn và phong trào TN: Số 01/KH-ĐTN ngày 01/6/2022 * Kế hoạch tổ chức Đại hội Công đoàn Trường , nhiệm kỳ 2023-2028 - Số 26/KH-CĐTTCN ngày 21/9/2022 *Kế hoạch Tổ chức hoạt động chào mừng 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS HCM: số 07/KH-ĐTN ngày 02/02/2023. *Kế hoạch tiếp sức mùa thi năm 2023: 09/KH-TTCN ngày 07/6/2023 * Kế hoạch Tập văn nghệ khai giảng năm học 2023-2024: - Số 11/KH-ĐTN ngày 31/7/2023 * Kế hoạch tập văn nghệ chào mừng 41 năm ngày nhà giáo VN và kỷ niệm 25 năm thành lập trường: - Số 14/KH-ĐTN ngày 03/10/2023 Chương trình lễ khai giảng năm học 2023-2024 ngày 05/9/2023. * Kế hoạch triển khai thực hiên phong trào "Học sinh 3 rèn luyện" năm học 2023-2024: Số 19/KH-ĐTN ngày 18/01/2024 * Kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2024: Số 22/KH-ĐTN ngày 12/3/2024 * Kế hoạch tập văn nghệ chào mừng Khai giảng năm học 2024-2025 và Kỷ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024): Số 26/KH-ĐTN ngày 08/10/2024 * Kế hoạch tổ chức giải thể thao chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam

					20/11/2024: Số 19/KH-CĐTTCN ngày 25/10/2024
46			1.10.03		*Quyết định về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII): Số 174/QĐ-TLĐ ngày 03/02/2020.
47			1.10.04		* Điều lệ Công đoàn Việt Nam (Đại hội CĐVN lần thứ XII thông qua ngày 24/9/2018) * Điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 13/12/2017)
48			1.10.05		*Báo cáo tổng kết công tác Đoàn Thanh niên năm học 2021 - 2022 và dự thảo phương hướng năm học 2022 - 2023 ngày 03/4/2022. *Báo cáo công tác Đoàn và phong trào Thanh niên nhiệm kỳ 2019 - 2022 và dự thảo phương hướng nhiệm kỳ 2022 - 2024 ngày 12/4/2022.
49			1.10.06		* Quyết định về việc tặng Bằng khen của BCH CĐXDVN: - Số 196/QĐ-CĐXD ngày 28/4/2021; Số 314/QĐ-CĐXD ngày 14/7/2021; Số 33/QĐ-CĐXD ngày 20/01/2022; * Quyết định về việc thưởng tiền cho các cá nhân điển hình tiên tiến: Số 430/QĐ-CĐXD ngày 15/10/2021 * Quyết định tặng bằng khen BCH Công đoàn XDVN: Số 196/QĐ/CĐXD ngày 28/4/2021: Số 314/QĐ-CĐXD ngày 14/7/2021. * Quyết định tặng bằng khen của BCH tổng LĐLĐVN ngày 14/11/2022. * Quyết định tặng bằng khen BCH Công đoàn XDVN: Số 560/QĐ-CĐXD ngày 11/10/2023. * Quyết định tặng bằng khen BCH Công đoàn XDVN: Số 551/QĐ-CĐXD ngày 17/10/2024.
50			1.10.07	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023

					- Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
51			1.10.08		Phiếu khảo sát số 1.10.08A, 1.10.08B
52		11	1.11.01		*Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Trường, nhiệm kỳ 2020 - 2025: Số 38-QĐ/ĐU ngày 28/4/2020; *Quyết định về việc thành lập Đoàn Kiểm tra, giám sát của Đảng bộ Trường năm 2020: - Số 01A-QĐ/ĐU ngày 08/01/2021; - Số 11-QĐ/ĐU ngày 04/5/2022.
53			1.11.02		* Kế hoạch kiểm tra, giám sát Đảng ủy Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng - Số 46-QĐ/ĐU ngày 31/12/2021.
54			1.11.03		*Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất ngày 29/12/2020; *Biên bản thẩm định đăng ký bổ sung hoạt động GDNN ngày 04/8/2020
55			1.11.04		* Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát đến tháng 8/2021 ngày 30/8/2021. * Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát 9 tháng đầu năm 2022 của Đảng ủy UBKT Đảng ủy Trường: Số 05-BC/UBKT ngày 24/8/2022 * Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát 6 tháng đầu năm 2022 của Đảng ủy UBKT Đảng ủy Trường TCNCKXD năm 2022: Số 04-BC/UBKT ngày 06/7/2022. * Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 của Đảng ủy UBKT Đảng ủy Trường TCNCKXD: Số 07-BC/UBKT ngày 26/10/2022. *Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát 6 tháng đầu năm 2023 - Số 01/BC-UBKT ngày 19/5/2023
56			1.11.05		Nội dung cải tiến phương pháp, công tác kiểm tra, giám sát của Nhà trường ngày

					15/8/2021
57			1.11.06		Phiếu khảo sát số 1.11.06A, 1.11.06B
58		12	1.12.01		* Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023; * Quy định tiêu chuẩn Đoàn viên Công đoàn được thăm hỏi tặng quà nhân dịp tết Nguyên Đán năm 2023 ngày 05/12/2022. * Công văn về việc thăm hỏi, tặng quà đoàn viên, CĐ trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, tết Nguyên đán Quý Mão 2023 - Số 474/CĐXD-CSPL ngày 08/11/2021 - Số 524/CĐXD-CSPL&QHLĐ ngày 01/11/2022. *Thông báo khám sức khỏe định kỳ ngày 26/5/2022 *Thông báo nghỉ mát ngày 05/5/2022 * Kế hoạch nghỉ mát ngày 16/5/2022 * Thông báo chương trình nghỉ mát năm 2023 - Số 24/TB-CĐTTCN ngày 16/6/2023 *Thông báo khám sức khỏe định kỳ số 164/TB-TTCN ngày 25/8/2023; * Thông báo khám sức khỏe định kỳ số 61/TB-CKXD ngày 14/5/2024. *Hợp đồng bảo hiểm kết hợp con người số 003.KD06.HD.CN.24.14461338; * Thông báo nghỉ lễ 02/9/2023 số 165/TB-TTCN ngày 28/8/2023 * Thông báo nghỉ lễ 02/9/2024 số 132/TB-CKXD ngày 28/8/2024.
59			1.12.02		*Danh sách đoàn viên Công Đoàn có hoàn cảnh khó khăn nhận quà tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021 của CĐXDVN, tết Nhâm Dần năm 2022 của CĐXDVN, tết Quý Mão 2023. * Danh sách giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe năm 2022: Đợt 1 tháng 1: Đợt 1 tháng 5; Đợt 1 tháng 4: Đợt 2 tháng 4.
60			1.12.03		* Báo cáo kết quả TH tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới năm 2022:

					- Số 207/BC-TTCN ngày 07/12/2022.
61			1.12.04		Phiếu khảo sát số 1.12.04
62			2.1.01	1.2.01	* Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; * Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, - Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
63		1	2.1.02		Bảng thống kê các nghề đào tạo năm 2022, 2023,2024
64			2.1.03		*Quyết định số: 86/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo trình độ trung cấp của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng.
65			2.1.04		Công khai Website của Trường: https://mcc.molisa.gov.vn
66	2		2.1.05		Phiếu khảo sát số 2.1.05A, 2.1.05B
67		2	2.2.01		* Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh: - Số 17/QĐ-TTCN ngày 17/01/2022; - Số 110/QĐ-TTCN ngày 25/4/2023. - Số 35/QĐ-CKXD ngày 28/3/2024.
68			2.3.01		* Quyết định phê duyệt nhiệm vụ năm học: - Số 319/QĐ-BXD ngày 22/4/2022; - Số 525/QĐ-BXD ngày 25/5/2023; - Số 203/QĐ-BXD ngày 26/3/2024 * Kế hoạch tuyển sinh: - Ngày 18/01/2022; Ngày 09/01/2023; Ngày 16/01/2024
69			2.3.02		Thông báo tuyển sinh các năm 2022, 2023, 2024

70	2	3	2.3.03		* Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh: - Số 16/QĐ-TTCN ngày 17/01/2022; - Số 112/QĐ-TTCN ngày 27/4/2023; - Số 47/QĐ-CKXD ngày 19/4/2024
71			2.3.04		Hồ sơ các khóa 24, 25, 26
72			2.3.05		* Biên bản xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh: - Số 08/BB-TTCN ngày 10/6/2022; Số 12/BB-TTC ngày 12/7/2022 (bổ sung); - Số 44/BB-TTCN ngày 30/9/2022; Số 45/BB-TTCN ngày 30/9/2022. - Số 41/BB-TTCN ngày 11/7/2023; Số 58/BB-TTCN ngày 23/8/2023 (bổ sung); - Số 54/BB-TTCN ngày 14/8/2023; - Số 15/BB-CKXD ngày 26/7/2024 (đợt 1). - Số 51/BB-MCC ngày 10/12/2024 (đợt 2 Cẩm Giàng). - Số 52/BB-MCC ngày 16/12/2024 (đợt 2 Tứ Kỳ).
73			2.3.06		* Quyết định phê duyệt học sinh trúng tuyển của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: - Số 106/QĐ-TTCN ngày 13/6/2022; Số 126/QĐ-TTCN ngày 13/7/2022; - Số 207/QĐ-TTCN ngày 03/10/2022; Số 208/QĐ-TTCN ngày 03/10/2022; - Số 170/QĐ-TTCN ngày 12/7/2023; Số 204/QĐ-TTCN ngày 15/8/2023; Số 233/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023 (bổ sung); - Số 85/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 (đợt 1). - Số 160/QĐ-CKXD ngày 11/12/2024 (đợt 2 Cẩm Giàng). - - Số 162/QĐ-CKXD ngày 17/12/2024 (đợt 2 Tứ Kỳ).
74			2.3.07		* Báo cáo công tác tuyển sinh: - Số 214/BC-TTCN ngày 15/12/2022 - Số 228/BC-CKXD ngày 29/11/2023. - Số 246/BC-MCC ngày 23/12/2024
75			2.3.08		*Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023

76			2.3.09		*Quyết định thành lập lớp: - Số 111A/QĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 130/QĐ-TTCN ngày 19/7/2022; Số 212/QĐ-TTCN ngày 07/10/2022; Số 213/QĐ-TTCN ngày 07/10/2022; - Số 175/QĐ-TTCN ngày 119/7/2023; Số 230/QĐ-TTCN ngày 23/8/2023; Số 239/QĐ-TTCN ngày 29/8/2023 (bổ sung); - Số 85/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 (đợt 1). - Số 161/QĐ-MCC ngày 16/12/2024 (đợt 2 Cẩm Giàng). - Số 172/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 (đợt 2 Tứ Kỳ).
77			2.3.10		*Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
78			2.3.11		Phiếu khảo sát học sinh số 2.3.11A, 2.3.11B, 2.3.11C
79 80			2.4.01		* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 11/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021(Trung cấp); - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022 (Trung cấp); - Số 85/QĐ-TTCN ngày 10/3/2021 (Sơ cấp).
81		4	2.4.02		* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24). - Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024
82			2.4.03		* Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế năm 2022, 2023, 2024
83			2.4.04		Phiếu khảo sát số 2.4.04A, 2.4.04B
84			2.5.01		* Danh sách lớp học, khóa học năm 2021, 2022, 2023

85		5	2.5.02	2.4.02	* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24). - Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 * Tiến độ đào tạo khóa 24,25,26
86			2.5.03		* Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp: - Số 106/2017/QĐ-TTCN ngày 08/5/2017; Số 107/2017/QĐ-TTCN ngày 08/5/2017; Số 108/2017/QĐ-TTCN ngày 08/5/2017; Số 109/QĐ-TTCN ngày 08/5/2017; - Số 230/2020/QĐ-TTCN ngày 26/6/2020. * Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023: - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023; Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. * Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: - Số 92/2017/QĐ-TTCN ngày 12/4/2017; Số 93/2017/QĐ-TTCN ngày 22/4/2017; Số 94/2017/QĐ-TTCN ngày 22/4/2017; - Số 231/2020/QĐ-TTCN ngày 26/6/2020. *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp được thực hiện biên soạn, chỉnh sửa năm 2021 : - Số 261/QĐ-TTCN ngày 16/7/2021(Phòng KH-ĐT và khoa Cơ khí) - Số 262/QĐ-TTCN ngày 16/7/2021(khoa Cơ khí) - Số 263/QĐ-TTCN ngày 16/7/2021(khoa Gia công nóng) - Số 264/QĐ-TTCN ngày 16/7/2021(khoa Điện) *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)

87			2.5.04	2.5.02	* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24). - Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024
88		6	2.6.01	2.5.02	* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24). - Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024
89			2.6.02		Kế hoạch phân công giáo viên khóa 24,25,26
90			2.6.03		Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay giáo viên khóa 24, 25,26
91			2.6.04		* Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số: 228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.

92			2.7.02		*Kế hoạch thực tập sản xuất của học sinh khóa 23 tại đơn vị đặt lớp liên kết đào tạo - Số 78/KH-TTCN ngày 22 tháng 5 năm 2023; *Kế hoạch thực tập sản xuất của học sinh khóa 24 tại đơn vị đặt lớp liên kết đào tạo - Số 62/KH-TTCN ngày 14 tháng 5 năm 2024; *Kế hoạch thực tập cơ sở/Bài tập lớn của học sinh khóa 24 tại trường - Số174/KH-CKXD ngày 04 tháng 10 năm 2024.
93		7	2.7.05		Đề cương thực tập sản xuất tại các doanh nghiệp
94			2.7.06		Danh sách học sinh khóa 23, 24 đi thực tập sản xuất tự túc, thực hiện bài tập lớn.
95		8	2.8.01		Sổ lên lớp khóa 24,25,26
96			2.8.02		Sổ tay giáo viên khóa 24,25,26
97			2.8.03		Giáo án khóa 24,25,26
98			2.8.04		Biên bản dự giờ Hội giảng cấp Trường năm 2022, 2023,2024
99			2.8.05		Phiếu khảo sát số 2.8.05A, 2.8.05B
100		10	2.10.01		* Kế hoạch tổ chức Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường : - Số 147/KH-TTCN ngày 29/8/2022; - Số 58/KH-TTCN ngày 17/4/2023 - Số 172/KH-CKXD ngày 03/10/2024
101			2.10.02		* Biên bản nhận xét, đánh giá về đề xuất cơ cấu giải thưởng Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2022 *Biên bản nhận xét, đánh giá Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2023 *Biên bản nhận xét, đánh giá Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2024
102			2.10.03		* Quyết định về việc công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi tại Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2022: Số 268/QĐ-TCCN ngày 15/11/2022 *Quyết định khen thưởng cho GV và tập thể tại Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2023: - Số 148/QĐ-TTCN ngày 30/5/2023 * Quyết định về việc khen thưởng thành tích tại Hội giảng nhà giá GDNN TP Hà Nội năm 2023: số 1306/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/11/2023 * Quyết định về việc công nhận kết quả và khen thưởng thành tích tại Hội giảng giáo

					viên GDNN cấp trường năm 2024: Số 146/QĐ-MCC ngày 18/11/2024.
103		11	2.11.01	2.10.03	* Quyết định về việc công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi tại Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2022: Số 268/QĐ-TCCN ngày 15/11/2022 *Quyết định khen thưởng cho GV và tập thể tại Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2023: - Số 148/QĐ-TTCN ngày 30/5/2023 * Quyết định về việc khen thưởng thành tích tại Hội giảng nhà giá GDNN TP Hà Nội năm 2023: số 1306/QĐ-SLĐTBXH ngày 13/11/2023 * Quyết định về việc công nhận kết quả và khen thưởng thành tích tại Hội giảng giáo viên GDNN cấp trường năm 2024: Số 146/QĐ-MCC ngày 18/11/2024.
104			2.11.02		*Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học
105			2.11.04		Phiếu khảo sát số 2.11.04A, 2.11.04B
106		12	2.12.01		* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 11/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021; - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022; * Quyết định về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 12/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021. * Quyết định về việc ban hành công tác học sinh: - Số 10/QĐ-TTCN ngày 04/01/2022.
107		13	2.13.01		*Thông báo về danh mục các nghề được phép tuyển sinh, đào tạo năm 2022, 2023, 2024 - Số 45/TB-TTCN ngày 04/3/2022; - Số 23/TB-TTCN ngày 01/02/2023; - Thông báo danh mục ngày 08/01/2024.
108			2.13.02		*Biên bản xét công nhận kết quả kiểm tra - xác nhận bậc thợ và cấp chứng chỉ đào tạo nghề Vận hành cầu trục; Vận hành máy nâng hàng: - số 62/BB-TTCN ngày 27/10/2022. *Biên bản xét công nhận tốt nghiệp lớp Sơ cấp nghề CGKL, Hàn Mig/Mag; Hàn Tig - Số 84/BB-CKXD ngày 24/10/2023 *Quyết định công nhận TN lớp Sơ cấp: số 306/QĐ-CKXD ngày 25/10/2023

109			2.14.01		* Quyết định thành lập Hội đồng thi TN - Số 01/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 40/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023; Số 02/QĐ-CKXD ngày 12/01/2024. * Quyết định thành lập Ban thư ký trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 02/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 41/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định thành lập Ban đề thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 03/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 42/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập Ban coi thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 04/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 43/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập Ban chấm thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 05/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 44/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập các Ban trực thuộc Hội đồng thi TN năm 2024: Số 03/QĐ-CKXD ngày 12/01/2024. * Quyết định công nhận TN 2022, 2023, 2024 - Số 55/QĐ-TTCN ngày 06/4/2022; - Số 247/QĐ-TTCN ngày 28/10/2022 - Số 51/QĐ-TTCN ngày 10/02/2023; - Số 165/QĐ-TTCN ngày 29/6/2023 - Số 15/QĐ-CKXD ngày 18/01/2024.
110		14	2.14.02		*Biên bản họp xét đủ điều kiện dự thi TN: - Biên bản họp xét điều kiện dự thi TN đợt 2 K21 (bổ sung): Số 01/BB-TTCN ngày 15/3/2022 - Biên bản họp xét điều kiện dự thi TN đợt 1 K22 ngày 20/9/2022 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN đợt 2 K22 số 95/BB-TTCN ngày 26/12/2022 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN đợt 1 K23 số 28/BB-TTCN ngày 12/5/2023 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN K23 đợt 2 số 87/BB-TTCN ngày 27/11/2023 * Biên bản xét TN: - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K21 - đợt 2; Số 04/BB-TTCN ngày 04/4/2022: - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K22 - đợt 1: Số 63/BB-TTCN ngày 27/10/2022. - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K22 - đợt 2: Số 10/BB-TTCN ngày 09/02/2023.

					- Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K23 - đợt 1: Số 40/BB-TTCN ngày 28/6/2023 - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K23 - đợt 2: Số 01/BB-CKXD ngày 17/01/2024
111		15	2.15.01	2.4.01	* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 11/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021; - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022;
112			2.15.02		* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022;
113			2.15.03		* Báo cáo tình hình in ấn, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ năm 2022, 2023, 2024. * Biên bản xét TN: * QĐ công nhận TN
114				2.14.02	*Biên bản họp xét đủ điều kiện dự thi TN: - Biên bản họp xét điều kiện dự thi TN đợt 2 K21 (bổ sung): Số 01/BB-TTCN ngày 15/3/2022 - Biên bản họp xét điều kiện dự thi TN đợt 1 K22 ngày 20/9/2022 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN đợt 2 K22 số 95/BB-TTCN ngày 26/12/2022 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN đợt 1 K23 số 28/BB-TTCN ngày 12/5/2023 - Biên bản xét đủ điều kiện thi TN K23 đợt 2 số 87/BB-TTCN ngày 27/11/2023 * Biên bản xét TN: - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K21 - đợt 2; Số 04/BB-TTCN ngày 04/4/2022: - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K22 - đợt 1: Số 63/BB-TTCN ngày 27/10/2022. - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K22 - đợt 2: Số 10/BB-TTCN ngày 09/02/2023. - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K23 - đợt 1: Số 40/BB-TTCN

					ngày 28/6/2023 - Biên bản họp xét công nhận TN các lớp Trung cấp K23 - đợt 2: Số 01/BB-CKXD ngày 17/01/2024
115				2.14.01	* Quyết định thành lập Hội đồng thi TN - Số 01/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 40/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023; Số 02/QĐ-CKXD ngày 12/01/2024. * Quyết định thành lập Ban thư ký trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 02/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 41/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định thành lập Ban đề thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 03/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 42/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập Ban coi thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 04/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 43/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập Ban chấm thi trực thuộc Hội đồng thi TN: - Số 05/QĐ-TTCN ngày 06/01/2022;- Số 44/QĐ-TTCN ngày 01/02/2023 * Quyết định về việc thành lập các Ban trực thuộc Hội đồng thi TN năm 2024: Số 03/QĐ-CKXD ngày 12/01/2024. * Quyết định công nhận TN 2022, 2023, 2024 - Số 55/QĐ-TTCN ngày 06/4/2022; - Số 247/QĐ-TTCN ngày 28/10/2022 - Số 51/QĐ-TTCN ngày 10/02/2023; - Số 165/QĐ-TTCN ngày 29/6/2023 - Số 15/QĐ-CKXD ngày 18/01/2024.
116		15	2.15.02		* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022;
117			2.15.03	2.14.01 và 2.14.02	* Báo cáo tình hình in ấn, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ năm 2022, 2023,2024 * Biên bản xét TN: * QĐ công nhận TN
118			2.15.04		Phiếu khảo sát số 2.15.04A, 2.15.04B
119		17	2.17.01		*Quyết định về việc thực hiện, quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ quản lý đào tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường: - Số 335/QĐ-TTCN ngày 26/8/2020; *Quyết định về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp,

					chứng chỉ sơ cấp của Trường: - Số 12/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021.
120			2.17.02		Báo cáo công tác lưu trữ sổ sách, biểu mẫu
121			2.17.03	1.5.04	Báo cáo tổng kết của các đơn vị trực thuộc Trường năm 2022,2023,2024
122			2.17.04	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
123			2.17.05		Phiếu khảo sát số 2.17.05A, 2.17.05B
124	3	1	3.1.01		* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức: - Số 123/QĐ-TTCN ngày 01/4/2021; * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên: - Số 130/QĐ-TTCN ngày 09/4/2021. * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường: - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023; *Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022: ngày 22/02/2022 *Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2022: Số 117/TB-TTCN *Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025,

					2021-2026: Số 01A-KH/ĐU ngày 01/3/2021 *Quyết định Phê duyệt các chức danh Chi ủy nhiệm kỳ 2022-2025 và chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy nhiệm kỳ 2025-2030 diện Đảng ủy Trường quản lý: Số 16-QĐ/ĐU ngày 25/4/2022; Tờ trình về việc phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025; xây dựng quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý: Số 20-TTr/ĐU *Quyết định về việc Phê duyệt nhân sự quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2026 - 2031: Số 105/QĐ-TTCN ngày 09/6/2022; Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 - 2031; rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026 diện Ban cán sự đảng bộ Bộ Xây dựng quản lý: Số 96/TTr-TTCN ngày 10/6/2022. *Thông báo rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 diện Trường TCN CKXD quản lý: - Số 207/TB-CKXD ngày 18/10/2023. * Thông báo rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Trường TCNCKXD: Số 29/TB-CKXD ngày 20/02/2024.
125		2	3.2.01		* Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022 ngày 22/02/2022; * Thông báo tuyển viên chức đợt 1 năm 2022: Số 117/TB-TTCN ngày 25/7/2022; * Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 1): - Số 205/QĐ-TTCN ngày 309//2022; * Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển viên chức năm 2022: - Số 163/TB-HĐTD ngày 03/10/2022. * Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026: Số 01A-KH/ĐU ngày 01/3/2021; * Quyết định về việc phê duyệt nhân sự quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2026-2031: - Số 105/QĐ-TTCN ngày 09/6/2022. * Về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2016-2021 và nhiệm kỳ 2021-2026: - Số 47/TTr-TTCN ngày 20/3/2020; * Quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh Chi ủy nhiệm kỳ 2022-2025 và chức danh ỦY viên UBKT Đảng ủy nhiệm kỳ 2025-2030;

					- Số 16-QĐ/ĐU ngày 25/4/2022.
126			3.2.02		* Danh sách giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe năm 2023 tháng 9/2023
127			3.2.03	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
128			3.2.04		Phiếu khảo sát số 3.2.04A, 3.02.04B
129		3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2022, 2023, 2024
130			3.3.02		
131			3.3.03		*Báo cáo về việc báo cáo công tác quản lý viên chức chuyên ngành GDNN: - Số: 75/BC-TTCN ngày 09/4/2021. *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2022: - Số: 138/BC-TTCN ngày 19/8/2022.
132			3.3.04		Phiếu khảo sát số 3.3.04A, 3.03.04B

133		4	3.4.01	1.1.01	*Quyết định về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 1133/QĐ-BXD ngày 10/9/2014; * Quyết định Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường: - Số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 * Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024;
134			3.4.02		*Quyết định về việc ban hành Nội quy ra vào cơ quan - Số 146/QĐ-TTCN ngày 28/4/2020. * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc online, nghỉ luân phiên để phòng ,chống dịch Covid-19 tại Trường TCNCKXD: - Số 322/QĐ-TTCN ngày 31/8/2021. * Nội quy phòng học Lý thuyết, Thực hành, Máy tính.
135			3.4.03		*Danh sách cán bộ, công chức, viên chức và NLĐ tính đến 31/12/2019, 31/12/2021. *Danh sách nhà giáo dạy tại TT Cẩm Giàng (báo cáo ngày 14/7/2021).
136			3.4.04		Phòng Tổng hợp lưu trữ.
137			3.4.05		*Quyết định Phê duyệt kết quả, đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động tại các đơn vị trực thuộc Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2022: - Số: 305/QĐ-TTCN ngày 08/12/2022 - Phiếu đánh giá, phân loại VC và NLĐ năm 2022, 2023,2024 * Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm 2023 - Số 231/TB-CKXD ngày 06/12/2023 * Quyết định Phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024.
138			3.4.06	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022

					*Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
139		5	3.5.01	3.3.01	*Danh sách trích ngang giáo viên giảng dạy tại Trường
140			3.5.02		* Văn bản hợp nhất của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp - Số 5160/VBHN-BLĐBXH ngày 02/12/2019
141			3.5.03		*Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên: - Số 130/QĐ-TTCN ngày 09/4/2021. * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường: - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023; * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc online, nghỉ luân phiên để phòng ,chống dịch Covid 19 tại Trường TCNCKXD: - Số 322/QĐ-TTCN ngày 31/8/2021.
142			3.5.04	2.4.02	* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24).

					- Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024
143			3.5.05		Thời khóa biểu khóa 24, 25, 26
144			3.5.06		Quyết định thành lập lớp khóa 24, 25, 26
145			3.5.07		Tổng hợp giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024.
146			3.5.08		* Bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương năm 2022, 2023, 2024.
147			3.5.11	2.8.04	Biên bản dự giờ Hội giảng năm 2022, 2023, 2024
148			3.6.01	2.5.03	* Chương trình đào tạo các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Hàn, May thời trang (2017), Công nghệ ô tô (2020) *Chỉnh sửa, bổ sung 05 chương trình đào tạo các nghề: Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Hàn, Công nghệ ô tô (năm 2023) *Chương trình đào tạo công nghệ thông tin (2024).
149			3.6.02	2.4.02	* Kế hoạch đào tạo: - Số 98AQĐ-TTCN ngày 17/6/2022; Số 165AQĐ-TTCN ngày 07/10/2022 (khóa 24).

		6			- Số 124/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 125/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 126/KH-TTCN ngày 20/7/2023; Số 127/KH-TTCN ngày 20/7/2023; * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 25 đợt 2 năm 2023 - Số 234/QĐ-TTCN ngày 25/8/2023. * Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo các lớp hệ trung cấp khóa 26: - Số 86/QĐ-CKXD ngày 31/7/2024 - Số 173/QĐ-MCC ngày 20/12/2024 - Số 174/QĐ-MCC ngày 20/12/2024
150			3.6.03	3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2022, 2023, 2024
151			3.6.04		* Sổ lên lớp khóa 24,25, 26
152			3.6.05		* Sổ tay giáo viên khóa 24,25, 26
153			3.6.06		* Giáo án khóa 24,25, 26
154			3.6.07	2.8.04	*Biên bản dự giờ Hội giảng cấp trường năm 2022, 2023, 2024.
155			3.7.01	3.1.01	* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức: - Số 123/QĐ-TTCN ngày 01/4/2021; * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên: - Số 130/QĐ-TTCN ngày 09/4/2021. * Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tại Trường: - Số 280/QĐ-CKXD ngày 29/9/2023;

		7			*Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022: ngày 22/02/2022 *Thông báo tuyển dụng viên chức đợt 1 năm 2022: Số 117/TB-TTCN *Kế hoạch triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026: Số 01A-KH/ĐU ngày 01/3/2021 *Quyết định Phê duyệt các chức danh Chi ủy nhiệm kỳ 2022-2025 và chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy nhiệm kỳ 2025-2030 diện Đảng ủy Trường quản lý: Số 16-QĐ/ĐU ngày 25/4/2022; Tờ trình về việc phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025; xây dựng quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý: Số 20-TTr/ĐU *Quyết định về việc Phê duyệt nhân sự quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2026 - 2031: Số 105/QĐ-TTCN ngày 09/6/2022; Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 - 2031; rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026 diện Ban cán sự đảng bộ Bộ Xây dựng quản lý: Số 96/TTr-TTCN ngày 10/6/2022. *Thông báo rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 diện Trường TCN CKXD quản lý: - Số 207/TB-CKXD ngày 18/10/2023. * Thông báo rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Trường TCNCKXD: Số 29/TB-CKXD ngày 20/02/2024.
156			3.7.02		*Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kiến thức về xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và biên soạn giáo án năm 2023 - Số 210/TB-CKXD ngày 24/10/2023 *Kế hoạch ôn luyện giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN thành phố Hà Nội năm 2023 ngày 07/9/2023.
157			3.7.03		*Quyết định về việc cử viên chức tham gia lớp Thạc sỹ - Số 161/QĐ-TTCN ngày 25/8/2022. * Quyết định cử viên chức đi học lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: - Số 101/QĐ-TTCN 19/4/2023; Số 100/QĐ-TTCN ngày 19/4/2023; * Quyết định cử viên chức quản lý đi học lớp bồi dưỡng " Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" : - Số 176/QĐ-TTCN ngày 20/7/2023. * Quyết định cử viên chức đi học lớp "Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính": Số

					40/QĐ-CKXD ngày 05/4/2024.
158			3.7.04		*Đơn xin đi học Thạc sỹ của 05 giáo viên ngày 01/8/2022 *Tờ trình về việc cử viên chức đi học lớp Thạc sỹ: Số 04/TTr-TH NGÀY 10/8/2022
159			3.7.05		Phiếu khảo sát số 3.7.05A, 3.7.05B
160		8	3.8.01	3.7.02	*Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kiến thức về xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và biên soạn giáo án năm 2023 - Số 210/TB-CKXD ngày 24/10/2023 *Kế hoạch ôn luyện giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo GDNN thành phố Hà Nội năm 2023 ngày 07/9/2023.
161			3.8.02	3.7.03	*Quyết định về việc cử viên chức tham gia lớp Thạc sỹ - Số 161/QĐ-TTCN ngày 25/8/2022. * Quyết định cử viên chức đi học lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: - Số 101/QĐ-TTCN 19/4/2023; Số 100/QĐ-TTCN ngày 19/4/2023; * Quyết định cử viên chức quản lý đi học lớp bồi dưỡng " Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" : - Số 176/QĐ-TTCN ngày 20/7/2023. * Quyết định cử viên chức đi học lớp "Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính": Số 40/QĐ-CKXD ngày 05/4/2024.
162			3.8.03		* Bản photo 23 giấy chứng nhận giáo viên hoàn thành Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh GDNN giáo viên GDNN hạng III. * Bản photo Chứng chỉ nghề sửa chữa Ô tô * Bản photo Chứng chỉ nghề sửa chữa Điện lạnh
163			3.8.04		*Báo cáo kết quả bồi dưỡng thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm của Trường
164		9	3.9.01	3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2022,2023,2024
165		10	3.10.01		* Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2022: - Số 138/BB-TTCN ngày 19/8/2022. *Kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ năm 2023,2024

166			3.11.01		*Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
167			3.11.02		* Phòng Tổng hợp lưu trữ. *Quyết định Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ trong BGH tại Trường TCN CKXD: số 332/QĐ-CKXD ngày 28/11/2023 *Quyết định phân công nhiệm vụ trong tập thể lãnh đạo Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 120/QĐ-MCC ngày 15/10/2024
168		11	3.11.03		* Các văn bản về tiêu chuẩn chức danh và bổ nhiệm cán bộ ngày 30/12/2021. - Quyết định của Ban sự đảng về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh CB lãnh đạo quản lý của các cơ quan hành chính và sự nghiệp công lập trực thuộc BXD: Số 10-QĐ/BCS ngày 30/12/2021: - Quyết định của Ban sự đảng về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ lại, điều động, luân chuyển, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm công chức, VC lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc BXD thuộc thẩm quyền quản lý của BCS đảng, Bộ trưởng BXD: Số 111-QĐ/BCS ngày 30/12/2021 - Quyết định 475/QĐ-LĐTBXH ngày 17/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế phân cấp quản lý công chức, VC, NLĐ và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu; luân chuyển; từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ LĐ-TB&XH.
169			3.11.04		* Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ xây dựng năm 2022: - Số 985/QĐ-BXD ngày 15/9/2023; * Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ xây dựng năm 2022: - Số 650/QĐ-BXD ngày 22/7/2024;
170			3.11.05	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021

					*Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
171		12	3.12.01	1.1.01	*Quyết định về việc phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 1133/QĐ-BXD ngày 10/9/2014; * Quyết định Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường: - Số 252/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 * Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: - Số 111/QĐ-MCC ngày 08/10/2024;
172			3.12.02		* Danh sách trích ngang viên chức quản lý Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (năm 2022, 2023, 2024)

173			3.12.03		* Quyết định về việc ban hành Quy chế giới thiệu, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: Số 101/QĐ-TTCN. * Quyết định về việc ban hành Quy chế giới thiệu, bổ nhiệm lai, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo tại Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 328/QĐ-TTCN ngày 20/12/2022. * Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ: - Số 806/QĐ-BXD ngày 10/8/2023 (đ/c Nhâm-Chủ tịch HĐT) - Số 1081/QĐ-BXD ngày 16/10/2023 (đ/c Phó HT Nguyễn Xuân Hòa) - Số 290/QĐ-CKXD ngày 12/10/2023 (đ/c Dương). - Số 181/QĐ-CKXD ngày 28/7/2023 (đ/c Phược). - Số 180/QĐ-CKXD ngày 28/7/2023 (đ/c Huấn). * Quyết định về việc bổ nhiệm: - Số 115/QĐ-MCC ngày 14/10/2024 (đ/c Huấn) - Số 116/QĐ-MCC ngày 14/10/2024 (đ/c Thi) - Số 117/QĐ-MCC ngày 14/10/2024 (đ/c Ngọc) - Số 118/QĐ-MCC ngày 14/10/2024 (đ/c Tiên) - Số 1387/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/9/2024 (đ/c Tự) - Số 1412/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/9/2024 (đ/c Hòa) - Số 1506/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2024 (đ/c Vân, Dương, Phược, Khải) - Số 2110/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/12/2024 (đ/c Vân).
174		13	3.13.01	3.12.01	* Danh sách trích ngang viên chức quản lý của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng (năm 2022,2023, 2024).
175			3.13.02		Phòng Tổng hợp lưu trữ
176			3.13.03	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022

					- Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
177			3.13.04	1.5.04	Báo cáo tổng kết của các phòng khoa năm 2022, 2023, 2024
178			3.13.05	3.11.04	*Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý: - Số 722/QĐ-BXD ngày 30/8/2022; * Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm 2023 - Số 231/TB-CKXD ngày 06/12/2023 *Quyết định Phê duyệt kết quả xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng năm 2024.
179			3.14.01		*Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức: - Số 59/KH-TTCN ngày 15/3/2021; - Số 46A/KH-TTCN ngày 08/3/2022. * Kế hoạch Tổ chức khóa Đào tạo bồi dưỡng trước khi thay đổi vị trí việc làm cho viên chức, người lao động của Trường: - Số 57/KH-TTCN ngày 25/3/2022.
180		14	3.14.02		*Quyết định cử cán bộ đi học lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương - Số 431/QĐ-TTCN ngày 11/11/2021 * Quyết định cử viên chức đi học lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: - Số 101/QĐ-TTCN 19/4/2023; Số 100/QĐ-TTCN ngày 19/4/2023; * Quyết định cử viên chức quản lý đi học lớp bồi dưỡng " Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" : - Số 176/QĐ-TTCN ngày 20/7/2023.

					* Thông báo bồi dưỡng nâng cao kiến thức về xây dựng chương trình, giáo trình ĐT và biên soạn giáo án năm 2023 - Số 210/TB-CKXD ngày 24/10/2023
181			3.14.03		- Chứng nhận quản lý cấp phòng, cấp vụ, quản lý cơ sở GDNN năm 2022, 2023 - Bằng Cao cấp lý luận Chính trị - Bằng Trung cấp lý luận chính trị - Chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN (đ/c Tự) - Chứng nhận quản lý cấp vụ (đ/c Hòa, Vân) - Chứng nhận quản lý cấp phòng (đ/c Hòa, Trang, Huấn)
182			3.14.04		Biên bản họp của viên chức quản lý về việc đồng ý cho 05 giáo viên học thạc sỹ (Lưu Phòng Tổng hợp)
183			3.15.01		* Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc ...) năm 2022,2023,2024.
184		15	3.15.02	1.5.04 1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.

185			3.15.03		* Danh sách viên chức được cử đi học lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương * Danh sách viên chức được cử đi học lớp bồi dưỡng "Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" * Danh sách viên chức được cử đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính
186			3.15.04		*Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức: - Số 46A/KH-TTCN ngày 08/3/2022. * Kế hoạch Tổ chức khóa Đào tạo bồi dưỡng trước khi thay đổi vị trí việc làm cho viên chức, người lao động của Trường: - Số 57/KH-TTCN ngày 25/3/2022. * Quyết định cử viên chức đi học lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: - Số 101/QĐ-TTCN 19/4/2023; Số 100/QĐ-TTCN ngày 19/4/2023; * Quyết định cử viên chức quản lý đi học lớp bồi dưỡng " Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" : - Số 176/QĐ-TTCN ngày 20/7/2023. * Quyết định cử viên chức đi học lớp "Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính": Số 40/QĐ-CKXD ngày 05/4/2024.
187			3.15.05		* Giấy chứng nhận hoàn thành lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương năm 2023 * Giấy chứng nhận hoàn thành lớp bồi dưỡng "Nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN" năm 2023 * Giấy chứng nhận hoàn thành lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính năm 2024 * Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị năm 2023 (04 viên chức)
188		1	4.1.01	2.13.01	*Thông báo về danh mục các nghề được phép tuyển sinh, đào tạo năm 2022, 2023, 2024 - Số 45/TB-TTCN ngày 04/3/2022. - Số 23/TB-TTCN ngày 01/02/2023 - Thông báo danh mục ngày 08/01/2024.
189			4.1.02	1.2.01	*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương;

					- Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
190	4		4.1.03	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024.
191			4.2.01		* Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2023 - Số 317/QĐ-CKXD ngày 07/11/2023 * Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp năm 2024 - Số 53/QĐ-CKXD ngày 09/5/2024
192			4.2.02		* Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp: - Số 346/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023; Số 347/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023. - Số 54/QĐ-CKXD ngày 09/5/2024 (nghề Công nghệ thông tin).
193		2	4.2.03		* Biên bản họp ngày 17/12/2023, ngày 24/12/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ trung cấp. * Biên bản họp ngày 16/12/2023, ngày 23/12/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Hàn, Công nghệ ô tô trình độ trung cấp. * Biên bản họp ngày 24/11/2024, ngày 01/12/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp.
194			4.2.04	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023.

					*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024.
195		3	4.3.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
196			4.4.01	4.2.01	* Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2023 - Số 317/QĐ-CKXD ngày 07/11/2023 * Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp năm 2024 - Số 53/QĐ-CKXD ngày 09/5/2024
197		4	4.4.02	4.2.02	* Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp: - Số 21/QĐ-TTCN ngày 26/02/2016. - Số 65B/QĐ-TTCN ngày 10/3/2020. - Số 214/QĐ-TTCN ngày 08/6/2021; Số 215/QĐ-TTCN ngày 08/6/2021; Số 216/QĐ-TTCN ngày 08/6/2021; Số 218/QĐ-TTCN ngày 08/6/2021. * Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Trung cấp: - Số 33/QĐ-TTCN ngày 06/02/2017; Số 64B/QĐ-TTCN ngày 10/3/2020. Số 346/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023; Số 347/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023.

198			4.4.03	4.2.03	* Biên bản họp ngày 17/12/2023, ngày 24/12/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ trung cấp. * Biên bản họp ngày 16/12/2023, ngày 23/12/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Hàn, Công nghệ ô tô trình độ trung cấp. * Biên bản họp ngày 24/11/2024, ngày 01/12/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp.
199			4.4.04	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024.
200			4.4.05		* Quyết định Thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề trình độ Sơ cấp: - Số 17A/QĐ-TTCN ngày 26/02/2016; Số 17B/QĐ-TTCN ngày 26/02/2016; Số 17C/QĐ-TTCN ngày 26/02/2016 - Số 65C/QĐ-TTCN ngày 10/3/2020. * Quyết định Thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề trình độ Trung cấp: - Số 29/QĐ-TTCN ngày 06/02/2017; Số 30/QĐ-TTCN ngày 06/02/2017; Số 31/QĐ-TTCN ngày 06/02/2017; Số 32/QĐ-TTCN ngày 06/02/2017 - Số 64C/QĐ-TTCN ngày 10/3/2020. * Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đạo tạo 05 nghề Trung cấp năm 2023: Số 346/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023; Số 347/QĐ-CKXD ngày 07/12/2023.
201			4.4.06		Phiếu khảo sát số 4.4.06
202		5	4.5.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp

					- Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
203			4.5.03		Phiếu khảo sát số 4.5.03
204			4.6.01		*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
205			4.7.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp: - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
206		7	4.7.02		*Kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo 05 nghề trình độ trung cấp năm 2023 - Số 215/KH-CKXD ngày 06/11/2023 *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023: - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023; Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023.

207			4.7.03		*Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023: - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023; Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
208		8	4.8.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
209			4.8.02	4.7.03	*Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023: - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023; Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
210		9	4.9.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp: - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
211		10	4.10.01	1.2.01	*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.

212			4.10.02	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
213			4.10.03		* Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học và tài liệu giảng dạy:
214			4.10.04		Bản in các giáo trình của môn học, mô-đun của chương trình đào tạo (lưu hành nội bộ)
215		11	4.11.01	4.10.03	* Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học và tài liệu giảng dạy:
216			4.11.02	4.10.04	Bản in các giáo trình của môn học, mô-đun của chương trình đào tạo (lưu hành nội bộ)
217		12	4.12.01	1.2.01	*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và

					Xã hội Hà Nội.
218			4.12.02	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
219			4.12.03	4.10.03	* Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học và tài liệu giảng dạy:
220			4.12.04	4.10.04	Bản in các giáo trình của môn học, mô-đun của chương trình đào tạo (lưu hành nội bộ)
221		13	4.13.01	1.2.01	*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
222			4.13.02	4.10.03	* Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học và tài liệu giảng dạy:
223			4.13.03	4.10.04	Bản in các giáo trình của môn học, mô-đun của chương trình đào tạo (lưu hành nội bộ)
224			4.13.04		Phiếu khảo sát số 4.13.04
225		14	4.14.01		Lấy ý kiến học sinh qua mẫu phiếu trên Google form
226			4.14.02		* Danh sách giáo viên, viên chức quản lý *Danh sách học sinh tốt nghiệp khóa 22, 23
227			4.14.03		Báo cáo kết quả thu thập và tổng hợp ý kiến năm 2022, 2023, 2024

228			4.15.01	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin trình độ trung cấp - Số 169/QĐ-CKXD ngày 18/12/2024. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
229		15	4.15.02	2.5.03	*Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp; nghề Điện tử công nghiệp; nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp - Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Hàn; nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023. *Chương trình đào tạo kèm theo Quyết định ban hành (Lưu Phòng Đào tạo và kiểm định chất lượng)
230			4.15.03	2.5.03	* Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2023: - Số 366/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023; Số 368/QĐ-CKXD ngày 28/12/2023.
231			4.15.04		*Giáo trình đào tạo (Lưu Phòng Đào tạo và Kiểm định chất lượng, các khoa chuyên môn)
232			5.1.01	1.3.01	Quyết định số: 1532/QĐ-BXD ngày 07/11/2006 về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng trên cơ sở Trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí xây dựng thuộc Tổng Công ty Cơ khí xây dựng.
233			5.1.02		*Sơ đồ Trường *Bản đồ mạng lưới giao thông và đặt địa điểm Trường (Vị trí Trường)
234		1	5.1.03		Không có danh sách xí nghiệp CN thải chất độc hại vì gần Trường không có khu công nghiệp
235			5.1.04		*Quyết định phê duyệt quyết toán dự án cải tạo nâng tầng nhà lớp học - Số 1440/QĐ-BXD ngày 12/11/2020. *Báo cáo về số liệu đánh giá thực trạng và định hướng mạng lưới cơ sở GDNN - Số 97/TTCN-TH ngày 14/5/2021.

236	5		5.1.05		Phiếu khảo sát số 5.1.05
237		2	5.2.01		* Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 21/5/2006 * Hồ sơ kỹ thuật nhà đất: Số 05024 GH/2018-HSKT ngày 03/5/2018
238			5.2.02		Lưu Phòng Tổng hợp
239			5.2.03		*Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 - Số 129/KH-TTCN ngày 18/11/2019
240			5.2.04		*Tổng hợp số liệu về diện tích cây xanh
241			5.2.05		Phiếu khảo sát số 5.2.05
242		3	5.3.01	5.2.01	* Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 21/5/2006 * Hồ sơ kỹ thuật nhà đất: Số 05024 GH/2018-HSKT ngày 03/5/2018
243			5.3.02		Phiếu khảo sát số 5.3.02
244		4	5.4.01	5.2.01	* Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 21/5/2006 * Hồ sơ kỹ thuật nhà đất: Số 05024 GH/2018-HSKT ngày 03/5/2018
245			5.4.02	5.2.02	Hồ sơ hoàn công (Lưu Phòng Tổng hợp)
246			5.4.03		* Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng: Số 01/NTHT_BGĐVSD ngày 01/11/2022. * Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn xây nắp năm 2003.
247			5.4.04		*Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 11/12/2014
248			5.4.06		* Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ngày 28/10/2020
249			5.4.07	1.3.03	* Quyết định thành lập tổ dự án cải tạo, nâng cấp CSVC của Trường TCNCKXD: Số 201/QĐ-TTCN ngày 28/5/2021. *Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng mua sắm, sửa chữa: Tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, dụng cụ của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng - Số 176/QĐ-TTCN ngày 05/9/2022 *Quyết định về việc kiện toàn Tổ thẩm định mua sắm, sửa chữa: Tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, dụng cụ của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng - Số 177/QĐ-TTCN ngày 05/9/2022

					*Quyết định về việc kiện toàn Tổ xét chọn báo giá của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng - Số 50/QĐ-CKXD ngày 02/5/2024
250			5.4.08		* Kế hoạch bảo dưỡng CSVC ; * Kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo * Báo cáo xây dựng kế hoạch đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa CSVC và mua sắm thiết bị
251			5.4.09	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
252			5.4.10		Phiếu khảo sát số 5.4.06
253	5		5.5.01	5.2.01	* Sơ đồ vị trí nhà đất ngày 21/5/2006 * Hồ sơ kỹ thuật nhà đất: Số 05024 GH/2018-HSKT ngày 03/5/2018
254		5	5.5.02		*Báo cáo về CSVC, đội ngũ và HĐLKĐT về dạy văn hóa chương trình GDTX cấp THPT: - Số 52/TTCN ngày 15/5/2019;

					* Phụ lục CSVC (Tính đến 31/12/2020)
255			5.5.03		* Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện tử- Điện lạnh, May thời trang, Điện CN và Dân dụng tại Trung tâm Cẩm Giàng năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, nghề Điện tại Trung tâm Tứ Kỳ năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện CN và Dân dụng, Điện tử - Điện lạnh, Khoa Cơ khí tại Trường năm 2021. *Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023.
256			5.5.04		Phiếu khảo sát số 5.5.04
257			5.5.05		Phụ lục báo cáo cơ sở vật chất theo Báo cáo số 97/TTCN ngày 14/5/2021 về số liệu đánh giá thực trạng và định hướng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Quyết định 510/BXD ngày 22/4/2020 về phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm thiết bị dạy nghề 2020. Năm 2022 (mua sắm thiết bị đào tạo các nghề, phòng vi tính)
258		6	5.6.01	5.5.03	* Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện tử- Điện lạnh, May thời trang, Điện CN và Dân dụng tại Trung tâm Cẩm Giàng năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, nghề Điện tại Trung tâm Tứ Kỳ năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện CN và Dân dụng, Điện tử - Điện lạnh, Khoa Cơ khí tại Trường năm 2021. *Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023.
259			5.6.02		* Quyết định công khai tài sản công: - Số 62/QĐ-TTCN ngày 19/02/2021; - Số 29/QĐ-TTCN ngày 11/02/2022.

					* Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 - Số 71/QĐ-CKXD ngày 25/6/2024 * Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 - Số 29/QĐ-CKXD ngày 04/3/2024 * Quyết định công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023: - Số 30/QĐ-CKXD ngày 05/3/2024.
260		7	5.7.01		TT về quy định chế độ quản lý Hao mòn tài sản cố định số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ TC
261			5.7.02		* Nội quy phòng học Lý thuyết, Thực hành, Máy tính.
262			5.7.03		* Báo cáo về quản lý sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành ngày 15/11/2020; * Báo cáo Rà soát và đề xuất tiêu chuẩn, định mức trong thiết bị máy móc chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù (Năm 2017)
263			5.7.04		Phiếu khảo sát số 5.7.04
264		8	5.8.01	5.5.03	* Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện tử- Điện lạnh, May thời trang, Điện CN và Dân dụng tại Trung tâm Cẩm Giàng năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, nghề Điện tại Trung tâm Tứ Kỳ năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện CN và Dân dụng, Điện tử - Điện lạnh, Khoa Cơ khí tại Trường năm 2021. *Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023.
265			5.8.02		* Biểu số 3. Thiết bị đào tạo theo từng ngành, nghề (tính đến 31/12/2020)
266			5.8.04		*Biên bản kiểm kê tài sản năm 2022: 10/2/2023 *Biên bản kiểm kê tài sản năm 2023: 10/01/2024. *Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023.

267	5		5.8.05		Danh sách học sinh học lý thuyết và thực hành theo Thời khóa biểu
268			5.8.06		Thời khóa biểu khóa 22, 23, 24, 25, 26
269			5.8.08		Biên bản kiểm tra hoạt động liên kết đào tạo
270		9	5.9.01		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo.
271			5.9.02		Mặt bằng vị trí buồng hàn và thiết bị máy móc xưởng cơ khí-hàn
272			5.9.03		* Số 1314a/BXD-KHTC về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo KTKT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề CKXD ngày 22/4/2021.
273			5.9.04		Phiếu khảo sát số 5.9.04
274		10	5.10.01	5.6.02	* Quyết định công khai tài sản công: - Số 62/QĐ-TTCN ngày 19/02/2021; - Số 29/QĐ-TTCN ngày 11/02/2022. * Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 - Số 71/QĐ-CKXD ngày 25/6/2024 * Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 - Số 29/QĐ-CKXD ngày 04/3/2024 * Quyết định công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2023: - Số 30/QĐ-CKXD ngày 05/3/2024.
275		11	5.11.01	5.5.03	* Phụ lục: Tổng hợp các thiết bị đào tạo (Kèm theo BC số: 142A/BC-TTCN ngày 14/7/2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện tử- Điện lạnh, May thời trang, Điện CN và Dân dụng tại Trung tâm Cẩm Giàng năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, nghề Điện tại Trung tâm Tứ Kỳ năm 2021. * Biên bản kiểm kê nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xưởng thực hành khoa Gia công nóng, Điện CN và Dân dụng, Điện tử - Điện lạnh, Khoa Cơ khí tại Trường năm 2021.

					*Báo cáo kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư xưởng thực hành tại trường và các trung tâm liên kết năm 2023.
276		12	5.12.03		Sổ theo dõi vật tư cấp phát vật tư (Lưu Tổng hợp)
277			5.12.05		Các phiếu nhập kho, xuất kho (Lưu Tài chính – kế toán)
278		13	5.13.01		*Thông báo về việc mở cửa thư viện ngày 01/9/2021 *Nội quy thư viện
279			5.13.02		* Thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ ngày 30/11/2022.
280			5.13.03		*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 46/GCNĐKHD-SLĐTBXH ngày 14/7/2017 của Sở Lao động - Thương bịnh và Xã hội Hà Nội; *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp - Số: 10/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 22/10/2018, Số: 15/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương; - Số 46a/GCNĐKBS-SLĐTBXH ngày 05/8/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội.
281			5.13.04		* Danh mục các loại giáo trình và Tài liệu giảng dạy
282		14	5.14.01	5.13.01	*Thông báo về việc mở cửa thư viện ngày 01/9/2021 *Nội quy thư viện
283			5.14.03		Phiếu khảo sát số 5.14.03
284	6		6.1.01	1.3.03	*Quyết định về việc ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ: - Số 236/QĐ-TTCN ngày 30/6/2020; *Quyết định về việc Điều chỉnh Quy chế Chi tiêu nội bộ: - Số 20/QĐ-TTCN ngày 24/01/2022; * Quyết định về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ;

		1			- Số 36/QĐ-TTCN ngày 30/1/2023. *Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiền lương tăng thêm: - Số 403/QĐ-TTCN ngày 01/10/2020; *Quyết định về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở: - Số 35/QĐ-TTCN ngày 06/02/2020; *Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 296/QĐ-CKXD ngày 18/10/2023.
285			6.1.02		* Tờ trình về việc cử cán bộ tham gia khóa đào tạo trình độ thạc sỹ năm 2020 của Trường ĐHSPKT Hưng Yên: - Số 137/TTr-TTCN ngày 16/7/2020. * Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp trường: "Nghiên cứu vận thăng nâng hạng hàng hóa, sửa chữa, cải tạo, vận thăng chở hàng thành mô hình phục vụ công tác đào tạo" : - Số 240/QĐ-TTCN ngày 30/6/2021; * Quyết định về việc cử viên chức tham gia lớp thạc sỹ: Số 161/QĐ-TTCN ngày 25/8/2022.
286			6.1.03		* Luận văn Thạc sĩ của học viên Phạm Văn Tự: "Nghiên cứu tính toán thiết kế hệ thống điều khiển của bơm hút chân không" * Luận văn Thạc sĩ của học viên Phạm Hương Quỳnh * Luận văn Thạc sĩ của học viên Nguyễn Thị Ngọc
287			6.1.04		* Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán thực hiện nhiệm vụ: "Điều tra, khảo sát thực trạng đào tạo nghề trình độ trung cấp xây dựng, đề xuất đổi mới chương trình, năng lực giảng viên đáp ứng nhu cầu hội nhập ASEAN" : - Số 515/QĐ-BXD ngày 24/6/2020 * Quyết định về việc giao đề tài luận văn thạc sĩ: - Số 679/QĐ-ĐHSPKT ngày 26/4/2021
288			6.1.05		Phiếu khảo sát số 6.1.05
289			6.2.01		Hồ sơ thuyết minh các đề tài, sáng kiến

		2			
290			6.2.02		Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp trường năm 2020, 2021, 2022: - Số 283/QĐ-TTCN ngày 04/8/2020; Số 295/QĐ-TTCN ngày 16/8/2021; Số 157/QĐ-TTCN ngày 10/8/2022. * Biên bản Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ: "Nghiên cứu và chế tạo mô hình hệ thống quản lý giám sát kỹ thuật trong tòa nhà (Building Management System - BMS): Số: RD32-17/BB-HĐKHCN ngày 30/9/2020. * Biên bản Hội đồng Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ: "Nghiên cứu căn hộ thông minh thế hệ mới - NEW AGE SMART HOME": Số: RD35-16/BB-HĐKHCN ngày 30/9/2020.
291		5	6.5.01		***Lễ ký thỏa ước hợp tác với Hiệp hội năng lượng không biên giới (ESF)** https://mcc.molisa.gov.vn/Le_ky_hiep_uoc_hop_tac_voi_hiep_hoi_nang_luong_khong_bien_gioi/88/5371 ***Khai giảng khóa chuyển giao kỹ năng sư phạm cho giáo viên do Hiệp hội năng lượng không biên giới nước Cộng hòa Pháp (ESF) tài trợ.** https://mcc.molisa.gov.vn/Khai_giang_khoa_chuyen_giao_ky_nang_su_pham_cho_giang_vien_do_Hiep_hoi_nang_luong_khong_bien_gioi_nuoc_Cong_hoa_Phap_ESF_tai_tro/88/5381
292			6.5.02		***Lễ Bế giảng khóa đào tạo thứ ba - nghề Điện dân dụng và trao chứng chỉ tốt nghiệp sơ cấp** https://mcc.molisa.gov.vn/Le_be_giang_khoa_dao_tao_thu_ba_nghe_dien_dan_dung_va_trao_chung_chi_tot_nghiep_so_cap/88/5451 *** Chứng nhận nghề Điện dân dụng của học sinh khóa 6**
293			7.1.01		*Nghị định Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập - Số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. * Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2017 - Số 71/TTCN-BC ngày 21/6/2018. *Báo cáo tình hình quản lý tài chính, kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập

		1			- Số 01/TCKT ngày 05/01/2019 * Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2018 - Số 1396/QĐ-BXD ngày 29/10/2018; *Quyết định về việc ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ: - Số 236/QĐ-TTCN ngày 30/6/2020; *Quyết định về việc Điều chỉnh Quy chế Chi tiêu nội bộ: - Số 20/QĐ-TTCN ngày 24/01/2022; * Quyết định về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ; - Số 36/QĐ-TTCN ngày 30/1/2023
294			7.1.02		Công khai tại kỳ họp giao ban, tại Hội nghị viên chức và người lao động, tại Website của trường, đường dẫn htttps: //mcc.molisa.gov.vn
295	7		7.1.03		* Báo cáo về việc công khai Quyết toán ngân sách năm 2020 và dự toán ngân sách năm 2021 - Số 38/TTCN ngày 18/02/2022 *Quyết định về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách của Trường: - Số 75/QĐ-TTCN ngày 18//3/2020. - Số 219/QĐ-TTCN ngày 08/6/2021. - Số 27/QĐ-TTCN ngày 11/02/2022. * Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường: - Số 321/QĐ-CKXD ngày 15/11/2023
296		2	7.2.01		*Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021: - Đợt 1: Số 1662/QĐ-BXD ngày 28/12/2020; - Đợt 3: Số 571/QĐ-BXD ngày 13/5/2021; - Đợt 4: Số 594/QĐ-BXD ngày 14/5/2021; * Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 (bổ sung) nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (không thường xuyên) thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên năm 2020 - Số 183/QĐ-BXD ngày 09/02/2021. *Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022:

					- Đợt 1: Số 1506/QĐ-BXD ngày 31/12/2021 * Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1) - Số 1443/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 * Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 - Số 1536/QĐ-BXD ngày 29/12/2023
297			7.2.02		Sổ cái tài khoản
298			7.2.03		* Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022 * Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 * Biên bản kiểm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 06/3/2024
299	7		7.2.04		* Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường TCNCKXD.
300		3	7.3.01		* Báo cáo về việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 về kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2021-2023 - Số 139A/TTCN -TCKT ngày 24/7/2020 * Báo cáo về việc lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 về kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2022-2024 - Số 153/BC-TTCN ngày 23/7/2021 * Báo cáo về việc lập dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (2023 - 2025): - Số 119/BC-TTCN ngày 26/7/2022. * Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1) - Số 1443/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 *Báo cáo lập dự toán thu, chi NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm (2024-2026): - Số 105/BC-TTCN ngày 29/6/2023.
301			7.3.02	7.2.03	* Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022 * Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 * Biên bản kiểm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 06/3/2024

302			7.3.03		* Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường TCNCKXD.
303		4	7.4.01	7.2.02	* Sổ cái tài khoản
304			7.4.02	7.2.03	* Báo cáo quyết toán năm 2021, 2022 * Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 * Biên bản kiểm tra/xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 ngày 06/3/2024
305			7.4.03		* Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường TCNCKXD.
306		5	7.5.01	7.3.02	Kế hoạch công tác tự kiểm tra tài chính kế toán
307			7.5.02		* Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính năm 2020 - Số 35A/BC-TTCN ngày 02/02/2021 *Báo cáo lập dự toán thu, chi NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm (2024-2026): - Số 105/BC-TTCN ngày 29/6/2023.
308			7.5.03		* Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
309			7.5.04	7.4.03	* Biên bản kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường TCNCKXD.
310			7.5.05		* Công văn về triển khai thực hiện Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ tài chính: số 36/CKXD ngày 17/5/2024
311			7.5.06		Công khai tại kỳ họp giao ban, tại Hội nghị viên chức và người lao động, tại Website của trường, đường dẫn htttps: //mcc.molisa.gov.vn
312		6	7.6.01	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022

					- Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
313			7.6.03		Phiếu khảo sát ý kiến số 7.6.03
314	8	1	8.1.01		* Khi nhập học: - Phiếu dự tuyển vào GDNN năm 2022, 2023, 2024. - Đơn đăng ký của học sinh và cam kết của PHHS * Trong quá trình học: - Nội quy lớp học - Bản cam kết phòng chống ma túy, trật tự an toàn giao thông và các tệ nạn xã hội - Quy chế Công tác học sinh của Trường: Số 10/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021.
315			8.1.02	2.4.01	* Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo: - Số 11/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021; - Số 181/QĐ-TTCN ngày 09/09/2022;
316			8.1.03	3.4.02	*Quyết định về việc ban hành Nội quy ra vào cơ quan - Số 146/QĐ-TTCN ngày 28/4/2020. * Nội quy phòng học Lý thuyết, Thực hành, Máy tính.
317			8.1.04		*Quyết định miễn giảm học phí: - Khóa 24 đợt 1 năm 2022: Số 111D/QĐ-TTCN ngày 24/6/2022 - Khóa 24 đợt 1 năm 2022: Số 111C/QĐ-TTCN ngày 24/6/2022 - Khóa 24 (bổ sung): Số 137A/QĐ-TTCN ngày 25/7/2022 - Khóa 24 đợt 2 năm 2022: Số 229/QĐ-TCCN ngày 14/10/2022

					- Khóa 25: đợt 1 số 195/QĐ-TTCN ngày 15/8/2023; đợt 2 số 262/QĐ-CKXD ngày 15/9/2023 - Khóa 26 đợt 1 năm 2024: Số 154/QĐ-MCC ngày 29/11/2024.
318			8.1.05		* Phiếu khảo sát ý kiến của 04 lớp khóa 24 tại Trường.
319			8.2.01		*Báo cáo về việc rà soát, báo cáo bổ sung, điều chỉnh nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh năm 2021 và dự kiến năm 2022: - Số 215/BC-TTCN ngày 10/11/2021
320			8.2.02		* Danh sách những học sinh thuộc đối tượng ưu tiên - Khóa 24 đợt 1 năm 2022 (kèm theo QĐ số 111D/QĐ-TTCN) ngày 24/6/2022 - Khóa 24 đợt 1 năm 2022 (kèm theo QĐ số 111C/QĐ-TTCN) ngày 24/6/2022 - Khóa 24 bổ sung (kèm theo QĐ số 137A/QĐ-TTCN) ngày 25/7/2022 - Khóa 24 đợt 2 năm 2022 (kèm theo QĐ số 229/QĐ-TCCN) ngày 14/10/2022 - Khóa 25 đợt 1 năm 2023 (kèm theo QĐ số 195/QĐ-TTCN) ngày 15/8/2023 - Khóa 25 đợt 2 năm 2023 (kèm theo QĐ số 262/QĐ-CKXD) ngày 15/9/2023 - Khóa 26 đợt 1 năm 2024 (kèm theo QĐ số 154/QĐ-MCC) ngày 29/11/2024
321	8	2	8.2.03	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024

					- Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
322		3	8.3.01		* Quyết định về việc ban hành Quy chế xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh hệ Trung cấp của Trường: - Số 13/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021. * Quyết định về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh của Trường: Số 10/QĐ-TTCN ngày 04/01/2021.
323			8.3.02		* Quyết định về việc khen thưởng học sinh đạt nhiều thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện - Số 58/QĐ-TTCN ngày 07/4/2022. - Số 139/QĐ-TTCN ngày 22/5/2023. - Số 33/QĐ-CKXD ngày 27/3/2024.
324			8.3.03	8.1.04	*Danh sách học sinh được hỗ trợ trong quá trình học tập tại Trường năm học 2021-2022, 2022 - 2023, 2023-2024.
325			8.3.04	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng:

					- Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
326			8.3.05		*Phiếu khảo sát ý kiến của người học khóa 24
327			8.4.01		* Thông báo tuyển sinh năm 2022, 2023, 2024
328		4	8.4.02	1.6.06	* Nghị quyết hội nghị CB, VC và NLĐ Trường TCNCKXD năm 2022 ngày 21/01/2022 *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022 - Số 236/BC-TTCN ngày 07/12/2021 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 - Số 101/BC-TTCN ngày 23/6/2022 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 - Số: 201/BC-TTCN ngày 29/11/2022 *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2023 và giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 - Số 93/BC-TTCN ngày 21/6/2023 * Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 - Số:228/BC-CKXD ngày 29/11/2023 * Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng: - Số 210/BC-MCC ngày 11/11/2024.
329			8.4.04		Phiếu khảo sát số 8.4.04
330		5	8.5.01		* Biên bản kiểm kê khu KTX 4 tầng năm 2021, 2022, 2023 * Biên bản kiểm kê trang thiết bị phòng KTX năm 2021, 2022, 2023 * Biên bản kiểm kê trang thiết bị văn phòng, trang thiết bị chuyên dùng năm 2021, 2022, 2023.
331			8.5.02		* Thông tư quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: - Số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/2/2020. *Bảng tổng hợp đánh giá hiện trạng KTX về diện tích chỗ ở và các điều kiện tối thiểu cho HS học tập và sinh hoạt năm 2021, 2022, 2023

332			8.5.03		* Phiếu khảo sát số 8.5.03
333		6	8.6.01		* Hợp đồng thuê nhân viên y tế trường học: Số 01/2022/HĐ ngày 11/02/2022.
334			8.6.02		* Danh sách bộ phận cung ứng dịch vụ y tế năm 2022,2023, 2024
335			8.6.03		* Danh sách thuốc và thiết bị y tế năm học 2022 - 2023. * Danh sách thuốc và thiết bị y tế năm học 2023-2024; * Danh sách thuốc và thiết bị y tế năm học 2024-2025.
336			8.6.04		* Báo cáo công tác hoạt động y tế trường học năm học 2022 - 2023. * Báo cáo công tác hoạt động y tế trường học năm học 2023-2024. * Báo cáo công tác hoạt động y tế trường học năm học 2024-2024.
337			8.6.05		*Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
338			8.6.06		* Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của Trường năm học 2022 - 2023 * Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của Trường năm học 2023-2024
339			8.6.07		Phiếu khảo sát số 8.6.07
340		7	8.7.01	5.1.04	* Thông tin về khu TDTT, khu sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Trường năm học 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025.
341			8.7.02		* Kế hoạch Tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao chào mừng ngày Nhà giáo VN 20/11/2022: - Số 28/KH-CĐTTCN ngày 03/11/2022 * Kế hoạch hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên: Số 01/KH-ĐTN ngày 01/6/2022 * Kế hoạch hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên: Số 02/KH-ĐTN ngày 28/10/2022 * Kế hoạch hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2023 *Kế hoạch Tổ chức hoạt động chào mừng 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS HCM:

					số 07/KH-ĐTN ngày 02/02/2023. *Kế hoạch tiếp sức mùa thi năm 2023: 09/KH-TTCN ngày 07/6/2023 * Kế hoạch Tập văn nghệ khai giảng năm học 2023-2024: - Số 11/KH-ĐTN ngày 31/7/2023 * Kế hoạch tập văn ngệ chào mừng 41 năm ngày nhà giáo VN và kỷ niệm 25 năm thành lập trường: - Số 14/KH-ĐTN ngày 03/10/2023 Chương trình lễ khai giảng năm học 2023-2024 ngày 05/9/2023. * Kế hoạch phát động phong trào thì đua năm 2024 - Số 04/KH-CĐCKXD ngày 22/3/2024 * Kế hoạch tổ chức giải thể thao chào mừng kỷ niệm 42 năm ngày nhà giáo VN 20/11/2024 - Số 19/KH-CĐCKXD ngày 25/10/2024.
342			8.7.03		* Lịch trực bảo vệ năm 2022, 2023, 2024. * Kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, chiến thắng 30/4 và Quốc tế LĐ 01/5/2022 của Trường TCNCKXD: - Só 70/KH-TTCN ngày 22/4/2022: * Báo cáo kiểm tra toàn diện các mặt công tác Quốc phòng, quân sự, địa phương năm 2022: - Số 16/BC-TTCN ngày 20/9/2022. * Thông báo lịch huấn luyện Tự vệ tại chỗ của Ban CHQS Trường TNCKXD ngày 24/7/2022. * Kế hoạch huấn luyện Tự về tại chỗ của BCH quân sự Trường: 132/KH-BCH ngày 27/7/2023 * Kế hoạch huấn luyện Tự về tại chỗ của BCH quân sự Trường: 134/KH-BCH ngày 31/7/2023 *Kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Hội nghị TW8 khóa XIII và kỳ họp thư s6, quốc hội khóa XV: 196/KH-TTCN ngày 04/10/2023.
343			8.7.04		* Bảng đánh giá trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong nhà trường.

344			8.7.05		Phiếu khảo sát số 8.7.05A, 8.7.05B
345		8	8.8.01		Kế hoạch tư vấn việc làm cho học sinh khóa 23,24
346			8.8.02		* Thông báo tuyển dụng của một số Công ty: - Công ty CP nhựa sinh thái Việt Nam - Công ty CP Cơ khí XD & tư vấn - Công ty CP kỹ thương JESCO Việt Nam - Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP - Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô GOSHI - Thăng Long - Công ty Honda Việt Nam - Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Hưng Yên (AMA). - Công ty cổ phần nhân lực Topaz
347			8.8.04		Phiếu khảo sát 8.8.04A, 8.8.04B
348			8.9.01		*Kế hoạch tổ chức ngày hội gắn kết giáo dục nghề nghiệp thủ đô với thị trường lao động năm 2023: Số 1003/KH-SLĐTBXH ngày 20/3/2023 * Đăng ký gian hàng tư vấn tuyển sinh, trình diễn và doanh nghiệp ký kết hợp tác tham gia ngày hội gắn kết GDNN Thủ đô với thị trường lao động năm 2023 * Thông báo về việc tham dự ngày hội gắn kết giáo dục nghề nghiệp thủ đô với thị trường lao động năm 2024: Số 1591/SLĐTBXH-GDNN ngày 08/5/2024.
349			8.9.02		* Thông báo tuyển dụng của một số Công ty: - Công ty CP nhựa sinh thái Việt Nam - Công ty CP Cơ khí XD & tư vấn - Công ty CP kỹ thương JESCO Việt Nam - Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP - Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô GOSHI - Thăng Long - Công ty Honda Việt Nam - Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Hưng Yên (AMA). - Công ty cổ phần nhân lực Topaz

350			8.9.03		Báo cáo phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm năm 2023, 2024
351			8.9.04		Phiếu khảo sát 8.9.04A, 8.9.04B
352	9	1	9.1.01		*Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024.
353			9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2023, 2024.
354			9.1.03		Khảo sát bằng phiếu hỏi năm 2023, 2024.
355			9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2023, 2024.
356		2	9.2.01		*Kế hoạch thu thập ý kiến của viên chức quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm năm 2023, 2024.
357			9.2.02		Danh sách được thu thập ý kiến năm 2023, 2024.
358			9.2.03		Gọi điện thoại hoặc gửi Phiếu lấy ý kiến
359			9.2.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2023, 2024.
360		3	9.3.01		*Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2023, 2024.
361			9.3.02		Danh sách học sinh năm 2022, 2023, 2024.
362			9.3.03		Danh sách học sinh được thu thập ý kiến năm 2023, 2024.
363			9.3.04		Khảo sát bằng phiếu hỏi năm 2023, 2024.
364			9.3.05		Gọi điện thoại hoặc gửi Phiếu lấy ý kiến năm 2023, 2024.
365			9.3.06		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến năm 2023

366			9.4.01		*Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN: - Số 66A/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 01/4/2021. - Số 158/KH-HĐTĐGCLGDNN ngày 15/9/2022. - Số 42/TTCN-HĐTĐGCL ngày 13/3/2023 - Số 44/KH-CKXD ngày 04/4/2024
367		4	9.4.02	1.7.03	* Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN - Số 250/BC-TTCN ngày 28/12/2021. - Số 221/BC-TTCN ngày 23/12/2022 * Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN - Số 61/QĐ-TTCN ngày 19/02/2021; Số 37/BB-TTCN ngày 28/5/2021; Số 183/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số74/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 38/QĐ-CKXD ngày 04/04/2024. * Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá: - Số 184/QĐ-TTCN ngày 14/9/2022; Số 75/QĐ-TTCN ngày 10/3/2023; Số 39/QĐ-CKXD ngày 04/04/2024.
368			9.4.03		* Công khai trên Website của Trường: Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN https://https://mcc.molisa.gov.vn/bao-cao-ket-qua-tu-danh-gia-chat-luong-truong-trung-cap-nghe-co-khi-xay-dung
369			9.6.01		Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng về việc công nhận tốt nghiệp: - Số 55/QĐ-TTCN ngày 06/4/2022: Số 247/QĐ-TTCN ngày 28/10/2022 - Số 51/QĐ-TTCN ngày 10/02/2023; - Số 165/QĐ-TTCN ngày 29/6/2023 - Số 15/QĐ-CKXD ngày 18/01/2024.
370		6	9.6.02		Kế hoạch khảo sát việc làm đối với học sinh tốt nghiệp
371			9.6.03		Khảo sát bằng phiếu hỏi trên Website của Trường: Phiếu khảo sát cựu học sinh Trường Trung cấp nghề Cơ khí xây dựng https://mcc.molisa.gov.vn/phieu-khao-sat-cuu-hoc-sinh-truong-trung-cap-nghe-co-khi-xay-dung
372			9.6.04		Báo cáo kết quả khảo sát việc làm đối với học sinh tốt nghiệp